



ISSN 2354-0664

TẠP CHÍ

# LUẬT SƯ VIỆT NAM

VIETNAM LAWYER JOURNAL

CƠ QUAN CỦA LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM

www.lsvn.vn - tapchiluatsu.vn

**THỂ CHẾ VÀ VIỆC THÁO GỖ ĐIỂM NGHẼN THỂ CHẾ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**CHÍNH QUYỀN 3 CẤP**

**THỰC TIỄN TỔ CHỨC Ở CÁC NƯỚC TIÊU BIỂU TRÊN THẾ GIỚI**

**NHẬN THỨC VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT NHÌN TỪ THỰC TIỄN XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN KINH TẾ, THAM NHỮNG THỜI GIAN QUA MỘT SỐ Ý KIẾN VÀ GIẢI PHÁP**

**Số 3 (131)  
Tháng 03-2025**

Xuất bản  
từ Tháng 3-2014



TẠP CHÍ

**LUẬT SƯ VIỆT NAM**

VIETNAM LAWYER JOURNAL

CƠ QUAN CỦA LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM

www.lsvn.vn - tapchiluatsu.vn

**Số 3 (131) Tháng 3-2025**

Xuất bản từ Tháng 3-2014

**TỔNG BIÊN TẬP**

ThS Đặng Ngọc Luyến

**PHÓ TỔNG BIÊN TẬP**TS. LS Liêu Chí Trung  
LS Trần Mạnh Quyết**HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP**TS.LS Phan Trung Hoài  
(*Chủ tịch Hội đồng*)ThS Đặng Ngọc Luyến  
(*Phó Chủ tịch Hội đồng*)

GS.TSKH Đào Trí Úc

GS.TS Võ Khánh Vinh

GS.TS Thái Vĩnh Thắng

GS.TS.Trung tướng Nguyễn Ngọc Anh

GS.TS Nguyễn Hữu Khiển

PGS.TS.Trung tướng Trần Văn Độ

PGS.TS.LS Chu Hồng Thanh

TS.LS Phạm Huỳnh Công

TS Nguyễn Thanh Phú

ThS.LS Nguyễn Minh Tâm

Luật gia Phùng Ngọc Đức

Luật gia Đoàn Văn Quang

TS.LS Liêu Chí Trung

Luật sư Trần Mạnh Quyết

**TÒA SOẠN**

Tầng 1, Tòa nhà CT13B

KĐT Nam Thăng Long, đường Võ Chí Công,  
quận Tây Hồ, TP. Hà Nội

ĐT: Biên tập - 0913540671; Phát hành - 0968750333

Email: tapchiluatsu.in@gmail.com

Tạp chí điện tử: www.lsvn.vn/tapchiluatsu.vn

**VPĐD tại TP. Hồ Chí Minh**

280F1 Lương Định Của,

P. An Phú, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 0938639099

Email: lsvn.hcm@gmail.com

**VPĐD tại Cần Thơ**284 đường Võ Văn Kiệt, khu vực 5, phường An Thới,  
quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ

Điện thoại: 0913618808

Email: tapchiluatsudbscl@gmail.com

**VPĐD tại khu vực Bắc Trung bộ**

68B, đường Trương Văn Lĩnh, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại: 0913028862

Email: nbbinhtrongna@gmail.com

**GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG BÁO CHÍ**

Số: 366/GP-BTTTT, ngày 21/8/2020; sửa đổi,

bổ sung số 388/GP-BTTTT ngày 16/10/2023

của Bộ Thông tin và Truyền thông

In tại: Nhà máy In Bộ Quốc phòng

**GIÁ: 50.000 ĐỒNG****TRONG SỐ NÀY****NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI**

- 04** Thể chế và việc tháo gỡ điểm nghẽn thể chế ở Việt Nam hiện nay  
**GS.TS Vũ Công Giao**
- 10** Mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn của quyền tiếp cận thông tin trong công tác phòng chống tham nhũng hiện nay  
**Lê Hùng, Tô Đình Hiếu**
- 15** Hoàn thiện pháp luật về đấu giá quyền khai thác khoáng sản  
**Nguyễn Quốc Tuấn**
- 19** Trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ mạng trong việc bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em: Pháp luật một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam  
**Đàm Lê Khánh Chi,  
Phạm Khánh Vy, Trần Thị Sơn Hải**
- 28** Hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và một số đề xuất hoàn thiện  
**TS Vũ Thị Phượng, Hà Quang Bách,  
Nguyễn Thị Kiều Trang**
- 32** Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo pháp luật hình sự một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam  
**Đinh Thị Nhung,  
Nguyễn Hải Yến, Hoàng Thanh Huyền**
- 37** Quy định pháp luật về môi giới bất động sản: Thực trạng và một số kiến nghị  
**Phạm Linh Trang**

**HOẠT ĐỘNG THỰC TIỄN**

- 40** Nhận thức và áp dụng pháp luật nhìn từ thực tiễn xét xử các vụ án kinh tế, tham nhũng thời gian qua - Một số ý kiến và giải pháp.  
**TS.LS Phan Trung Hoài**
- 44** Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là người dân tộc thiểu số trên môi trường thương mại điện tử  
**Nguyễn Thị Vân Anh**
- 46** Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm  
**ThS.LS Đinh Văn Quế**

**PHÁP LUẬT NƯỚC NGOÀI**

- 54** Chính quyền 3 cấp: Thực tiễn tổ chức ở các nước tiêu biểu trên thế giới  
**GS.TS Nguyễn Đăng Dung  
ThS Nguyễn Đăng Duy**



TAP CHÍ

**LUẬT SƯ VIỆT NAM**

VIETNAM LAWYER JOURNAL

CƠ QUAN CỦA LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM

www.lsvn.vn - tapchiluatsu.vn

**No. 3 (131) Mar, 2025**

Published from March, 2014

**EDITOR-IN-CHIEF**

LLM Dang Ngoc Luyen

**DEPUTY EDITOR-IN-CHIEF**

Dr. Lawyer Lieu Chi Trung

Lawyer Tran Manh Quyet

**EDITORIAL BOARD**Dr. Lawyer Phan Trung Hoai  
(Chairman)LLM Dang Ngoc Luyen  
(Vice Chairman)

Prof. Dr.sc Dao Tri Uc

Prof. Dr Vo Khanh Vinh

Prof. Dr Thai Vinh Thang

Prof. Dr Nguyen Ngoc Anh

Prof. Dr Nguyen Huu Khiem

Assoc Prof. Dr Tran Van Do

Assoc Prof. Dr. Lawyer Chu Hong Thanh

Dr. Lawyer Pham Huynh Cong

Dr Nguyen Thanh Phu

LLM. Lawyer Nguyen Minh Tam

Lawyer Phung Ngoc Duc

Lawyer Doan Van Quang

Dr. Lawyer Lieu Chi Trung

Lawyer Tran Manh Quyet

**EDITORIAL OFFICE**

T1st floor, CT13B Building, Nam Thang Long Urban

Area, Vo Chi Cong Street, Tay Ho District, Ha Noi

Tel: Editing - 0913540671; Publishing - 0968750333

Email: tapchiluatsu.in@gmail.com

Online: www.lsvn.vn/tapchiluatsu.vn

**Representative office in Ho Chi Minh City**

280F1 Luong Dinh Cua, An Phu Ward, Thu Duc City,

Ho Chi Minh City

Tel: 0938639099

Email: lsvno.hcm@gmail.com

**Representative office in Can Tho**

284 Vo Van Kiet Street, Area 5, An Thoi Ward,

Binh Thuy District, Can Tho City

Tel: 0913618808

Email: tapchiluatsudbscl@gmail.com

**Representative office in the North Central region**

68B, Truong Van Linh road, Vinh city, Nghe An

Tel: 0913028862

Email: nbbinhtrongna@gmail.com

**LICENCE OF PUBLISHMENT**

366/GP-BTTTT, dated 21/8/2020;

amending, supplementing No. 388/GP-BTTTT

dated 16/10/2023 by the Ministry of Information

and Communication

Printed at: Printing Factory of Ministry

of National Defence

**Price: 50.000VND****TABLE OF CONTENT****RESEARCH - DISCUSSION**

- 04** Institutions and the removing institutional bottlenecks in Viet Nam today  
**Prof. Dr Vu Cong Giao**
- 10** The relationship between theory and practice of the right to access information in the current anti-corruption work  
**Le Hung, To Dinh Hieu**
- 15** Perfecting the law on auction of mineral exploitation rights  
**Nguyen Quoc Tuan**
- 19** Responsibilities of network service providers in protecting children's privacy: Laws of some countries and experience for Vietnam  
**Dam Le Khanh Chi  
Pham Khanh Vi, Tran Thi Son Hai**
- 28** Community sentence for people under the age of 18 committing crimes and proposed to complete  
**Dr Vu Thi Phuong, Ha Quang Bach  
Nguyen Thi Kieu Trang**
- 32** The time limit for criminal prosecution for people under the age of 18 committing crimes in the criminal law of some countries and experience for Vietnam  
**Dinh Thi Nhung  
Nguyen Hai Yen, Hoang Thanh Huyen**
- 37** Law regulations on real estate brokerage: The current situation and some recommendations  
**Pham Linh Trang**

**ACTIVITIES PRACTICE**

- 40** Awareness and application of laws viewed from the practice of trials of economic and corruption cases over the past time - Some opinions and solutions  
**Prof. Dr Phan Trung Hoai**
- 44** Perfecting the law on protecting consumers' interests are ethnic minorities on e-commerce environment  
**Nguyen Thi Van Anh**
- 46** Crime of Manufacturing and trading of counterfeit food or food additives  
**LLM. Lawyer Dinh Van Que**

**FOREIGN LAW**

- 54** Three levels of government: Practical organization in typical countries in the world  
**Prof. Dr Nguyen Dang Dung  
LLM Nguyen Dang Duy**

# THỂ CHẾ VÀ VIỆC THÁO GỖ ĐIỂM NGHẼN THỂ CHẾ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY\*

GS.TS VŨ CÔNG GIAO\*

**Tóm tắt:** Thể chế và việc tháo gỡ điểm nghẽn thể chế là chủ đề đang được quan tâm đặc biệt ở nước ta hiện nay. Với sự thúc đẩy, chỉ đạo mạnh mẽ của Tổng Bí thư Tô Lâm, nhiều hoạt động cải cách thể chế đã và đang được thực hiện khẩn trương và đã mang lại những kết quả nhất định. Dù vậy, do thể chế là một phạm trù rộng lớn, phức tạp, đồng thời với các hoạt động cải cách trong thực tế, vẫn cần tiếp tục nghiên cứu để làm rõ hơn những điểm nghẽn và giải pháp tháo gỡ những điểm nghẽn thể chế ở nước ta hiện nay. Bài viết này cũng hướng vào mục đích đó. Thông qua việc phân tích nội hàm các khái niệm thể chế, điểm nghẽn thể chế, tác giả xác định những điểm nghẽn thể chế cụ thể ở nước ta hiện nay và nguyên nhân của chúng, đồng thời đề xuất một số giải pháp để tháo gỡ những điểm nghẽn thể chế đó trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Thể chế, điểm nghẽn thể chế, tháo gỡ điểm nghẽn thể chế, Việt Nam.

**Abstract:** Institutions and the removing institutional bottlenecks are specially concerned topic in our country today. With the strong promotion and direction of General Secretary To Lam, many institutional reform activities have been implementing urgently and have brought certain results. However, due to the institution is a large and complicated category, and with the reform activities in practice, it is still necessary to continue researching to clarify the bottlenecks and solutions to removing institutional bottlenecks in our country today. This article is also directed to that purpose. Through the analysis content of the concepts of institutions, institutional bottlenecks, the author identifies the specific institutional bottlenecks in our country today and their causes, and proposes some solutions to removing institutional bottlenecks in the near future.

**Keywords:** Institutions, institutional bottlenecks, removing institutional bottlenecks, Vietnam.

## Khái lược về thể chế và điểm nghẽn thể chế

### Thể chế

Có nhiều định nghĩa về thể chế (institutions)<sup>1</sup>, tuy nhiên, theo cách hiểu khái quát, có thể hiểu đó là hệ thống các quy tắc, chuẩn mực, luật lệ và tổ chức nhằm điều chỉnh hành vi của con người trong một xã hội, tổ chức hoặc quốc gia.

Khái niệm thể chế có thể được sử dụng trong nhiều lĩnh vực, từ chính trị, kinh tế, xã hội đến pháp

luật. Trong lĩnh vực chính trị, thể chế thường được hiểu là cơ chế tổ chức quyền lực nhà nước mà qua đó xác định cách thức chính quyền ở một quốc gia được hình thành và vận hành, hoạt động trong thực tế. Theo cách tiếp cận đó, có các thể chế chính trị dân chủ, quân chủ, độc tài, chuyên chế<sup>2</sup>... Trong lĩnh vực kinh tế, khái niệm thể chế kinh tế thường được hiểu là cách thức một xã hội tổ chức sản xuất, phân phối và tiêu dùng các hàng hóa, dịch vụ. Theo cách tiếp cận

đó, có những thể chế kinh tế thị trường, thể chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung, thể chế kinh tế hỗn hợp<sup>3</sup>... Trong lĩnh vực xã hội, thể chế xã hội có thể hiểu là hệ thống các quy tắc và chuẩn mực đạo đức trong các lĩnh vực như giáo dục, văn hóa, gia đình... tác động đến mỗi cá nhân và nhóm ở các quốc gia. Trong lĩnh vực pháp luật, thể chế pháp luật (hay thể chế pháp lý) có thể hiểu là hệ thống luật lệ, quy định do nhà nước ban hành để quản lý xã hội.

\* Bài viết là một phần kết quả của đề tài khoa học cấp Bộ năm 2024-2025 “Kiểm soát quyền lực nhà nước trong hoạt động xét xử của tòa hành chính ở khu vực miền Trung và Tây Nguyên” do TS Hoàng Thị Thu Thủy là chủ nhiệm.

\* Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

<sup>1</sup> Ví dụ, xem North, D. (1990). Institutions, institutional change, and economic performance. New York: Cambridge University Press. <http://www.cambridge.org/gb/academic/subjects/politics-international-relations/political-economy/institutions-institutional-change-and-economic-performance>; Hodgson, G. (2006).

What are Institutions? Journal of Economic Issues, 40(1), 1-25. <http://www.geoffrey-hodgson.info/user/bin/whatareinstitution.pdf>; Knack, S., & Keefer, P. (1995). Institutions and economic performance: Cross-country tests using alternative institutional indicators. World Bank. [http://mpr.aub.uni-muenchen.de/23118/1/MPRA\\_paper\\_23118.pdf](http://mpr.aub.uni-muenchen.de/23118/1/MPRA_paper_23118.pdf); Leftwich, A. & Sen, K. (2010). Beyond institutions: Institutions and organisations in the politics and economics of poverty reduction - a thematic synthesis of research evidence. DFID-funded Research Programme Consortium on Improving Institutions for Pro- Poor Growth (IPPG), September 2010. University of Manchester.

[http://www.ippg.org.uk/8933\\_Beyond%20Institutions.final%20\(1\).pdf](http://www.ippg.org.uk/8933_Beyond%20Institutions.final%20(1).pdf)

<sup>2</sup> WB, World Development Report 2002, CHAPTER 5, Political Institutions

and Governance, <https://openknowledge.worldbank.org/server/api/core/bitstreams/66f7bdd6-8e3d-56b7-a42d-ba5bb528e88c/content>

<sup>3</sup> Robert L. Heilbroner, Peter J. Boettke, Economic System, <https://www.britannica.com/money/economic-system>



điểm nghẽn”, tức là yếu tố cản trở chính trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước<sup>6</sup>.

Những biểu hiện cụ thể của điểm nghẽn thể chế (hoặc theo cách gọi khác là những điểm nghẽn thể chế cụ thể) ở Việt Nam bao gồm<sup>7</sup>: (i) Chất lượng xây dựng pháp luật chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Nhiều văn bản pháp luật chưa đi vào cuộc sống. Một số đạo luật mới ban hành đã phải sửa đổi do không phù hợp với thực tế. Hệ thống pháp luật còn chồng chéo, thiếu đồng bộ, gây khó khăn trong việc thực thi và dẫn đến lãng phí nguồn lực; (ii) Thủ tục hành chính vẫn còn rườm rà, phức tạp, thiếu minh bạch, dịch vụ công trực tuyến chưa thuận tiện, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp. Tình trạng này dẫn đến không khuyến khích sáng tạo, không giải phóng được sức sản xuất, tạo ra nạn những nhiều, tiêu cực, kìm hãm sự phát triển của đất nước; (iii) Tổ chức bộ máy của Nhà nước nói riêng, của hệ thống chính trị nói chung còn quá cồng kềnh, hiệu lực, hiệu quả hoạt động hạn chế. Việc phân cấp, phân quyền giữa các cơ quan quản lý nhà nước còn bất cập, chưa triệt để và hợp lý, dẫn đến tình trạng đùn đẩy trách nhiệm và thiếu hiệu quả trong quản lý; (iv) Cơ chế, chính sách kinh tế chưa tạo môi trường thực sự thuận lợi để thu hút các nguồn lực từ nhà đầu tư trong và ngoài nước, cũng như khơi thông nguồn lực trong nhân dân. Nhiều quy định còn gây khó khăn, cản trở việc thực thi, dẫn đến thất thoát, lãng phí các nguồn lực.

Trong số những điểm nghẽn thể chế ở nước ta hiện nay, điểm nghẽn nghiêm trọng nhất là hệ thống chính sách, pháp luật chưa đồng bộ, thiếu minh bạch và thực thi kém hiệu quả<sup>8</sup>. Sở dĩ đây là điểm nghẽn nghiêm trọng nhất vì chính sách, pháp luật là gốc rễ của nhiều vấn đề khác. Một hệ thống chính sách, pháp luật chồng chéo, mâu thuẫn dẫn đến thủ tục hành chính rườm rà, gây khó khăn cho doanh nghiệp và người dân, tạo cơ sở cho nạn quan liêu, tham nhũng hoành hành. Hệ thống chính sách, pháp luật thiếu minh bạch thì phân cấp, phân quyền giữa trung ương, địa phương cũng sẽ gặp rào cản, vì không có cơ sở pháp lý rõ ràng để thực hiện; cán bộ, công chức cũng khó thực thi công việc hiệu quả nếu chính sách, pháp luật liên tục thay đổi, không thống nhất. Xét về mặt kinh tế, điểm nghẽn về chính sách, pháp luật khiến doanh nghiệp trong nước gặp khó khăn trong việc tiếp cận vốn, đất đai, đầu tư vì các quy định pháp lý không rõ ràng, thiếu ổn định, từ đó làm mất cơ hội kinh doanh. Không chỉ vậy, môi trường pháp lý thiếu minh bạch, thủ tục kéo dài, tham nhũng phổ biến khiến cho nhà đầu tư trong, ngoài nước e ngại, các hoạt động kinh doanh có thể bị đình trệ vì vướng mắc trong thủ tục, phê duyệt chậm trễ. Chính sách, pháp luật nhiều kẽ hở còn là cơ hội cho các nhóm lợi ích lợi dụng để lũng đoạn nhà nước, gây mất lòng tin của người dân và doanh nghiệp, dẫn đến tình trạng “né tránh”, lách luật hoặc chấp nhận “sống chung” với tham nhũng, đưa hối

lộ để giải quyết các thủ tục đầu tư, kinh doanh hoặc dịch vụ hành chính công. Tóm lại, điểm nghẽn về chính sách, pháp luật không chỉ làm chậm sự phát triển của đất nước, mà còn tạo ra nhiều hệ lụy lâu dài như nạn tham nhũng, sự xuống cấp của đạo đức, liêm chính trong xã hội, cũng như làm mất niềm tin của doanh nghiệp và người dân vào nhà nước và chế độ. Chính vì vậy, đây là vấn đề quan trọng nhất cần giải quyết để tháo gỡ các điểm nghẽn thể chế khác ở nước ta.

Xét chung, các điểm nghẽn thể chế ở nước ta hiện nay do nhiều nguyên nhân, cả chủ quan và khách quan, trong đó những nguyên nhân chính có thể kể là<sup>9</sup>.

*Thứ nhất*, tư duy quản lý còn chậm đổi mới. Một số cơ quan, cán bộ vẫn theo tư duy quản lý nhà nước kiểu cũ, thiên về mệnh lệnh, áp đặt, kiểm soát, hạn chế... thay vì tư duy quản trị nhà nước thiên về kiến tạo, phục vụ... để tạo điều kiện cho phát triển. Tư duy “không quản được thì cấm” vẫn còn tồn tại, gây cản trở các mô hình kinh doanh mới và sáng tạo, trong khi chưa có cơ chế thử nghiệm chính sách (sandbox) hiệu quả để áp dụng với các lĩnh vực mới như kinh tế số, công nghệ tài chính (fintech)...

*Thứ hai*, chính sách thiếu nhất quán, hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ, còn chồng chéo, mâu thuẫn giữa các văn bản pháp luật (ví dụ: Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Xây dựng...) gây khó khăn cho doanh nghiệp và chính quyền địa phương khi triển khai các hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản

<sup>6</sup> Bộ Nội vụ (chuyên trang Chuyển đổi số), *Điểm nghẽn thể chế và áp lực cải cách*, <https://moha.gov.vn/chuyen-doi-so/nguyen-cuu-trao-doi/diem-nghen-the-che-va-ap-luc-cai-cach-d735-t56467.html>, ngày 25/10/2024; Thành An, “*Điểm nghẽn*” của “*điểm nghẽn*” do ai?, <https://www.qdnd.vn/cung-ban-luan/diem-nghen-cua-diem-nghen-do-ai-801406>, ngày 03/11/2024.

<sup>7</sup> Xem thêm Hậu Lộc - Phạm Thành, *Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật - tạo đột phá đưa đất nước “cất cánh” trong kỷ nguyên mới*, <https://tuoitrethudo.vn/bai-1-diem-nghen-the-che-can-benh-kim-ham-su-phat-trien-cua-dat-nuoc-265332.html>, ngày 14/11/2024.

<sup>8</sup> Xem Tổng Bí thư Tô Lâm: *Tháo gỡ điểm nghẽn, nút thắt có nguyên nhân từ các quy định của pháp luật*, <https://baohinhphu.vn/tong-bi-thu-to-lam-thao-go-diem-nghen-nut-that-co-nguyen-nhan-tu-cac-quy-dinh-cua-phap-luat-102241107171250925.htm>, ngày 10/02/2025.

<sup>9</sup> Xem thêm: Nguyễn Sĩ Dũng, *Gỡ nghẽn thể chế*, <https://tuoitre.vn/go-nghen-the-che-20241023093325178.htm>; Hải Triều, *Gỡ ‘nghẽn’ thể chế, bắt đầu từ đâu?*, <https://thanhnien.vn/go-nghen-the-che-bat-dau-tu-dau-185241110221423375.htm>, ngày 12/11/2024.

lý. Nhiều quy định pháp luật chưa theo kịp thực tiễn, đặc biệt trong các lĩnh vực khoa học công nghệ, kinh tế số, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo... Trong khi đó, quy trình xây dựng, sửa đổi luật còn chậm, mất nhiều thời gian để điều chỉnh những bất cập trong hệ thống pháp luật.

*Thứ ba*, thủ tục hành chính còn rườm rà, phức tạp, thiếu minh bạch, gây nhiều khó khăn, tốn kém cho doanh nghiệp và người dân trong khi tạo cơ hội cho những cán bộ biến chất lợi dụng để nhũng nhiễu; việc ứng dụng công nghệ số vào cải cách hành chính còn hạn chế, nhiều dịch vụ công trực tuyến chưa thực sự hiệu quả.

*Thứ tư*, cơ chế phân cấp, phân quyền chưa rõ ràng, chưa phân định rõ trách nhiệm giữa các cấp chính quyền, dẫn đến tình trạng đùn đẩy, né tránh trách nhiệm. Trong thực tế, một số địa phương muốn chủ động triển khai các dự án phát triển nhưng gặp rào cản từ cấp trung ương, gây chậm trễ trong việc thực hiện và mất cơ hội đầu tư tốt.

*Thứ năm*, việc giám sát và kiểm soát quyền lực chưa hiệu quả, có nơi quá tập trung quyền lực, có nơi lại bị động chờ chỉ đạo từ cấp trên. Nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị nói chung, bộ máy nhà nước nói riêng quá đông nhưng trình độ, năng lực, phẩm chất của một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu. Một số cán bộ, công chức, viên chức thiếu năng lực, thiếu tư duy đổi mới, dẫn đến việc thực thi chính sách kém hiệu quả. Việc thực hiện cơ chế đánh giá, bổ nhiệm cán bộ có lúc, có nơi chưa chặt chẽ, nghiêm túc, còn tình trạng bổ nhiệm dựa trên quan hệ hơn là năng lực thực sự. Chưa có cơ chế hiệu quả động viên, khuyến khích cán bộ dám nghĩ, dám làm, dẫn đến tâm lý làm việc cầm chừng, sợ trách nhiệm.

*Thứ sáu*, quản lý và sử dụng nguồn lực kém hiệu quả. Đầu tư công còn lãng phí, thất thoát, nhiều dự án chậm tiến độ, đội vốn nhưng không mang lại hiệu quả kinh tế hoặc chỉ đạt hiệu quả thấp. Việc tiếp cận vốn của doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, vẫn còn khó khăn do hệ thống tín dụng chưa thực sự hỗ trợ khởi nghiệp, sáng tạo. Chính sách đất đai, thuế, tín dụng chưa thực sự tạo động lực phát triển, nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn trong mở rộng sản xuất kinh doanh.

Ngoài những nguyên nhân bên trong kể trên, điểm nghẽn cơ chế còn do sự tác động của một số yếu tố bên ngoài. Ví dụ, cạnh tranh toàn cầu và hội nhập kinh tế quốc tế đòi hỏi Việt Nam phải liên tục cải cách thể chế để phù hợp với các cam kết quốc tế như trong các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, EVFTA...) đã yêu cầu. Không chỉ vậy, các yếu tố bên ngoài như đại dịch, biến đổi khí hậu, khủng hoảng kinh tế... cũng ảnh hưởng đến việc thực hiện các chính sách phát triển, tạo ra những khó khăn (điểm nghẽn) từ đó đòi hỏi Nhà nước phải có những điều chỉnh về thể chế.

### Giải pháp tháo gỡ điểm nghẽn thể chế ở nước ta hiện nay

Từ những phân tích ở hai mục trên, có thể thấy điểm nghẽn thể chế ở Việt Nam hiện nay là một thuật ngữ có tính khái quát, nội hàm rộng, thể hiện qua nhiều dấu hiệu, do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan. Tuy nhiên, nguyên nhân chủ yếu là do tư duy quản lý chậm đổi mới, hệ thống pháp luật thiếu đồng bộ, thủ tục hành chính rườm rà, phân cấp chưa rõ

ràng, chất lượng nguồn nhân lực chưa cao và việc sử dụng nguồn lực chưa hiệu quả.

Như vậy, để tháo gỡ điểm nghẽn thể chế đòi hỏi có một cách tiếp cận toàn diện, đồng bộ, quyết liệt và lâu dài trên nhiều lĩnh vực, từ cải cách luật pháp, nâng cao năng lực, phẩm chất đạo đức cho đến thúc đẩy đổi mới sáng tạo và tăng cường tính minh bạch, trách nhiệm giải trình trong tổ chức, hoạt động của các cơ quan và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy nhà nước nói riêng và hệ thống chính trị nói chung. Dưới đây đi sâu phân tích một số giải pháp quan trọng:

*Thứ nhất*, đổi mới tư duy quản lý: Trong vấn đề này, Nhà nước cần chuyển từ tư duy “quản lý” kiểu cũ mà mang nặng tính chất áp đặt, mệnh lệnh sang tư duy “quản trị”<sup>10</sup> mang tính chất phục vụ, “kiến tạo phát triển”<sup>11</sup>. Nói cách khác, Nhà nước cần đóng vai trò hỗ trợ, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và người dân phát triển, thay vì chỉ kiểm soát, quản lý, dẫn đến hạn chế các quyền, cơ hội và năng lực phát triển của người dân và doanh nghiệp, trong khi tạo ra nhiều cơ hội cho nạn quan liêu, tham nhũng.

Việc chuyển đổi tư duy từ quản lý sang quản trị đòi hỏi tiến hành nhiều hoạt động, trong đó có một số hoạt động cần ưu tiên làm ngay, đó là: Tăng cường thực hiện “Chính phủ điện tử”, tiến tới xây dựng “Chính phủ số”, đồng thời xây dựng “xã hội số”, “kinh tế số” để đẩy nhanh giải quyết thủ tục hành chính, giảm thiểu tiếp xúc trực tiếp giữa người dân, doanh nghiệp và cán bộ, công chức hành chính, qua đó hạn chế những nhiễu, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách (regulatory

<sup>10</sup> Xem thêm: Vũ Công Giao, *Vận dụng các nguyên tắc của quản trị nhà nước tốt vào đổi mới quản lý nhà nước ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022.

<sup>11</sup> Xem thêm: Trịnh Quốc Toàn - Vũ Công Giao (chủ biên), *Nhà nước kiến tạo phát triển - lý luận, thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2017.

sandbox)<sup>12</sup> trong các lĩnh vực mới như fintech, AI, kinh tế số để tạo điều kiện cho đổi mới sáng tạo, đặc biệt trong các hoạt động kinh tế, nghiên cứu khoa học công nghệ và giáo dục, đào tạo.

*Thứ hai*, hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm tính đồng bộ, minh bạch và hợp lý: Trong vấn đề này, Nhà nước cần rà soát, sửa đổi các văn bản pháp luật còn chồng chéo, bất hợp lý, nhất là trong lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng, kinh doanh... để tránh tình trạng “luật đá luật”. Bên cạnh đó, cần đẩy nhanh tiến độ xây dựng và sửa đổi luật theo hướng phù hợp với thực tế, dễ hiểu, dễ thực thi, đồng thời cần tăng cường tính công khai, minh bạch trong xây dựng chính sách, mở rộng và bảo đảm tính hiệu quả, thực chất của cơ chế tham vấn ý kiến từ doanh nghiệp, chuyên gia, người dân trước khi ban hành các chính sách và văn bản pháp luật mới.

Đi liền với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật, cũng cần chú ý nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật. Điều này trước hết đòi hỏi phải đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, đồng thời cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để kịp thời tháo gỡ những khó khăn và xử lý nghiêm những biểu hiện thiếu trách nhiệm hoặc vi phạm trong thực thi pháp luật.

*Thứ ba*, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh, xóa bỏ các thủ tục hành chính rườm rà, tăng cường số hóa dữ liệu, liên thông giữa các cơ quan nhà nước để tránh tình trạng yêu cầu doanh nghiệp, người dân nộp lại giấy tờ đã có sẵn. Bên cạnh đó, cần bãi bỏ các giấy phép con và các điều kiện kinh doanh không cần thiết để bảo đảm môi trường kinh doanh thông thoáng; áp dụng tối đa hình thức

giải quyết thủ tục hành chính trực tuyến để tiết kiệm thời gian, chi phí của người dân và doanh nghiệp đồng thời để hạn chế những nhiễu.

*Thứ tư*, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền giữa trung ương và địa phương gắn với trách nhiệm giải trình và kiểm soát quyền lực. Cần phân cấp, phân quyền mạnh mẽ hơn cho chính quyền địa phương, đặc biệt trong lĩnh vực đầu tư, quy hoạch, tài chính để chủ động triển khai các dự án. Đồng thời, cần xác định rõ trách nhiệm giữa các cấp quản lý, tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm hoặc chồng chéo nhiệm vụ và tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý trách nhiệm nếu có sai phạm, bảo đảm thực thi chính sách minh bạch và hiệu quả.

*Thứ năm*, tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tinh gọn bộ máy Nhà nước nói riêng, bộ máy của hệ thống chính trị nói chung, là một yêu cầu cấp thiết hiện nay ở nước ta, nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, giảm gánh nặng ngân sách và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp.

Để tinh gọn bộ máy, cần rà soát, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, sáp nhập các cơ quan, đơn vị có chức năng tương đồng để tránh chồng chéo nhiệm vụ, giảm số lượng đơn vị trung gian, xóa bỏ các cơ quan, đơn vị hoạt động kém hiệu quả hoặc không còn phù hợp với yêu cầu thực tiễn. Bên cạnh đó, cần tiến hành tinh giản biên chế, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, thông qua việc rà soát, đánh giá, sàng lọc cán bộ, công chức theo nhu cầu thực tế của hoạt động quản lý và năng lực của cán bộ; cho thôi việc những cán bộ yếu kém, không đáp ứng được yêu cầu

công việc; giảm dần số lượng công chức, viên chức không cần thiết, thay thế bằng đội ngũ có năng lực tốt hơn. Ngoài ra, cũng cần chuyển đổi một số dịch vụ công sang mô hình tự chủ tài chính để giảm bớt sự phụ thuộc vào biên chế nhà nước.

Để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cần rà soát hoàn thiện cơ chế tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ theo năng lực thực sự, thay vì dựa vào quan hệ; khuyến khích tư duy đổi mới, sáng tạo trong bộ máy công vụ, tạo cơ chế để cán bộ dám làm, dám chịu trách nhiệm. Bên cạnh đó, cần cải thiện chế độ đãi ngộ, thu hút nhân tài vào làm việc trong khu vực công, hạn chế tình trạng “chảy máu chất xám” sang khu vực tư nhân.

Bên cạnh những giải pháp cơ bản nêu trên, để tháo gỡ điểm nghẽn thể chế, cũng cần chú ý đến một số vấn đề khác như: nâng cao hiệu quả quản lý kinh tế, đặc biệt là quản lý ngân sách, tài nguyên, đất đai để bảo đảm nguồn lực được phân bổ hợp lý; cải cách chính sách tài chính, tín dụng để giúp doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, tiếp cận vốn dễ dàng hơn; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và kinh tế số, hoàn thiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tạo điều kiện cho startup phát triển, khuyến khích đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D), đặc biệt trong các lĩnh vực công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo, blockchain; chủ động hội nhập, có chiến lược thích ứng với những diễn biến bất định trong môi trường chính trị, thương mại quốc tế, tận dụng cơ hội từ các hiệp định thương mại quốc tế, mở rộng hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ, giáo dục, học hỏi mô hình cải cách thể chế từ các nước tiên tiến.

<sup>12</sup> Xem Cục Thông tin - Khoa học và Công nghệ quốc gia, *Cơ chế thử nghiệm (regulatory sandbox): từ lý thuyết đến thực tiễn áp dụng trên thế giới*, [https://vista.gov.vn/vn-uploads/chien-luoc-phat-trien/2021\\_07/btld-so-7-2021.pdf](https://vista.gov.vn/vn-uploads/chien-luoc-phat-trien/2021_07/btld-so-7-2021.pdf); Nguyễn Sĩ Dũng, *Quy chế thử nghiệm Sandbox*, <https://nhandan.vn/quy-che-thu-nghiem-sandbox-post754064.html>, ngày 23/5/2023.

## Kết luận

Thể chế là một khái niệm rộng, phức tạp, gắn với tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa ở một quốc gia. Vì vậy, một khi thể chế bị “nghẽn” sẽ kéo theo sự trì trệ, kém phát triển trên mọi lĩnh vực của đất nước, mà thấy rõ nhất là trong lĩnh vực kinh tế, xã hội.

Cũng bởi tính chất rộng lớn, đa diện của nó, cải cách thể chế cần thực hiện đồng bộ các giải pháp, kết hợp giữa cải cách chính sách, pháp luật, tinh gọn bộ máy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tận dụng những thành quả của khoa học, công nghệ, đặc biệt là công nghệ số.

Cải cách thể chế là nhiệm vụ khó khăn nhưng cấp bách hiện

nay ở nước ta. Để thực hiện thành công nhiệm vụ này, cần sự quyết tâm, chung sức của cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp, tổ chức xã hội và người dân. Với quyết tâm chính trị cao như hiện nay, tin rằng các điểm nghẽn thể chế ở nước ta sẽ dần được tháo gỡ và đất nước ta sẽ có cơ hội phát triển bứt phá mạnh mẽ và bền vững trong thời gian tới ■

V.C.G

## Tài liệu tham khảo

1. Tổng Bí thư Tô Lâm: Tháo gỡ 'điểm nghẽn, nút thắt' có nguyên nhân từ các quy định của pháp luật, <https://baohinhphu.vn/tong-bi-thu-to-lam-thao-go-diem-nghen-nut-that-co-nguyen-nhan-tu-cac-quy-dinh-cua-phap-luat-102241107171250925.htm>, ngày 10/02/2025.
2. Bộ Nội vụ (chuyên trang Chuyển đổi số), *Điểm nghẽn thể chế và áp lực cải cách*, <https://moha.gov.vn/chuyen-doi-so/nguyen-cuu-trao-doi/diem-nghen-the-che-va-ap-luc-cai-cach-d735-t56467.html>, ngày 25/10/2024.
3. Bộ Tư pháp, Xây dựng và hoàn thiện thể chế là một trong ba đột phá chiến lược, <https://htpldn.moj.gov.vn/Pages/chi-tiet-tin.aspx?ItemID=1945&l=Nghiencuuutraodoi>, ngày 01/12/2023.
4. Cục Thông tin-Khoa học và Công nghệ quốc gia, *Cơ chế thử nghiệm (regulatory sandbox): từ lý thuyết đến thực tiễn áp dụng trên thế giới*, [https://vista.gov.vn/vn-uploads/chien-luoc-phat-trien/2021\\_07/btld-so-7-2021.pdf](https://vista.gov.vn/vn-uploads/chien-luoc-phat-trien/2021_07/btld-so-7-2021.pdf);
5. Hải Triều, *Gỡ 'nghẽn' thể chế, bắt đầu từ đâu?* Báo Thanh niên, <https://thanhnien.vn/go-nghen-the-che-bat-dau-tu-dau-185241110221423375.htm>, ngày 12/11/2024.
6. Hậu Lộc - Phạm Thành, *Đổi mới tư duy xây dựng pháp luật - tạo đột phá đưa đất nước "cất cánh" trong kỷ nguyên mới*, <https://tuoitrethudo.vn/bai-1-diem-nghen-the-che-can-benh-kim-ham-su-phat-trien-cua-dat-nuoc-265332.html>, ngày 14/11/2024.
7. Hodgson, G. (2006). What are Institutions? *Journal of Economic Issues*, 40(1), 1-25. <http://www.geoffrey-hodgson.info/user/bin/whatarestitutions.pdf>;
8. Knack, S., & Keefer, P. (1995). Institutions and economic performance: Cross-country tests using alternative institutional indicators. World Bank. [http://mpr.ub.uni-muenchen.de/23118/1/MPRA\\_paper\\_23118.pdf](http://mpr.ub.uni-muenchen.de/23118/1/MPRA_paper_23118.pdf);
9. Leftwich, A. & Sen, K. (2010). Beyond institutions: Institutions and organisations in the politics and economics of poverty reduction - a thematic synthesis of research evidence. DFID-funded Research Programme Consortium on Improving Institutions for Pro-Poor Growth (IPPG), September 2010. University of Manchester. [http://www.ippg.org.uk/8933\\_Beyond%20Institutions.final%20\(1\).pdf](http://www.ippg.org.uk/8933_Beyond%20Institutions.final%20(1).pdf)
10. Nguyễn Sĩ Dũng, *Gỡ nghẽn thể chế*, <https://tuoitre.vn/go-nghen-the-che-20241023093325178.htm>, ngày 23/10/2024.
12. Nguyễn Sĩ Dũng, *Quy chế thử nghiệm Sandbox*, <https://nhandan.vn/quy-che-thu-nghiem-sandbox-post754064.html>, ngày 23/5/2023.
13. North, D. (1990). *Institutions, institutional change, and economic performance*. New York: Cambridge University Press. <http://www.cambridge.org/gb/academic/subjects/politics-international-relations/political-economy/institutions-institutional-change-and-economic-performance>;
14. Robert L. Heilbroner, Peter J. Boettke, *Economic System*, <https://www.britannica.com/money/economic-system>
15. Thành An, *"Điểm nghẽn" của "điểm nghẽn" do ai?*, <https://www.qdnd.vn/cung-ban-luan/diem-nghen-cua-diem-nghen-do-ai-801406>, ngày 03/11/2024.
16. Trịnh Quốc Toàn-Vũ Công Giao (chủ biên), *Nhà nước kiến tạo phát triển - Lý luận, thực tiễn trên thế giới và ở Việt Nam*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2017.
17. Từ điển tiếng Việt, tại [https://vtudien.com/viet-viet/dictionary/nghia-cua-tu-ngh%E1%BA%BDn;http://home.vndic.net/ng%E1%BA%BDn-vi\\_vi.html](https://vtudien.com/viet-viet/dictionary/nghia-cua-tu-ngh%E1%BA%BDn;http://home.vndic.net/ng%E1%BA%BDn-vi_vi.html)
18. Vũ Công Giao, *Vận dụng các nguyên tắc của quản trị nhà nước tốt vào đổi mới quản lý nhà nước ở Việt Nam hiện nay*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022.
19. World Bank, *World Development Report 2002, CHAPTER 5, Political Institutions and Governance*, <https://open-knowledge.worldbank.org/server/api/core/bitstreams/66f7bdd6-8e3d-56b7-a42d-ba5bb528e88c/content>

# MỐI QUAN HỆ GIỮA LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA QUYỀN TIẾP CẬN THÔNG TIN TRONG PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG HIỆN NAY

LÊ HÙNG\*  
TÔ ĐÌNH HIẾU\*\*

**Tóm tắt:** Quyền tiếp cận thông tin đóng vai trò quan trọng trong công tác phòng chống tham nhũng, giúp tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước. Việc cung cấp thông tin công khai cho phép người dân giám sát hoạt động của chính quyền và phát hiện các hành vi tham nhũng. Mặc dù Luật Tiếp cận Thông tin năm 2016 đã tạo ra cơ sở pháp lý cho quyền này, nhưng việc thực thi vẫn gặp nhiều thách thức. Bài viết phân tích mối quan hệ giữa quyền tiếp cận thông tin và hiệu quả phòng chống tham nhũng, thực trạng phòng chống tham nhũng tại Việt Nam thông qua việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin theo Luật Tiếp cận thông tin hiện hành. Qua đó kiến nghị một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện quyền tiếp cận thông tin nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng.

**Từ khóa:** Quyền tiếp cận thông tin, phòng chống tham nhũng, Luật Tiếp cận thông tin.

**Abstract:** The right to access information plays an important role in anti-corruption, helping to enhance transparency and accountability of state agencies. Providing public information allows citizens to monitor government activities and detect corrupt practices. Although the Law on Access to Information 2016 created a legal basis for this right, but the enforcement remains challenging. The article analyzes the relationship between the right to access information and the effectiveness of anti-corruption, the current situation of anti-corruption in Vietnam through the implementation of the right to access information according to the current Law on Access to Information. Thereby, propose a number of solutions to improve the effectiveness of implementing the right to access information to improve the effectiveness of anti-corruption work.

**Keywords:** Right to access information, anti-corruption, Law on Access to Information.

## Đặt vấn đề

Quyền tiếp cận thông tin đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc phòng, chống tham nhũng (PCTN). Khi người dân có quyền tiếp cận thông tin, họ có thể giám sát và kiểm tra hoạt động của các cơ quan nhà nước, từ đó phát hiện và ngăn chặn các hành vi tham nhũng. Minh bạch thông tin giúp tăng cường trách nhiệm giải trình của các quan chức và cơ quan công quyền, buộc họ phải hoạt động một cách công khai và minh bạch hơn. Điều này không chỉ giúp giảm thiểu các hành vi tham nhũng mà còn tạo niềm tin cho người dân vào hệ thống chính trị và hệ thống luật pháp. Hơn nữa, quyền tiếp cận thông tin còn thúc



Hình minh họa.

\* Học viện Chính trị khu vực I.

\*\* Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

đẩy sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội trong công tác PCTN, tạo ra một môi trường xã hội lành mạnh và công bằng hơn. Chính vì vậy, việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin là một trong những biện pháp hiệu quả nhất để PCTN và xây dựng một xã hội minh bạch, công bằng.

Để nâng cao hiệu quả PCTN, cần cải thiện việc thực thi luật, tăng cường giáo dục và tuyên truyền về quyền tiếp cận thông tin cho người dân, cũng như thúc đẩy sự phối hợp giữa các cơ quan nhà nước và tổ chức xã hội. Các biện pháp này không chỉ giúp giảm thiểu tham nhũng mà còn tạo ra một xã hội minh bạch, công bằng hơn.

### Mối quan hệ giữa quyền tiếp cận thông tin và hiệu quả phòng chống tham nhũng

Quyền tiếp cận thông tin và hiệu quả PCTN có mối quan hệ mật thiết và tương hỗ lẫn nhau. Quyền tiếp cận thông tin đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả PCTN. Khi người dân có quyền tiếp cận thông tin, họ có thể giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, từ đó phát hiện và ngăn chặn các hành vi tham nhũng. Luật Tiếp cận Thông tin năm 2016 của Việt Nam đã tạo ra cơ sở pháp lý để bảo đảm quyền này, giúp tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước<sup>1</sup>. Tuy nhiên, việc thực thi Luật này vẫn còn gặp nhiều thách thức, như sự thiếu minh bạch trong việc cung cấp thông tin và sự hạn chế trong việc tiếp cận các thông tin nhạy cảm<sup>2</sup>. Để nâng cao hiệu quả PCTN, cần có các biện pháp cải thiện việc thực thi các quy định pháp luật về

quyền tiếp cận thông tin, bảo đảm mọi người dân đều có thể tiếp cận thông tin một cách dễ dàng và đầy đủ<sup>3</sup>. Mối quan hệ giữa quyền tiếp cận thông tin và hiệu quả PCTN được thể hiện dưới các góc độ sau:

*Tăng cường tính minh bạch.* Khi người dân và các tổ chức có quyền tiếp cận thông tin, họ có thể giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước một cách hiệu quả hơn. Điều này giúp phát hiện và ngăn chặn các hành vi tham nhũng ngay từ giai đoạn đầu, trước khi chúng trở nên nghiêm trọng.

*Nâng cao trách nhiệm giải trình.* Quyền tiếp cận thông tin buộc các cơ quan nhà nước phải công khai các quyết định và hoạt động của mình. Điều này tạo ra áp lực để các cơ quan này hoạt động một cách minh bạch và có trách nhiệm hơn, từ đó giảm thiểu cơ hội cho tham nhũng phát sinh.

*Tăng cường sự tham gia của người dân.* Khi người dân có quyền tiếp cận thông tin, họ có thể tham gia vào quá trình ra quyết định và giám sát việc thực thi các chính sách công. Sự tham gia này không chỉ giúp phát hiện các hành vi tham nhũng mà còn tạo ra một môi trường mà trong đó tham nhũng khó có thể tồn tại.

*Cải thiện hiệu quả công tác phòng chống tham nhũng.* Việc tiếp cận thông tin giúp các cơ quan chức năng có thêm dữ liệu và bằng chứng để điều tra và xử lý các vụ việc tham nhũng. Điều này làm tăng hiệu quả của công tác PCTN, đồng thời tạo ra sự răn đe đối với những ai có ý định tham nhũng.

Tóm lại, quyền tiếp cận thông tin đóng vai trò quan trọng trong việc PCTN. Việc bảo đảm quyền

này không chỉ giúp tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước mà còn tạo điều kiện cho người dân tham gia vào quá trình giám sát và phát hiện tham nhũng, từ đó góp phần xây dựng một xã hội công bằng và minh bạch hơn.

### Thực trạng phòng chống tham nhũng tại Việt Nam thông qua việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin

Quyền tiếp cận thông tin là một trong những quyền cơ bản của con người, được ghi nhận trong nhiều văn bản pháp luật quốc tế và quốc gia. Tại Việt Nam, quyền này đã được cụ thể hóa qua Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, có hiệu lực từ ngày 01/7/2018, đánh dấu một bước tiến quan trọng trong việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân. Theo Luật Tiếp cận Thông tin năm 2016, quyền này cho phép người dân giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước, từ đó phát hiện và ngăn chặn các hành vi tham nhũng<sup>4</sup>. Nghiên cứu của Nguyễn Minh Thuyết và Vũ Công Giao (2016) chỉ ra rằng, việc thực thi quyền tiếp cận thông tin giúp tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước<sup>5</sup>. Tuy nhiên, việc thực thi Luật này vẫn còn gặp nhiều thách thức, như sự thiếu minh bạch trong việc cung cấp thông tin và sự hạn chế trong việc tiếp cận các thông tin có tính chất nhạy cảm<sup>6</sup>. Để nâng cao hiệu quả PCTN, cần có các biện pháp cải thiện việc thực thi Luật, bảo đảm mọi người dân đều có thể tiếp cận thông tin một cách dễ dàng và đầy đủ.

<sup>1</sup> <https://cepew.org.vn/publications/bao-cao-danh-gia-vec-thuc-thi-luat-tiep-can-thong-tin-lan-thu-hai/>

<sup>2</sup> <https://dspace.ctu.edu.vn/jspui/handle/123456789/16110>

<sup>3</sup> <https://danchuphapluat.vn/nguyen-tac-bao-dam-quyen-tiep-can-thong-tin-theo-tinh-than-cua-luat-tiep-can-thong-tin-nam-2016>

<sup>4</sup> <https://luatminhkhuc.vn/tiep-can-thong-tin-la-gi-quyen-va-nghia-vu-cua-cong-dan-trong-vec-tiep-can-thong-tin.aspx>

<sup>5</sup> <https://lic.hauui.edu.vn/vn/gioi-thieu-sach-moi/quyen-tiep-can-thong-tin-ly-luan-va-thuc-tien/78454>

<sup>6</sup> <https://noichinh.vn/nguyen-cuu-trao-doi/202202/thach-thuc-va-giai-phap-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-o-nuoc-ta-hien-nay-310641/>

Một trong những vấn đề nổi bật là quy trình cung cấp thông tin còn phức tạp và phiền hà. Nhiều cơ quan, tổ chức chưa có quy định rõ ràng về trình tự, thủ tục cung cấp thông tin, dẫn đến tình trạng gây khó khăn cho người dân khi yêu cầu thông tin<sup>7</sup>. Bên cạnh đó, nhận thức của người dân về quyền tiếp cận thông tin còn hạn chế. Nhiều người chưa biết cách thức yêu cầu thông tin hoặc không biết mình có quyền yêu cầu thông tin từ các cơ quan nhà nước<sup>8</sup>.

Ngoài ra, việc bảo mật thông tin và quyền riêng tư cũng là một thách thức lớn. Một số cơ quan, tổ chức còn e ngại việc cung cấp thông tin có thể ảnh hưởng đến an ninh, trật tự xã hội hoặc quyền riêng tư của cá nhân<sup>9</sup>. Điều này dẫn đến việc hạn chế cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ.

Để cải thiện tình hình, cần có những giải pháp đồng bộ như nâng cao nhận thức của người dân về quyền tiếp cận thông tin, đơn giản hóa quy trình cung cấp thông tin, tăng cường giám sát, kiểm tra việc thực thi quyền tiếp cận thông tin. Đồng thời, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội để bảo đảm quyền tiếp cận thông tin được thực hiện một cách hiệu quả và minh bạch.

### **Các trường hợp điển hình về việc sử dụng quyền tiếp cận thông tin để phát hiện tham nhũng**

Quyền tiếp cận thông tin đã được sử dụng hiệu quả trong nhiều trường hợp để phát hiện và ngăn chặn tham nhũng. Dưới đây là một số ví dụ điển hình:

*Vụ việc tại Bộ Giao thông vận tải.* Một nhóm nhà báo đã sử dụng quyền tiếp cận thông tin để yêu cầu các tài liệu liên quan đến các dự án xây dựng cầu đường. Qua việc phân tích các tài liệu này, họ phát hiện ra nhiều bất thường trong việc đấu thầu và chi tiêu công, dẫn đến việc điều tra và xử lý các quan chức liên quan<sup>10</sup>.

*Vụ việc tại một tỉnh miền Trung.* Người dân tại một tỉnh miền Trung đã sử dụng quyền tiếp cận thông tin để yêu cầu các báo cáo tài chính của một dự án xây dựng trường học. Kết quả là họ phát hiện ra rằng số tiền chi tiêu thực tế thấp hơn nhiều so với số tiền được báo cáo, dẫn đến việc điều tra và xử lý các quan chức tham nhũng<sup>11</sup>.

*Vụ việc tại một doanh nghiệp nhà nước.* Một tổ chức phi chính phủ đã sử dụng quyền tiếp cận thông tin để yêu cầu các báo cáo tài chính và hợp đồng của một doanh nghiệp nhà nước. Qua việc phân tích các tài liệu này, họ phát hiện ra rằng có nhiều hợp đồng giá mạo và chi tiêu không minh bạch, dẫn đến việc điều tra và xử lý các quan chức liên quan.

Những trường hợp trên cho thấy quyền tiếp cận thông tin là một công cụ mạnh mẽ trong việc phát hiện và ngăn chặn tham nhũng. Việc sử dụng quyền này không chỉ giúp tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước mà còn tạo điều kiện cho người dân tham gia vào quá trình giám sát và phát hiện tham nhũng.

### **Những khoảng trống nghiên cứu cần được lấp đầy**

Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về quyền tiếp cận thông tin và

PCTN, vẫn còn một số khoảng trống cần được lấp đầy để nâng cao hiệu quả của các biện pháp này.

*Thứ nhất, đánh giá hiệu quả thực thi luật.* Cần có thêm nghiên cứu đánh giá chi tiết về hiệu quả thực thi Luật Tiếp cận Thông tin năm 2016, đặc biệt là các yếu tố cản trở việc thực thi và cách khắc phục chúng.

*Thứ hai, so sánh quốc tế.* Nghiên cứu so sánh giữa Việt Nam và các quốc gia khác về quyền tiếp cận thông tin và hiệu quả PCTN có thể cung cấp những bài học kinh nghiệm quý báu.

*Thứ ba, vai trò của công nghệ.* Cần nghiên cứu sâu hơn về vai trò của công nghệ thông tin và truyền thông trong việc nâng cao quyền tiếp cận thông tin và PCTN, bao gồm việc sử dụng các nền tảng trực tuyến và dữ liệu mở.

*Thứ tư, tác động xã hội.* Nghiên cứu về tác động xã hội của quyền tiếp cận thông tin, bao gồm việc nâng cao nhận thức và sự tham gia của người dân trong công tác PCTN.

*Thứ năm, đào tạo và nâng cao năng lực.* Cần có thêm nghiên cứu về các chương trình đào tạo và nâng cao năng lực cho cán bộ nhà nước và người dân về quyền tiếp cận thông tin và PCTN. Lấp đầy những khoảng trống này sẽ giúp hoàn thiện cơ chế pháp lý và thực tiễn, từ đó nâng cao hiệu quả PCTN ở Việt Nam.

### **Một số giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện quyền tiếp cận thông tin nhằm nâng cao hiệu quả công tác PCTN**

*Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục*

Giải pháp đầu tiên để nâng cao hiệu quả thực hiện quyền tiếp cận

<sup>7</sup> <https://vh2.com.vn/thuc-trang-quyen-tiep-can-thong-tin-o-viet-nam-hien-nay-1665359498>.

<sup>8</sup> <https://vh2.com.vn/thuc-trang-quyen-tiep-can-thong-tin-o-viet-nam-hien-nay-1665359498>.

<sup>9</sup> <https://vh2.com.vn/thuc-trang-quyen-tiep-can-thong-tin-o-viet-nam-hien-nay-1665359498>.

<sup>10</sup> <https://lawkey.vn/quyen-tiep-can-thong-tin-qua-cong-dan/>.

<sup>11</sup> <https://luatminhkhue.vn/tiep-can-thong-tin-la-gi-quyen-va-nghia-vu-cua-cong-dan-trong-viec-tiep-can-thong-tin.aspx>.

thông tin nhằm PCTN là tăng cường công tác tuyên truyền và giáo dục. Trước hết, cần tổ chức các chương trình tuyên truyền, giáo dục để nâng cao nhận thức của người dân về quyền tiếp cận thông tin và tầm quan trọng của nó trong việc PCTN. Các cơ quan nhà nước cần xác định rõ vai trò, mục đích và ý nghĩa của việc thực thi quyền này, từ đó giúp người dân hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình. Đồng thời, việc phổ biến các quy định pháp luật liên quan đến quyền tiếp cận thông tin cũng cần được đẩy mạnh, giúp người dân nắm vững các quy định và biết cách thực hiện quyền của mình một cách hiệu quả. Những nỗ lực này không chỉ giúp nâng cao nhận thức cộng đồng mà còn tạo nền tảng vững chắc cho việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin, góp phần quan trọng trong công cuộc PCTN.

***Hoàn thiện khung pháp lý về quyền tiếp cận thông tin***

Giải pháp thứ hai để nâng cao hiệu quả thực hiện quyền tiếp cận thông tin nhằm PCTN là hoàn thiện khung pháp lý. Trước hết, cần tiếp tục sửa đổi và bổ sung các quy định pháp luật liên quan đến quyền tiếp cận thông tin, bảo đảm tính minh bạch và dễ tiếp cận cho người dân. Việc này bao gồm việc ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết về quy trình và thủ tục tiếp cận thông tin, giúp người dân dễ dàng thực hiện quyền của mình. Một khung pháp lý rõ ràng và chi tiết không chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận thông tin mà còn giúp tăng cường trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc cung cấp thông tin. Điều này sẽ góp phần quan trọng trong việc PCTN, khi mọi hành vi và quyết định của các cơ quan nhà nước đều được giám sát chặt chẽ bởi cộng đồng.

***Tăng cường năng lực của các cơ quan nhà nước***

Giải pháp thứ ba về quyền tiếp cận thông tin tập trung vào việc nâng cao chất lượng và hiệu quả của các phương thức truyền thông và giáo dục pháp luật. Điều này bao gồm việc sử dụng các phương tiện truyền thông đại chúng, tài liệu tuyên truyền và các cuộc thi tìm hiểu pháp luật để phổ biến rộng rãi các quy định về quyền tiếp cận thông tin. Bên cạnh đó, cần khuyến khích sự tham gia của cộng đồng thông qua các hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ và tư vấn pháp lý. Mục tiêu của giải pháp này là bảo đảm mọi công dân đều hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình trong việc tiếp cận thông tin, từ đó nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước<sup>12</sup>. Việc thực hiện giải pháp này đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng và sự tham gia tích cực của người dân, nhằm tạo ra một môi trường pháp lý công bằng và hiệu quả.

***Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng***

Để khuyến khích sự tham gia của cộng đồng, cần xây dựng các cơ chế và chính sách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia vào quá trình ra quyết định và giám sát các hoạt động của cơ quan nhà nước. Trước hết, cần tổ chức các buổi họp công khai, hội thảo và diễn đàn để người dân có thể trực tiếp đóng góp ý kiến và phản hồi về các vấn đề quan trọng. Đồng thời, việc sử dụng các công cụ trực tuyến như khảo sát, trang web và mạng xã hội cũng giúp mở rộng phạm vi tiếp cận và thu thập ý kiến từ cộng đồng một cách hiệu quả. Bên

cạnh đó, cần tăng cường minh bạch thông tin bằng cách công khai các báo cáo, kế hoạch và kết quả thực hiện các dự án, chính sách để người dân có thể dễ dàng theo dõi và đánh giá. Việc đào tạo và nâng cao năng lực cho các thành viên cộng đồng cũng rất quan trọng, giúp họ hiểu rõ quyền và trách nhiệm của mình trong việc tham gia vào các hoạt động chung. Cuối cùng, cần xây dựng mối quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội và cộng đồng để bảo đảm rằng các quyết định được đưa ra phản ánh đúng nhu cầu và nguyện vọng của người dân. Những biện pháp này không chỉ giúp tăng cường sự tham gia của cộng đồng mà còn góp phần xây dựng một xã hội dân chủ, minh bạch và công bằng hơn.

***Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin***

Để tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin, cần phát triển các cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước nhằm cung cấp thông tin một cách nhanh chóng và thuận tiện cho người dân. Việc xây dựng các cổng thông tin này không chỉ giúp người dân dễ dàng tiếp cận thông tin mà còn nâng cao tính minh bạch và hiệu quả trong hoạt động của các cơ quan nhà nước. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh việc số hóa các tài liệu, dữ liệu để người dân có thể dễ dàng tra cứu và sử dụng thông tin khi cần thiết. Số hóa dữ liệu không chỉ giúp tiết kiệm thời gian và chi phí mà còn giảm thiểu các thủ tục hành chính phức tạp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc tiếp cận

<sup>12</sup> <https://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/trao-doi-kinh-nghiem.aspx>; <https://pbgdpl.haiphong.gov.vn/Nghien-cuu-trao-doi/Cac-giai-phap-nang-cao-hieu-luc-hieu-qua-thuc-hien-quyen-tiep-can-thong-tin-cua-cong-dan-56178.html>.

thông tin. Việc ứng dụng công nghệ thông tin một cách hiệu quả sẽ góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng dịch vụ công và xây dựng một chính phủ điện tử hiện đại, minh bạch và thân thiện với người dân.

#### *Tăng cường thực hiện công tác kiểm tra và giám sát*

Để tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin, cần thành lập các cơ quan độc lập chuyên trách nhiệm vụ này. Các cơ quan này sẽ thực hiện kiểm tra định kỳ và đột xuất tại các cơ quan nhà nước nhằm bảo đảm tuân thủ các quy định về cung cấp thông tin. Việc kiểm tra cần được thực hiện một cách minh bạch, công khai và có sự tham gia của các tổ chức xã hội để bảo đảm tính khách quan. Đồng thời, cần xây dựng cơ chế xử lý nghiêm minh đối với các trường hợp vi phạm, từ đó nâng cao trách nhiệm và ý thức của các cơ quan nhà nước trong việc cung cấp thông tin cho người dân.

#### *Hợp tác quốc tế và học hỏi kinh nghiệm*

Để nâng cao hiệu quả thực hiện quyền tiếp cận thông tin, việc

hợp tác quốc tế và học hỏi kinh nghiệm từ các quốc gia khác là vô cùng quan trọng. Trước hết, cần nghiên cứu và áp dụng các mô hình tiên tiến về tiếp cận thông tin từ các quốc gia có hệ thống pháp luật phát triển. Qua đó, không chỉ giúp cải thiện khung pháp lý trong nước mà còn mang lại những phương pháp và công nghệ mới, nâng cao hiệu quả quản lý và cung cấp thông tin. Bên cạnh đó, cần tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế, tham gia các hội nghị, hội thảo và chương trình đào tạo để cập nhật kiến thức và kỹ năng mới. Việc này giúp các cán bộ, công chức nâng cao năng lực chuyên môn và hiểu biết sâu rộng về các tiêu chuẩn quốc tế. Đồng thời, việc thiết lập các mối quan hệ đối tác với các quốc gia và tổ chức quốc tế cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi thông tin, kinh nghiệm và hỗ trợ kỹ thuật. Những biện pháp này không chỉ giúp nâng cao chất lượng dịch vụ công mà còn góp phần xây dựng một hệ thống pháp luật về tiếp cận thông tin minh bạch, hiệu quả và phù hợp với xu thế phát triển toàn cầu.

#### **Kết luận**

Mối quan hệ giữa lý luận và thực tiễn của quyền tiếp cận thông tin đóng vai trò quan trọng trong công tác PCTN hiện nay. Lý luận cung cấp nền tảng tri thức và phương pháp luận để hiểu rõ bản chất và tầm quan trọng của quyền tiếp cận thông tin, từ đó xây dựng các chính sách và quy định pháp luật phù hợp. Thực tiễn là môi trường kiểm nghiệm và điều chỉnh lý luận, giúp phát hiện những hạn chế và bất cập trong quá trình thực hiện, từ đó đề xuất các giải pháp cải thiện. Sự kết hợp chặt chẽ giữa lý luận và thực tiễn không chỉ nâng cao hiệu quả của công tác PCTN mà còn góp phần xây dựng một xã hội minh bạch, công bằng và dân chủ. Việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin cho mọi công dân là yếu tố then chốt để tăng cường trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước, giảm thiểu các hành vi tham nhũng và thúc đẩy sự phát triển bền vững của đất nước ■

L.H-T.D.H

#### **Tài liệu tham khảo**

1. <https://cepew.org.vn/publications/bao-cao-danh-gia-viec-thuc-thi-luat-tiep-can-thong-tin-lan-thu-hai/>.
2. <https://dspace.ctu.edu.vn/jspui/handle/123456789/16110>.
3. <https://danchuphapluat.vn/nguyen-tac-bao-dam-quyen-tiep-can-thong-tin-theo-tinh-than-cua-luat-tiep-can-thong-tin-nam-2016>.
4. <https://luatminhkhue.vn/tiep-can-thong-tin-la-gi-quyen-va-nghia-vu-cua-cong-dan-trong-viec-tiep-can-thong-tin.aspx>.
5. <https://lic.hau.edu.vn/vn/gioi-thieu-sach-moi/quyen-tiep-can-thong-tin-ly-luan-va-thuc-tien/78454>.
6. <https://noichinh.vn/nghien-cuu-trao-doi/202202/thach-thuc-va-giai-phap-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-o-nuoc-ta-hien-nay-310641/>.
7. <https://vh2.com.vn/thuc-trang-quyen-tiep-can-thong-tin-o-viet-nam-hien-nay-1665359498>.
8. <https://lawkey.vn/quyen-tiep-can-thong-tin-cua-cong-dan/>.
9. <https://luatminhkhue.vn/tiep-can-thong-tin-la-gi-quyen-va-nghia-vu-cua-cong-dan-trong-viec-tiep-can-thong-tin.aspx>.
10. <https://pbgdpl.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/trao-doi-kinh-nghiem.aspx>.
11. <https://pbgdpl.haiphong.gov.vn/Nghien-cuu-trao-doi/Cac-giai-phap-nang-cao-hieu-luc-hieu-qua-thuc-hien-quyen-tiep-can-thong-tin-cua-cong-dan-56178.html>.

# HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

NGUYỄN QUỐC TUẤN\*

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích, làm rõ một số bất cập, hạn chế của các quy định pháp luật về đấu giá quyền khai thác khoáng sản như quy định về tiền đặt trước, về xét chọn hồ sơ đề nghị tham gia phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, điều kiện chủ thể tham gia phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, từ đó đưa ra các kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về vấn đề nghiên cứu.

**Từ khóa:** Đấu giá, khoáng sản, quyền khai thác khoáng sản.

**Abstract:** The article analyzes and clarifies some shortcomings and limitations of the law on auction of mineral exploitation rights such as regulations on deposit, selecting proposal documents to participate in the auction of mineral exploitation rights, conditions for the subject participating in the auction of mineral exploitation rights, thereby proposing recommendations to improve the law on research issues.

**Keywords:** Auction, minerals, mineral exploitation rights.

## Đặt vấn đề

Khoáng sản là tài nguyên thiên nhiên có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Việc khai thác khoáng sản hợp lý, hiệu quả không chỉ giúp tận dụng nguồn tài nguyên một cách bền vững mà còn tạo nguồn thu lớn cho ngân sách Nhà nước. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản là một trong những phương pháp quan trọng nhằm bảo đảm sử dụng có hiệu quả và công bằng các tài nguyên khoáng sản, một loại tài nguyên không tái tạo, có giới hạn và là công cụ hiệu quả để phân bổ tài nguyên một cách tối ưu<sup>1</sup>. Tuy nhiên, quy định pháp luật về đấu giá quyền khai thác khoáng sản vẫn tồn tại nhiều bất cập, hạn chế, bài viết nghiên cứu, phân tích, đánh giá những điểm chưa hợp lý trong khung pháp lý hiện hành, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật đấu giá quyền khai thác khoáng sản, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng.



Một buổi đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Hải Dương.

Ảnh M.H

## Một số bất cập, hạn chế của pháp luật về đấu giá quyền khai thác khoáng sản

### Quy định về tiền đặt trước

Tiền đặt trước là khoản tiền mà tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải nộp trước khi tham gia phiên đấu

giá được tính bằng đồng Việt Nam<sup>2</sup>. Trong đấu giá, tiền đặt trước có hai vai trò: (i) là điều kiện xác nhận tư cách của người tham gia đấu giá, (ii) bảo đảm người tham gia đấu giá sau khi trở thành người trúng đấu giá sẽ thực hiện thanh toán tiền mua tài sản theo hợp đồng hoặc theo quy định của

\* Sở Tư pháp, tỉnh Hà Tĩnh.

<sup>1</sup> Diệp Anh, *Đấu giá quyền khai thác khoáng sản địa chất: Công cụ hiệu quả để phân bổ tài nguyên một cách tối ưu*, <https://tain-guyenvamoi-truong.vn/da-u-gia-quyen-khai-thac-khoang-san-dia-chat-cong-cu-hieu-qua-de-phan-bo-tai-nguyen-mot-cach-toi-uu-cid115874.html>, ngày 10/01/2025.

<sup>2</sup> Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 03/VBHN-BTNMT, quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản, ngày 30/01/2024.

pháp luật<sup>3</sup>. Mức tiền đặt trước do cơ quan tổ chức đấu giá quy định, nhưng phải bảo đảm tuân thủ mức tối thiểu theo quy định của pháp luật về đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 03/VBHN-BTNMT quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Nghị định số 03/VBHN-BTNMT) thì tiền đặt trước do hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản quyết định theo dựa trên cơ sở sau: a) Đối với trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản, tiền đặt trước bằng 1% đến 15% giá khởi điểm; b) Đối với trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản, tiền đặt trước được xác định trên cơ sở kết quả điều tra, đánh giá khoáng sản và được tính như điểm a khoản này. Pháp luật quy định tiền đặt trước từ 1% đến 15% giá khởi điểm đối với khu vực đã có kết quả thăm dò là phù hợp, vì giúp bảo đảm cam kết tài chính của nhà đầu tư mà không quá cao đến mức cản trở sự tham gia. Đối với khu vực chưa thăm dò, tiền đặt trước cũng được xác định dựa trên điều tra khoáng sản, bảo đảm tính thống nhất. Tuy nhiên, đối với khoản tiền đặt trước từ 1% đến 15% là một khoảng dao động rất lớn. Khoảng chênh lệch quá lớn có thể dẫn đến sự tùy tiện trong cách xác định mức tiền đặt trước cho từng cuộc đấu giá. Thiết nghĩ, để bảo đảm tính công bằng, minh bạch trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản, pháp luật cần làm rõ tiêu chí xác định mức cụ thể để tránh tình trạng áp dụng tùy ý và bảo đảm sự nhất quán trong thực tiễn tổ chức đấu giá. Việc quy định rõ ràng các tiêu chí xác định mức tiền đặt trước không chỉ giúp các nhà đầu tư có sự

chuẩn bị tài chính phù hợp mà còn hạn chế nguy cơ xảy ra tiêu cực hoặc lợi dụng kẽ hở pháp luật để thao túng quá trình đấu giá.

***Quy định về xét chọn hồ sơ đề nghị tham gia phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản***

Trong quá trình tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản, việc xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đóng vai trò quan trọng nhằm bảo đảm chỉ những đơn vị có đủ năng lực tài chính, kỹ thuật và kinh nghiệm mới được tham gia. Quy trình xét chọn không chỉ giúp sàng lọc các nhà đầu tư có năng lực mà còn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác khoáng sản một cách bền vững và minh bạch. Quy trình và điều kiện xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản được quy định tại Điều 19 Nghị định số 03/VBHN-BTNMT. Theo đó, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xét chọn sau khi hết thời hạn tiếp nhận và nếu sau ba lần thông báo mà vẫn không đủ số lượng người tham gia theo quy định, phiên đấu giá sẽ không được tổ chức. Việc xét chọn dựa trên các tiêu chí gồm hồ sơ hợp lệ, đáp ứng quy định pháp luật về khai thác khoáng sản và có cam kết về thiết bị, công nghệ, phương án tiêu thụ. Quá trình xét chọn phải được hoàn thành trong thời gian tối đa 30 ngày và báo cáo chủ tịch hội đồng đấu giá, trường hợp đấu giá qua tổ chức chuyên nghiệp thì hồ sơ sẽ được chuyển cho tổ chức này thực hiện. Nếu hồ sơ không được xét chọn, cơ quan tiếp nhận phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ

lý do. Đồng thời, danh sách tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia đấu giá phải được công khai, kèm theo thông tin về thời gian, địa điểm, quy trình đấu giá và khảo sát thực địa.

Quy trình xét chọn hồ sơ đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm tính minh bạch, công bằng và hiệu quả của hoạt động đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Việc quy định rõ ràng các tiêu chí xét chọn giúp sàng lọc các nhà đầu tư không đủ điều kiện, từ đó hạn chế rủi ro trong quá trình khai thác, bảo đảm nguồn tài nguyên được quản lý và sử dụng hợp lý. Đồng thời, yêu cầu công khai danh sách các tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia đấu giá cũng góp phần tăng cường sự giám sát của các cơ quan quản lý và cộng đồng, giảm thiểu tình trạng tiêu cực, gian lận trong đấu giá.

Tuy nhiên, Điều 19 của Nghị định quy định một trong những tiêu chí để được xét hồ sơ là tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá phải đáp ứng các quy định của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản hoặc khai thác khoáng sản quy định tại Điều 34 và Điều 51 Luật Khoáng sản. Hiện nay, Luật Khoáng sản đã hết hiệu lực pháp luật và đã được thay thế bằng Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024, vì vậy, việc dẫn chiếu đến hai điều luật này không còn phù hợp. Điều này có thể gây ra vướng mắc trong quá trình áp dụng và thực thi pháp luật, do các quy định cũ không còn giá trị pháp lý, trong khi Luật mới đã có sửa đổi về chủ thể đối với tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

<sup>3</sup> Đoàn Ngọc Báu, Lê Quang Hòa, *Nhận diện và điều chỉnh các quan hệ pháp luật trong hoạt động đấu giá tài sản*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 16 (320), 2016, tr. 28.

**Điều kiện chủ thể tham gia phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản**

Dựa trên tính chất đặc thù của hoạt động đấu giá quyền khai thác khoáng sản cũng như các quy định quản lý nhà nước về đấu giá, pháp luật đã đặt ra những yêu cầu cụ thể nhằm xác định các chủ thể có đủ điều kiện tham gia vào quá trình này. Theo đó, chủ thể tham gia phiên đấu thầu khoáng sản phải bảo đảm các điều kiện sau<sup>4</sup>:

*Thứ nhất*, là tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị tham gia phiên đấu giá được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét chọn theo quy định và đáp ứng các quy định của tổ chức, cá nhân về thăm dò khoáng sản hoặc khai thác khoáng sản. Tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản bao gồm<sup>5</sup>: doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật Hợp tác xã; cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành, nghề khai thác khoáng sản được xem xét cấp giấy phép khai thác khoáng sản nhóm III.

*Thứ hai*, đã nộp phí tham gia đấu giá, nộp tiền đặt trước theo quy định.

Trường hợp khi có sự thay đổi về tư cách pháp lý, tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá phải nộp bổ sung văn bản liên quan cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá trước khi tiến hành phiên đấu giá. Đây là vấn đề rất quan trọng vì nó xác định tổ chức, cá nhân vào thời điểm nộp hồ sơ có đủ điều kiện để được tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật hay không.

Nếu tổ chức, cá nhân tham gia phiên đấu giá và trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng từ chối không nhận kết quả trúng đấu giá mà chưa được hội đồng đấu giá chấp thuận thì không được tham gia bất kỳ phiên đấu giá nào trong thời hạn 01 (năm), kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá đó. Như vậy, khác với các loại tài sản đấu giá khác, đối với việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản, nếu cá nhân, tổ chức trúng quyền khai thác khoáng sản nhưng từ chối kết quả trúng giá khi chưa được hội đồng đấu giá chấp thuận thì không được tham gia bất kỳ phiên đấu giá nào trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá đó. Quy định này nhằm hạn chế tình trạng có sự thông đồng, dìm giá giữa các nhà thầu trong đấu giá, bảo đảm sự khách quan của hoạt động đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Bên cạnh đó, để bảo đảm tính khách quan, minh bạch hoạt động đấu giá quyền khai thác khoáng sản, pháp luật quy định cụ thể các đối tượng không được tham gia đấu giá, bao gồm<sup>6</sup>: chủ tịch, thành viên hội đồng đấu giá; cán bộ, công chức được giao tiếp nhận, chuẩn bị hồ sơ đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Tổng cục Địa chất và khoáng sản, sở tài nguyên và môi trường nơi có khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con của những người nêu trên và những đối tượng bị cấm khác theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

Việc nghiên cứu cho thấy, những chủ thể nêu trên là những chủ thể có thẩm quyền trong việc quyết định kết quả đấu giá hoặc nắm được thông tin của những cá nhân, tổ chức sẽ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản như

cán bộ, công chức được giao tiếp nhận, chuẩn bị hồ sơ đấu giá quyền khai thác khoáng sản hoặc người thân của họ. Do vậy, pháp luật không cho họ tham gia đấu giá nhằm bảo đảm quyền bình đẳng cho các chủ thể tham gia đấu giá khác, đồng thời bảo đảm quá trình đấu giá sẽ chọn được nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu.

Về cơ bản, quy định pháp luật về điều kiện chủ thể tham gia phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản có tính hợp lý và phù hợp với nguyên tắc đấu giá công khai, minh bạch, tuy nhiên còn tồn tại một số hạn chế như sau:

*Một là*, quy định chế tài đối với trường hợp tổ chức, cá nhân tham gia phiên đấu giá và trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng từ chối không nhận kết quả trúng đấu giá mà chưa được hội đồng đấu giá chấp thuận thì không được tham gia bất kỳ phiên đấu giá nào trong thời hạn 01 năm là khá cứng nhắc và chưa xét đến các trường hợp khách quan.

*Hai là*, Điều 9 của Văn bản hợp nhất Nghị định đấu giá quyền khai thác khoáng sản quy định về các đối tượng không được tham gia đấu giá chưa bao quát hết các trường hợp có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến tính minh bạch và hiệu quả của hoạt động đấu giá.

**Kiến nghị hoàn thiện pháp luật về đấu giá quyền khai thác khoáng sản**

Trên cơ sở phân tích các bất cập nêu trên, bài viết đề xuất một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật nhằm bảo đảm tính minh bạch, công bằng và hiệu quả trong quá trình thực hiện việc đấu giá khoáng sản quyền khai thác khoáng sản, cụ thể:

<sup>4</sup> Điều 8 Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024.

<sup>5</sup> Điều 53 Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024.

<sup>6</sup> Điều 9 Nghị định số 03/VBHN-BTNMT quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

*Thứ nhất*, như đã phân tích ở trên, khoản tiền đặt trước dao động từ 1% đến 15% là rất lớn, và để bảo đảm áp dụng thống nhất, cần phải ban hành văn bản hướng dẫn chi tiết về cách xác định tỷ lệ tiền đặt trước trong từng trường hợp cụ thể để giúp tăng cường tính minh bạch, hạn chế khiếu nại và tranh chấp phát sinh trong quá trình đấu giá. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền cần ban hành văn bản hướng dẫn xác định tỷ lệ tiền đặt trước dựa trên các yếu tố khách quan như: loại khoáng sản, trữ lượng, giá trị mỏ, mức độ khan hiếm, chi phí khai thác và mức độ ảnh hưởng đến môi trường. Điều này giúp hạn chế sự tùy tiện trong việc áp dụng mức tiền đặt trước.

*Thứ hai*, như đã phân tích ở trên, điểm b khoản 2 Điều Nghị định số 03/VBHN-BTNMT dẫn chiếu sang Luật Khoáng sản đã hết hiệu lực, nên việc dẫn chiếu này không còn phù hợp. Vì vậy, điểm b khoản 2 Điều 19 Nghị định cần sửa đổi, bổ sung như sau: “Đáp ứng các quy định của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản hoặc khai thác khoáng sản quy định tại Điều 37 và Điều 53 Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024”.

*Thứ ba*, cần có quy định ngoại lệ đối với trường hợp tổ chức, cá nhân tham gia phiên đấu giá và trúng đấu giá quyền khai thác

khoáng sản nhưng từ chối không nhận kết quả trúng đấu giá mà chưa được hội đồng đấu giá chấp thuận. Bởi vì, trong thực tế, có những tình huống bất khả kháng như thay đổi chính sách pháp luật, biến động kinh tế lớn, hoặc sự cố tài chính ngoài dự kiến khiến nhà đầu tư không thể tiếp tục thực hiện dự án. Vì vậy, để bảo đảm tính công bằng và hợp lý, cần bổ sung các điều kiện ngoại lệ, cho phép xem xét miễn hoặc giảm chế tài đối với các trường hợp có lý do chính đáng và được cơ quan có thẩm quyền xác minh.

*Thứ tư*, Điều 9 Nghị định số 03/VBHN-BTNMT quy định về đối tượng không được tham gia đấu giá chưa bao quát hết các trường hợp có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến tính minh bạch và hiệu quả của hoạt động đấu giá. Vì vậy, để bảo đảm tính chặt chẽ và ngăn chặn các hành vi lợi dụng, cần mở rộng danh sách đối tượng bị cấm tham gia đấu giá. Cụ thể, nên bổ sung quy định cấm những tổ chức, cá nhân đã từng vi phạm nghiêm trọng quy định về đấu giá trong quá khứ, chẳng hạn như không thực hiện dự án sau khi trúng đấu giá hoặc có hành vi gian lận, gây thất thoát tài nguyên. Ngoài ra, những tổ chức, cá nhân đang có tranh chấp pháp lý hoặc vi phạm nghĩa vụ tài chính liên quan đến hoạt động khai thác

khoáng sản cũng cần được đưa vào diện không đủ điều kiện tham gia đấu giá. Việc bổ sung này không chỉ giúp nâng cao tính minh bạch mà còn góp phần sàng lọc các nhà đầu tư không có đủ năng lực, bảo đảm rằng chỉ những đơn vị thực sự có khả năng và trách nhiệm mới được tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

### Kết luận

Đấu giá quyền khai thác khoáng sản là một công cụ quan trọng nhằm bảo đảm sự công bằng, minh bạch và hiệu quả trong việc quản lý tài nguyên khoáng sản. Tuy nhiên, việc nghiên cứu cho thấy còn tồn tại nhiều bất cập về quy định tiền đặt trước, xét chọn hồ sơ và điều kiện tham gia đấu giá, gây ảnh hưởng đến tính minh bạch và hiệu quả của hoạt động đấu giá. Do đó, việc hoàn thiện khung pháp lý là cần thiết để hạn chế kẽ hở, nâng cao tính minh bạch và tạo môi trường đầu tư thuận lợi. Các kiến nghị đề xuất, bao gồm quy định cụ thể hơn về tiền đặt trước, cập nhật các điều khoản dẫn chiếu theo luật mới, điều chỉnh chế tài hợp lý và mở rộng danh sách đối tượng bị cấm tham gia đấu giá, sẽ góp phần hoàn thiện pháp luật, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng ■

N.Q.T

### Tài liệu tham khảo

1. Luật Địa Chất và khoáng sản năm 2024.
2. Luật Đấu giá tài sản năm 2016.
3. Nghị định số 03/VBHN-BTNMT ngày 30/01/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.
4. Đoàn Ngọc Báu, Lê Quang Hòa, *Nhận diện và điều chỉnh các quan hệ pháp luật trong hoạt động đấu giá tài sản*, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 16 (320), 2016.
5. Diệp Anh, *Đấu giá quyền khai thác khoáng sản địa chất: Công cụ hiệu quả để phân bổ tài nguyên một cách tối ưu*, <https://tainguyenvamoitruong.vn/daugia-quyen-khai-thac-khoang-san-dia-chat-cong-cu-hieu-qua-de-phan-bo-tai-nguyen-mot-cach-toi-uu-cid115874.html>, ngày 10/01/2025.

**TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ MẠNG  
TRONG VIỆC BẢO VỆ QUYỀN RIÊNG TƯ CỦA TRẺ EM**

**PHÁP LUẬT MỘT SỐ QUỐC GIA  
VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM**

**ĐÀM LÊ KHÁNH CHI, PHẠM KHÁNH VY, TRẦN THỊ SƠN HẢI\***

**Tóm tắt:** Sự phát triển mạnh mẽ của internet đã đem lại nhiều cơ hội phát triển nhưng đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức, đặc biệt đối với quyền riêng tư của trẻ em. Trách nhiệm trong việc bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em không chỉ thuộc về Nhà nước, gia đình và nhà trường mà cần có sự phối hợp của các nhà cung cấp dịch vụ và sản phẩm trực tuyến. Bài viết nghiên cứu, phân tích về vấn đề bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em của các nhà cung cấp dịch vụ mạng hiện nay; tìm hiểu kinh nghiệm pháp luật các quốc gia và đưa ra các đề xuất nhằm hoàn thiện quy định của pháp luật Việt Nam với mong muốn góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng pháp luật trong nước, hướng tới mục tiêu xây dựng môi trường phát triển an toàn và lành mạnh cho trẻ em ở Việt Nam.

**Từ khóa:** Quyền riêng tư, trẻ em, không gian mạng, nhà cung cấp dịch vụ.

**Abstract:** The strong development of the Internet has brought many opportunities for development but also raises many challenges, especially for children's privacy. The responsibility in protecting the privacy of children not only belongs to the State, family and school, but also needs the coordination of online service and products providers. The article researches and analyzes the privacy protection of children of current network service providers; Studying the law experience of the nations and making suggestions to improve the provisions of Vietnamese law with the desire to contribute to improving the efficiency of the application of domestic laws, towards the goal of building a safe and healthy development environment for children in Vietnam.

**Keywords:** Privacy, children, cyberspace, service providers.

**Đặt vấn đề**

Bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em trong thời kỳ cách mạng công nghệ hiện nay là vấn đề được các quốc gia trên thế giới ghi nhận và quan tâm như một hành động góp phần vào mục tiêu xây dựng môi trường phát triển lành mạnh và an toàn cho trẻ em. Ở Việt Nam, Nhà nước ta đã chú trọng quan tâm đến việc bảo vệ quyền trẻ em nói chung, quyền riêng tư của trẻ em nói riêng từ những năm đầu thời kỳ internet bắt đầu phát triển mạnh mẽ trên toàn thế giới. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, đi cùng với sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin là sự gia tăng nhanh chóng những rủi ro liên quan đến quyền riêng tư của trẻ em trên không gian mạng, đe dọa đến môi trường phát triển an toàn và lành mạnh cho trẻ em.



Hình minh họa.

\* Bài viết là sản phẩm của công trình NCKH sinh viên Trường Đại học Luật Hà Nội năm học 2024-2025 dưới sự hướng dẫn của TS Đàm Thị Diễm Hạnh.

Trong bối cảnh công nghệ số phát triển hiện nay, một trong những điều cần ưu tiên chính là sự bảo mật thông tin của các doanh nghiệp có dữ liệu thông tin của trẻ. Điều này đặt ra vấn đề về trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ mạng trong bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em.

### **Thực trạng bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em từ phía các nhà cung cấp dịch vụ mạng ở Việt Nam**

Hiện nay, các nhà cung cấp dịch vụ mạng (CCDVM) lớn tại Việt Nam như VNPT, Viettel Telecom, FPT Telecom... đều có cơ chế bảo vệ dữ liệu cá nhân cho người tiêu dùng, các quy định đều được thể hiện khá rõ ràng và cụ thể thông qua chính sách của các nhà mạng. Tuy nhiên, đối với vấn đề về bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em, các nhà CCDVM lại chưa có quy định cụ thể. Một số nhà mạng đã có các dịch vụ nhằm nâng cao sự an toàn cho trẻ, bảo vệ trẻ khỏi những thông tin độc hại, như nhà mạng VNPT đã thực hiện dịch vụ VNPT Family Safe với các tính năng như chặn nội dung độc hại, quản lý thiết bị và thời gian truy cập, cung cấp báo cáo sử dụng internet trong gia đình... giúp phụ huynh hỗ trợ theo dõi hoạt động, quản lý thời gian của trẻ khi sử dụng internet, tránh các rủi ro trên không gian mạng<sup>1</sup>. Hay Công ty An ninh mạng Viettel (Viettel Cyber Security - VCS), chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội đã cho ra mắt CyberKid Vietnam - tổ chức xã hội đầu tiên tại Việt Nam

với 100% ý tưởng của người Việt và do người Việt làm chủ, vận hành với mục đích bảo vệ, hỗ trợ trẻ em trên không gian mạng. Tuy có sự ra đời của VNPT Family Safe hay CyberKid Vietnam nhưng những hoạt động này chủ yếu tập trung vào việc kiểm soát nội dung và xây dựng các mục tiêu chung hơn là vào việc bảo vệ quyền riêng tư cho trẻ em<sup>2</sup>.

### **Thực trạng pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em trên không gian mạng**

#### *Bảo vệ quyền riêng tư trong việc thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của trẻ em*

Luật An toàn thông tin mạng năm 2015 đã có những quy định đặt ra trách nhiệm đối với các cơ quan, tổ chức từ bước thu thập thông tin cá nhân, bảo vệ, lưu trữ thông tin cá nhân cho đến trách nhiệm đối với chủ thể thông tin cá nhân, trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền trong việc bảo vệ an toàn thông tin mạng.

Trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ mạng đối với thông tin cá nhân của đối tượng cụ thể là trẻ em được quy định cụ thể trong Nghị định số 130/2021/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo trợ, trợ giúp xã hội và trẻ em. Điểm c và d khoản 1 Điều 36 Nghị định này quy định mức xử phạt đối với vi phạm về trách nhiệm bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng như: không sử dụng các biện pháp, công cụ bảo đảm an

toàn về thông tin bí mật đời sống riêng tư của trẻ em; không gửi các thông điệp cảnh báo nguy cơ khi trẻ em cung cấp, thay đổi thông tin bí mật đời sống riêng tư của trẻ em; không thực hiện yêu cầu xóa, gỡ bỏ các thông tin cá nhân của trẻ em khi cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em, người giám hộ của trẻ em hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền bảo vệ trẻ em yêu cầu. Các quy định này yêu cầu các cơ quan, tổ chức thu thập, sử dụng thông tin cá nhân của trẻ em phải có biện pháp bảo đảm thông tin cá nhân, thông tin đời sống riêng tư cho nhóm đối tượng đặc biệt này; đồng thời khi có yêu cầu của các cá nhân, tổ chức chăm sóc, bảo vệ trẻ em về việc xóa, gỡ bỏ thông tin cá nhân của trẻ em thì phải thực hiện. Ngoài ra, khoản 11 Điều 6 Luật Trẻ em năm 2016 quy định một trong các hành vi bị nghiêm cấm là “công bố, tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em mà không được sự đồng ý của trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên và của cha, mẹ, người giám hộ của trẻ em”. Khoản 2 Điều 54 của Luật này yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý, cung cấp sản phẩm, dịch vụ thông tin, truyền thông và tổ chức các hoạt động trên môi trường mạng phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn và bí mật đời sống riêng tư cho trẻ em theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, Điều 36 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em quy định các biện pháp bảo vệ thông tin bí mật đời sống riêng tư cho trẻ em trên môi trường mạng<sup>3</sup>.

<sup>1</sup> VNPT, VNPT Family Safe hỗ trợ giám sát trẻ nhỏ trên không gian mạng, <https://vnpt.com.vn/gioi-thieu/tin-tuc/vnpt-family-safe-ho-tro-giam-sat-tre-nho-tren-khong-gian-mang.html>, ngày 16/02/2025.

<sup>2</sup> VNPT, *ltd*.

<sup>3</sup> Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên môi trường mạng và cá nhân khi đưa thông tin bí mật đời sống riêng tư của trẻ em lên mạng phải có sự đồng ý của cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em và trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên; có trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin của trẻ em.

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên môi trường mạng phải sử dụng các biện pháp, công cụ bảo đảm an toàn về thông tin bí mật đời sống riêng tư của trẻ em, các thông điệp cảnh báo nguy cơ khi trẻ em cung cấp, thay đổi thông tin bí mật đời sống riêng tư của trẻ em.

Cha, mẹ, người chăm sóc trẻ em, trẻ em từ đủ 07 tuổi trở lên và cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ trẻ em theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ và cá nhân tham gia hoạt động trên môi trường mạng xóa bỏ các thông tin bí mật đời sống riêng tư của trẻ em để bảo đảm sự an toàn và lợi ích tốt nhất của trẻ em.

**Trách nhiệm trong việc bảo vệ trẻ em khỏi nội dung độc hại trên không gian mạng**

Các nhà cung cấp dịch vụ mạng không chỉ có trách nhiệm trong việc thu thập, xử lý, sử dụng thông tin cá nhân của trẻ em mà còn có nghĩa vụ bảo vệ trẻ em khỏi những nội dung độc hại trên không gian mạng. Cụ thể, khoản 2 Điều 29 Luật An ninh mạng năm 2018 quy định: Chủ quản hệ thống thông tin, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng có trách nhiệm kiểm soát nội dung thông tin trên hệ thống thông tin hoặc trên dịch vụ do doanh nghiệp cung cấp để không gây nguy hại cho trẻ em, xâm phạm đến trẻ em, quyền trẻ em; ngăn chặn việc chia sẻ và xóa bỏ thông tin có nội dung gây nguy hại cho trẻ em, xâm phạm đến trẻ em, quyền trẻ em; kịp thời thông báo, phối hợp với lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thuộc Bộ Công an để xử lý. Khoản 3 của điều luật này cũng quy định: Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trên không gian mạng có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong bảo đảm quyền của trẻ em trên không gian mạng, ngăn chặn thông tin có nội dung gây nguy hại cho trẻ em theo quy định của Luật này và pháp luật về trẻ em.

Bên cạnh đó, điểm b khoản 1, khoản 4 Điều 73 Luật Công nghệ thông tin năm 2006 quy định xã hội, trong đó bao gồm các nhà cung cấp dịch vụ mạng có trách

trách nhiệm tiến hành các biện pháp phòng, chống các ứng dụng công nghệ thông tin có nội dung kích động bạo lực và khiêu dâm; nhà cung cấp dịch vụ có biện pháp ngăn ngừa trẻ em truy nhập trên môi trường mạng thông tin không có lợi đối với trẻ em. Ngoài ra, khoản 5 của điều luật này yêu cầu các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin mạng nội dung không phù hợp với trẻ em phải có dấu hiệu cảnh báo. Điều 35 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em quy định trách nhiệm bảo đảm an toàn cho trẻ em trong việc trao đổi, cung cấp thông tin trên môi trường mạng, cụ thể các cơ quan, tổ chức, cá nhân phải bảo đảm an toàn thông tin của trẻ em, ngăn chặn thông tin gây hại cho trẻ em; doanh nghiệp kinh doanh, cung cấp dịch vụ trên môi trường mạng phải cảnh báo hoặc gỡ bỏ thông tin, dịch vụ gây hại cho trẻ em, thông tin, dịch vụ giả mạo, xuyên tạc xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ em; có công cụ kiểm soát, bảo vệ trẻ em khỏi tình trạng lạm dụng, nghiện trò chơi điện tử. Khoản 2 Điều 38 Nghị định số 147/2024/NĐ-CP về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng đặt ra trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên mạng trong việc phân loại trò chơi theo độ tuổi; điều này giúp quản lý chặt chẽ hơn các nội dung giải trí mà trẻ em tiếp cận phải phù hợp với từng lứa tuổi, phù hợp với mức độ phát triển về mặt thể chất và tinh thần.

**Kinh nghiệm của một số quốc gia**

Nhiều quốc gia trên thế giới đã xây dựng các quy định pháp luật liên quan đến trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ và sản phẩm trực tuyến trong việc thu thập, xử lý, sử dụng thông tin cá nhân của trẻ em cũng như trách nhiệm của họ trong việc kiểm soát nội dung độc hại. Ngoài ra, họ cũng tập trung xây dựng các chế tài xử lý việc vi phạm có tính răn đe cao nhằm hạn chế các hành vi vi phạm có thể xảy ra.

**Trong việc bảo vệ thông tin cá nhân của trẻ em**

Các nhà cung cấp dịch vụ mạng đóng vai trò không thể thiếu trong việc bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em, họ có trách nhiệm tuân thủ các nguyên tắc quan trọng khi thu thập, lưu trữ, sử dụng, chuyển giao hoặc tiết lộ thông tin cá nhân của trẻ em. Những nguyên tắc này bao gồm tính đúng đắn, cần thiết, sự đồng ý có hiểu biết, mục đích xác định, bảo đảm an ninh và sử dụng hợp pháp. Để bảo vệ thông tin cá nhân của trẻ em, các nhà khai thác mạng cần thiết lập các chính sách và thỏa thuận người dùng cụ thể, bảo đảm rằng mọi quy trình đều minh bạch và dễ hiểu cho cha mẹ hoặc người giám hộ.

Trong đó, Hoa Kỳ quy định về trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ trực tuyến (hay nhà điều hành<sup>4</sup>) chủ yếu trong các luật như Đạo luật bảo vệ quyền riêng tư trực tuyến của trẻ em (COPPA<sup>5</sup>),

<sup>4</sup> COPPA, § 312.2 Definitions: “Operator means any person who operates a Web site located on the Internet or an online service and who collects or maintains personal information from or about the users of or visitors to such Web site or online service, or on whose behalf such information is collected or maintained, or offers products or services for sale through that Web site or online service, where such Web site or online service is operated for commercial purposes involving commerce among the several States or with 1 or more foreign nations”.

<sup>5</sup> The United States of America, Code of Federal Regulations, Part 312: Childrens Online Privacy Protection Rule.

Đạo luật an toàn trực tuyến cho trẻ em (KOSA<sup>6</sup>) và các đạo luật tương tự ở các tiểu bang. Cụ thể, theo § 312.3 COPPA, thì các nhà điều hành bị cấm thu thập các thông tin cá nhân như tên, địa chỉ, số điện thoại hay vị trí địa lý của trẻ dưới 13 tuổi nếu không có sự đồng ý của phụ huynh. Ngoài ra, họ cần phải thông báo rõ ràng về loại dữ liệu được thu thập, cách thức sử dụng (§ 312.4) và đồng thời cũng bị giới hạn phạm vi thu thập chỉ dừng lại ở các thông tin cơ bản và cần thiết cho quá trình sử dụng trang web (§ 312.7). Ngoài những điều mà COPPA quy định, KOSA nêu thêm một số điều mà các nhà điều hành phải thông báo, cụ thể họ phải mô tả các biện pháp bảo vệ và công cụ dành cho phụ huynh có sẵn trên nền tảng, cách nền tảng can thiệp khi phát sinh sự cố, mô tả cách xử lý thông tin được thu thập và tất cả các biện pháp xử lý khi có tình trạng vi phạm<sup>7</sup>.

So với Hoa Kỳ, Trung Quốc ban hành các chính sách cụ thể trong Luật Bảo vệ thông tin cá nhân (PIPL<sup>8</sup>) và Quy định về bảo vệ trẻ vị thành niên trực tuyến<sup>9</sup>. Theo Điều 20 PIPL, các nền tảng trực tuyến có số lượng người dùng trẻ em hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến nhóm này phải tuân thủ một loạt các nghĩa vụ, có thể kể đến như: thiết kế các chế độ bảo vệ trẻ vị thành niên, định kỳ đánh giá tác động bảo vệ, thiết lập cơ quan giám sát độc lập, bảo đảm minh bạch trong cung cấp dịch vụ và



*Ảnh minh họa.*

ngừng hợp tác với các nhà cung cấp nội dung vi phạm pháp luật. Ngoài ra, trong Quy định về bảo vệ trẻ vị thành niên trực tuyến, các nền tảng phải cung cấp các kênh khiếu nại, tố cáo dễ tiếp cận và xử lý kịp thời các phản ánh (Điều 7). Trong trường hợp thông tin bị rò rỉ, thay đổi hoặc mất, họ thực hiện các biện pháp khắc phục, báo cáo kịp thời cho Cơ quan quản lý không gian mạng Trung Quốc (CAC) và các bộ phận liên quan khác, đồng thời thông báo cho trẻ vị thành niên bị ảnh hưởng và người giám hộ của họ về sự cố đó (Điều 35 Quy định về bảo vệ trẻ vị thành niên trực tuyến<sup>10</sup>).

Liên minh châu Âu cũng đặt ra các yêu cầu nghiêm ngặt theo Quy định chung về bảo vệ dữ liệu

(GDPR). Trước hết, các nhà cung cấp dịch vụ có nghĩa vụ phải xác minh rằng người giám hộ hợp pháp đã đồng ý việc xử lý dữ liệu cá nhân của trẻ em, đặc biệt trong các trường hợp trẻ em chưa đủ độ tuổi hợp pháp để tự mình đồng ý (dưới 16 tuổi, tùy thuộc vào quốc gia thành viên) theo Điều 8 GDPR, ngoài ra cũng cần phải thông báo về mục đích sử dụng dữ liệu và quyền yêu cầu xóa/sửa đổi thông tin (Điều 12, 17 GDPR). Đồng thời, theo Điều 5(1)(f) và Điều 32 GDPR, các nhà cung cấp dịch vụ phải áp dụng các biện pháp bảo mật phù hợp để ngăn chặn rủi ro mất mát, truy cập trái phép hoặc xử lý dữ liệu bất hợp pháp. Và cuối cùng, theo Điều 35 GDPR, nếu dữ liệu có nguy cơ cao đối với trẻ em thì nhà cung cấp phải thực

<sup>6</sup> The United States of America, Kids Online Safety Act.

<sup>7</sup> KOSA Section 6, part 3.

<sup>8</sup> Peoples Republic of China, Personal Information Protection Law.

<sup>9</sup> Peoples Republic of China, Regulations on the Protection of Minors Online.

<sup>10</sup> Article 35: "Where minors' personal information is or might be disclosed, altered, or lost, the personal information handlers shall immediately initiate the emergency response plan for personal information safety incidents, employ remedial measures, promptly report to the internet information departments and other departments, and notify impacted minors and their guardians by mail, letter, phone, push notification, or other methods in accordance with relevant state provisions".

hiện đánh giá tác động bảo vệ dữ liệu DPIA nhằm giảm thiểu rủi ro và khắc phục kịp thời.

Ngoài những điều trên, Vương quốc Anh cũng bổ sung và làm rõ hai điều mà nhà cung cấp phải tuân thủ, bao gồm tuân thủ Luật Bảo vệ dữ liệu (DPA<sup>11</sup>) 2018 và ưu tiên lợi ích tốt nhất của trẻ em. Việc tuân thủ luật đòi hỏi các nhà cung cấp dịch vụ phải áp dụng các nguyên tắc bảo vệ dữ liệu như tính hợp pháp, minh bạch và giới hạn mục đích khi thu thập và xử lý dữ liệu cá nhân của trẻ em. Ngoài ra, các nhà cung cấp dịch vụ phải ưu tiên lợi ích tốt nhất của trẻ em<sup>12</sup>, đặc biệt là trong những dịch vụ được thiết kế và sử dụng chủ yếu bởi trẻ em. Đây là yêu cầu quan trọng được ghi nhận trong Bộ quy tắc thiết kế phù hợp với lứa tuổi (AADC<sup>13</sup>) của Vương quốc Anh. Quy định này nhấn mạnh rằng các nhà cung cấp dịch vụ phải luôn bảo đảm rằng các dịch vụ trực tuyến không gây hại cho trẻ em và phải được thiết kế để bảo vệ trẻ em khỏi các mối nguy hại tiềm tàng trong không gian trực tuyến.

Nhìn chung, mặc dù các quy định của Hoa Kỳ, Trung Quốc và EU đều nhằm bảo vệ thông tin cá nhân của trẻ em khi sử dụng các dịch vụ trực tuyến, mỗi quốc gia lại có những yêu cầu đặc thù để phù hợp với tình hình thực tế và đặc điểm pháp lý của mình. Hoa Kỳ có hệ thống tương đối chặt chẽ nhưng mang tính phân tán, tập trung vào các khía cạnh cụ thể nhằm giới hạn việc thu thập, sử dụng và lưu trữ thông tin của trẻ em thông qua yêu cầu sự đồng ý của phụ huynh. Trung Quốc ưu tiên áp dụng mô hình quản lý tập



Ảnh minh họa.

trung, yêu cầu các nền tảng thực hiện các biện pháp bảo vệ dữ liệu nghiêm ngặt. EU và Anh có khung pháp lý toàn diện vào thống nhất hơn so với hai quốc gia khi nhấn mạnh quyền kiểm soát dữ liệu cá nhân, bảo đảm tính minh bạch trong xử lý dữ liệu. Tuy có sự khác biệt, nhưng tất cả đều hướng đến mục tiêu bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em trên môi trường số. Thách thức đặt ra không chỉ cho các quốc gia mà còn cả Việt Nam là làm sao để cân bằng giữa bảo vệ dữ liệu và quyền tiếp cận thông tin.

### *Trong việc kiểm soát nội dung*

Tại Hoa Kỳ, các đạo luật chính được ban hành nhằm quy định trách nhiệm cho các nhà cung cấp dịch vụ trực tuyến là Đạo luật Cho phép cơ quan chức năng và nạn nhân chống lại hành vi buôn bán tình dục trực tuyến (FOSTA)

và Đạo luật Ngăn chặn tiếp tay cho hành vi buôn bán tình dục (SESTA) có hiệu lực năm 2018. Cụ thể, SESTA làm rõ rằng các nền tảng trực tuyến có thể bị truy cứu trách nhiệm pháp lý nếu họ biết nhưng cố tình bỏ qua các hoạt động quảng cáo hoặc tạo điều kiện cho buôn bán tình dục diễn ra trên nền tảng của mình. Trong khi đó, FOSTA tập trung vào việc hình sự hóa hành vi tạo điều kiện cho buôn bán tình dục trực tuyến, mở rộng phạm vi truy tố và tăng cường các hình phạt đối với những người liên quan đến buôn bán tình dục trực tuyến. Ngoài ra, Section 4 của Dự luật KOSA quy định các biện pháp bảo đảm an toàn cho trẻ em như bảo vệ trẻ em khỏi các nội dung có hại như tự làm hại bản thân, rối loạn ăn uống, bắt nạt, bạo lực và các nội dung độc hại khác.

<sup>11</sup> Data Protection Act 2018.

<sup>12</sup> Children's Online Privacy and Data Protection in Selected European Countries: "...The DPA defines age-appropriate design as "the design of services so that they are appropriate for use by, and meet the development needs of, children". The Code is comprised of 15 design standards, the first of which is to make the best interests of children a primary consideration", p.52; Data Protection Act 2018 § 123.

<sup>13</sup> Information Commissioner Office, Age appropriate design: a code of practice for online services, <https://ico.org.uk/media/for-organisations/guide-to-data-protection/key-data-protection-themes/age-appropriate-design-a-code-of-practice-for-online-services-2-1.pdf>, ngày 02/9/2020.

Giống với Hoa Kỳ, Trung Quốc cũng đặt ra những quy định trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ mạng trong việc kiểm soát nội dung. Các nhà cung cấp sản phẩm và dịch vụ trực tuyến không được cung cấp những dịch vụ và sản phẩm có khả năng gây nghiện; với lĩnh vực trò chơi trực tuyến thì họ có trách nhiệm phân loại cũng như ngăn chặn việc trẻ vị thành niên tiếp xúc với các trò chơi không phù hợp với độ tuổi của mình (Điều 74, 75 Luật Bảo vệ trẻ em tại Trung Quốc). Ngoài ra Luật này cũng quy định, trong trường hợp phát hiện thông tin gây hại đến sức khỏe thể chất và tinh thần của trẻ em, hoặc phát hiện người dùng sử dụng dịch vụ để thực hiện các hành vi trái pháp luật đối với trẻ em thì các nhà cung cấp dịch vụ mạng phải ngay lập tức chặn sự lan truyền của thông tin, áp dụng các biện pháp để giải quyết như xóa hoặc ngăn chặn thông tin, hoặc phá đường link; và ngay lập tức ngừng cung cấp dịch vụ cho người dùng.

Đối với các quốc gia thuộc khối EU, Chỉ thị về Dịch vụ truyền thông nghe nhìn (AVMSD) quy định các biện pháp để bảo vệ trẻ em khỏi các nội dung không phù hợp trên các nền tảng trực tuyến. Mục 19 và 20 phần mở đầu của Chỉ thị yêu cầu các nền tảng chia sẻ video phải thực hiện việc cung cấp thông tin đầy đủ nội dung có thể gây hại cho sự phát triển thể chất, tinh thần hoặc đạo đức của trẻ vị thành niên để giúp người xem, bao gồm cả cha mẹ và trẻ em, có thể sàng lọc nội dung mà trẻ sẽ xem. Đặc biệt, những nội dung gây hại nghiêm trọng nhất,

có thể ảnh hưởng đến sự phát triển thể chất, tinh thần hoặc đạo đức của trẻ vị thành niên nhưng không nhất thiết là hành vi phạm tội hình sự, phải chịu các biện pháp nghiêm ngặt nhất như mã hóa và kiểm soát của phụ huynh. Bên cạnh đó, mục 80 phần mở đầu của Đạo luật về Dịch vụ kỹ thuật số (DSA) yêu cầu các nền tảng trực tuyến và công cụ tìm kiếm phải đánh giá rủi ro liên quan đến việc lan truyền nội dung bất hợp pháp, như tài liệu lạm dụng trẻ em, phát ngôn thù hận, hoặc hoạt động phạm pháp, bao gồm buôn bán hàng giả hoặc động vật bất hợp pháp.

Tại Vương quốc Anh, Đạo luật An toàn trực tuyến 2023 yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ phải đánh giá, giảm thiểu và quản lý rủi ro gây hại từ nội dung bất hợp pháp và nội dung có hại cho trẻ em; điều này bao gồm việc ngăn chặn người dùng gặp phải nội dung bất hợp pháp ưu tiên và giảm thiểu thời gian nội dung đó tồn tại trên dịch vụ. Ngoài ra, các công ty cũng phải ngăn chặn trẻ em xem nội dung có hại như bắt nạt, nội dung khuyến khích tự gây thương tích và rối loạn ăn uống.

Qua nghiên cứu cho thấy, các quốc gia có cách tiếp cận khác nhau trong việc quy định trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ mạng đối với việc kiểm soát nội dung trực tuyến. Hoa Kỳ áp dụng mô hình điều chỉnh tập trung vào trách nhiệm pháp lý của các nhà điều hành. Tuy nhiên, hệ thống luật pháp Hoa Kỳ mang tính phân tán với nhiều đạo luật riêng biệt như SESTA-FOSTA và

KOSA dẫn đến sự chông chéo và khó khăn trong việc thực thi. Trong khi đó, Trung Quốc thực thi chính sách chặt chẽ, đặt biệt là với sản phẩm gây nghiện hoặc ảnh hưởng tiêu cực đến trẻ. Cách tiếp cận này tuy có lợi thế trong việc kiểm soát hiệu quả thông tin độc nhưng đồng thời là giảm tính linh hoạt của doanh nghiệp. So với hai quốc gia trên thì EU áp dụng mô hình cân bằng giữa bảo vệ quyền lợi của người dùng và nhà cung cấp dịch vụ trực tuyến nhưng đây chỉ là khung pháp lý, dẫn tới việc thực thi có thể không đồng đều tại các quốc gia khác nhau. Tuy có nhiều mô hình được áp dụng khác nhau, những thách thức chung vẫn là sự cân bằng việc bảo vệ quyền riêng tư và tính khả thi trong việc áp dụng các quy định.

#### *Về chế tài xử lý*

Nhìn chung, các quốc gia áp dụng những chế tài xử lý rất nghiêm ngặt đối với nhà cung cấp dịch vụ mạng, đặc biệt là chế tài hành chính. EU quy định tại Điều 83(4) GDPR với mức phạt có thể lên tới 10 triệu euro hoặc 2% doanh thu toàn cầu<sup>14</sup>. Trong trường hợp nghiêm trọng, mức phạt có thể lên tới 4% tổng doanh thu hàng năm trên toàn thế giới của năm tài chính trước đó; tùy theo mức nào cao hơn nếu không tuân thủ lệnh của cơ quan giám sát theo quy định tại Điều 58(2)<sup>15</sup>. Theo Luật thiết kế phù hợp với độ tuổi của Vương quốc Anh, chế tài hành chính đã được quy định trong Luật này như sau: “Đối với các vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc bảo vệ dữ liệu, mức xử phạt có thể lên tới 20 triệu euro (hoặc

<sup>14</sup> Article 83, GDPR: “4. Infringements of the following provisions shall, in accordance with paragraph 2, be subject to administrative fines up to 10 000 000 EUR, or in the case of an undertaking, up to 2 % of the total worldwide annual turnover of the preceding financial year, whichever is higher”.

<sup>15</sup> Article 83, GDPR: “6. Non-compliance with an order by the supervisory authority as referred to in Article 58(2) shall, in accordance with paragraph 2 of this Article, be subject to administrative fines up to 20 000 000 EUR, or in the case of an undertaking, up to 4 % of the total worldwide annual turnover of the preceding financial year, whichever is higher”.

17,5 triệu bảng Anh khi GDPR của EU có hiệu lực) hoặc 4% tổng doanh thu toàn cầu hàng năm, tùy theo mức nào cao hơn<sup>16</sup>. Hoa Kỳ quy định theo COPPA, mức phạt có thể lên tới 43.280 USD cho mỗi vi phạm<sup>17</sup>, và tổng mức phạt có thể lên đến hàng triệu USD, tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của vụ vi phạm. Các tổ chức vi phạm còn có thể bị yêu cầu thực hiện các biện pháp khắc phục như cải thiện chính sách bảo mật, xóa bỏ dữ liệu thu thập trái phép hoặc thậm chí đình chỉ hoạt động của dịch vụ. Tại Trung Quốc, theo Luật An ninh mạng (CSL), mức phạt có thể lên đến 1 triệu RMB<sup>18</sup>, hình phạt tối đa cho hành vi vi phạm các quy tắc định vị dữ liệu được ấn định ở mức phạt 500.000 Nhân dân tệ, đình chỉ kinh doanh tạm thời hoặc vĩnh viễn và thu hồi giấy phép kinh doanh và giấy phép<sup>19</sup>; trong khi PIPL quy định mức phạt lên đến 50 triệu RMB hoặc 5% doanh thu hàng năm của doanh nghiệp vi phạm, tùy theo mức nào cao hơn.

Ngoài chế tài hành chính, các quốc gia cũng có các chế tài hình sự khi vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng. EU, theo Mục 149 GDPR, cho phép các quốc gia thành viên quy định hình sự đối với các trường hợp vi phạm cá nhân nghiêm trọng. Tại Hoa Kỳ, mặc dù COPPA chủ yếu tập trung vào chế tài hành chính và dân sự, nhưng trong trường hợp các hành vi vi phạm trở nên nghiêm trọng, có thể dẫn đến các hình phạt hình sự. Tại Trung Quốc, chế tài hình sự xử lý những trường hợp nghiêm trọng, có yếu tố cố ý hoặc

gây hậu quả lớn. Các hành vi này có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bao gồm cả hình phạt tù và phạt tiền lớn, nhằm bảo đảm tính răn đe và công bằng.

### Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Để bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em trên không gian mạng, các quy định pháp luật đặt ra trách nhiệm, nghĩa vụ đối với các nhà cung cấp dịch vụ mạng; chủ thể cung cấp, quản lý các thông tin cá nhân, các nội dung mà trẻ em có thể tiếp cận; cần phải chặt chẽ, cụ thể, rõ ràng và nghiêm minh. Việt Nam có thể học hỏi kinh nghiệm quy định và thực hiện pháp luật của các quốc gia để xây dựng khung pháp lý quy định trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ mạng trong việc bảo vệ thông tin cá nhân của trẻ em, bảo vệ trẻ em khỏi những nội dung độc hại trên môi trường trực tuyến, đồng thời quy định các chế tài xử lý hành vi vi phạm bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em trên không gian mạng.

Pháp luật Việt Nam có thể tham khảo Hoa Kỳ trong việc đặt ra các quy định giới hạn thông tin mà các cơ quan, tổ chức sử dụng thông tin cá nhân có thể thu thập chỉ là những thông tin cơ bản và cần thiết cho mục đích thu thập. Hiện nay, pháp luật Việt Nam chỉ quy định thế nào là thông tin bí mật đời sống riêng tư, bí mật cá nhân của trẻ em tại Điều 33 Nghị định số 56/2017/NĐ-CP, chưa có quy định về việc giới hạn những thông tin có thể được thu thập bởi các nhà cung cấp dịch vụ. Những

thông tin như địa chỉ nơi ở cụ thể, thông tin về trường lớp cũng như các mối quan hệ cá nhân của trẻ em có thể là những thông tin dễ bị lợi dụng để thực hiện các tội phạm mạng, các hành vi xâm hại đến trẻ em trên môi trường trực tuyến. Nếu không có quy định giới hạn, các tổ chức, cơ quan thu thập thông tin của trẻ em có thể thu thập nhiều dữ liệu hơn mức cần thiết, từ đó thiếu kiểm soát đối với những thông tin không được sử dụng, dễ dàng bỏ lọt thông tin vào tay kẻ xấu. Pháp luật nên có thêm quy định phân loại những thông tin cá nhân của trẻ em mà chỉ được khai thác, thu thập với những mục đích đặc biệt được quy định rõ ràng; để tránh khó khăn cho các nhà cung cấp dịch vụ mạng trong việc xác định những thông tin được phép thu thập, sử dụng.

Các quy định pháp luật cũng cần phải yêu cầu các cơ quan, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực có sử dụng thông tin cá nhân của trẻ em phải minh bạch hóa quá trình thu thập, xử lý và sử dụng các thông tin được cung cấp. Với đối tượng là trẻ em, những cá nhân chưa phát triển đầy đủ về mặt nhận thức, pháp luật hiện hành quy định các nhà cung cấp dịch vụ mạng phải có sự đồng ý của các cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ trẻ em khi thu thập, xử lý và sử dụng thông tin cá nhân của trẻ em. Để cha mẹ, người giám hộ, người chăm sóc, bảo vệ trẻ em có thể nhận thức được đầy đủ các quyền, nghĩa vụ của họ, của các nhà cung cấp dịch vụ trước khi đồng ý, cần phải có các quy định yêu cầu các nhà

<sup>16</sup> Page 12, Age appropriate design a code of practice for online services, <https://ico.org.uk/media/for-organisations/guide-to-data-protection/key-data-protection-themes/age-appropriate-design-a-code-of-practice-for-online-services-2-1.pdf>

<sup>17</sup> § 312.9 Enforcement COPPA.

<sup>18</sup> “While this represented little substantive evolution, a major step forward was made in enforcement, as non-compliance with personal information protection requirements could lead to punishment ranging from a simple warning to fines of up to 1 million RMB”, *Chinas emerging data protection framework Journal of Cybersecurity*, 2022, 1–12 <https://doi.org/10.1093/cybsec/tyac011> Research paper.

<sup>19</sup> National People's Congress. *Zhonghua renmin gongheguo wangluo anquan fa* [Cybersecurity Law of the People's Republic of China]. 2016. [http://www.cac.gov.cn/2016-11/07/c\\_1119867116.htm](http://www.cac.gov.cn/2016-11/07/c_1119867116.htm). (11 July 2022, date last accessed).

cung cấp dịch vụ mạng có trách nhiệm cho các cá nhân, tổ chức chăm sóc, bảo vệ trẻ em biết rõ loại thông tin nào của trẻ em sẽ được thu thập, cách thức xử lý, sử dụng và bảo quản các thông tin đó cũng như các biện pháp khắc phục hậu quả, xử lý vi phạm khi có hành vi vi phạm xảy ra. Điều này giúp cho cha mẹ, người chăm sóc, người giám hộ trẻ em giám sát được quá trình thu thập, sử dụng thông tin cá nhân của trẻ em; giúp họ có những biện pháp báo cáo, yêu cầu xử lý vi phạm kịp thời để giảm thiểu các rủi ro có thể xảy ra. Việc quy định như vậy cũng tăng cường trách nhiệm của các nhà cung cấp dịch vụ mạng, yêu cầu họ phải cam kết bảo vệ dữ liệu cá nhân của trẻ em; tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn thông tin cũng như phải có các chính sách, cơ chế bảo vệ dữ liệu trẻ em riêng biệt.

Bên cạnh đó, pháp luật Việt Nam có thể tham khảo PIPL của Trung Quốc trong việc đặt ra các quy định yêu cầu các nhà cung cấp dịch vụ mạng phải định kỳ thực hiện đánh giá việc bảo vệ thông tin cá nhân của trẻ em mà họ đã thu thập, xử lý và sử dụng. Quy định này có thể giúp việc bảo đảm các nỗ lực tuân thủ pháp luật của các tổ chức, cơ quan sử dụng dữ liệu cá nhân của trẻ em được thực hiện trong suốt quá trình sử dụng dữ liệu; tránh việc các chủ thể này chỉ tôn trọng pháp luật để có thể thu thập thông tin cá nhân của trẻ em mà bỏ qua trách nhiệm sau khi thu thập. Việc thực hiện đánh giá định kỳ cũng có thể giúp các cơ quan có thẩm quyền dễ dàng hơn trong việc giám sát, kiểm tra các nhà cung cấp dịch vụ mạng trong việc bảo vệ thông tin cá nhân của trẻ em trên không gian mạng.

Với các quy định của pháp luật Việt Nam về trách nhiệm kiểm soát nội dung độc hại trên không

gian mạng, cần phải có các quy định cụ thể hơn về việc quản lý các nội dung không phù hợp với lứa tuổi, có thể gây hại đến thể chất và tinh thần của trẻ em. Việc kiểm soát các nội dung mà trẻ em có thể tiếp cận không chỉ là việc xóa bỏ, loại trừ những nội dung đã xuất hiện trên các nền tảng trực tuyến, mà còn bao gồm việc sàng lọc các nội dung có thể được đăng tải bởi người dùng, ngăn chặn các nội dung có hại này được lan truyền ngay từ bước đầu tiên. Chúng ta có thể tham khảo EU để bổ sung các quy định yêu cầu nhà cung cấp dịch vụ mạng phải có các biện pháp, công cụ kiểm duyệt nội dung có thể được đăng tải, được lan truyền trên nền tảng của mình; những biện pháp, công cụ này phải được đánh giá, kiểm tra đạt yêu cầu trước khi đưa vào sử dụng. Hiện nay, một số nền tảng mạng xã hội thường bị lạm dụng để phát tán những thông tin, nội dung xấu, độc hại như bạo lực, kích động thù hận, nội dung phản cảm; gây ảnh hưởng tiêu cực đến người dùng, đặc biệt là nhóm đối tượng trẻ em. Tình trạng này càng trở nên tệ hơn khi nhiều nền tảng trực tuyến chỉ can thiệp vào việc kiểm soát các nội dung độc hại này khi có khiếu nại từ người dùng hoặc yêu cầu từ cơ quan có thẩm quyền; thậm chí một số nền tảng cho rằng họ chỉ cung cấp dịch vụ và không chịu trách nhiệm về nội dung do người dùng đăng tải, gây khó khăn trong việc quản lý. Quy định này đặt ra trách nhiệm rõ ràng cho các nhà cung cấp dịch vụ mạng trong việc chủ động kiểm duyệt những thông tin, nội dung trước khi xuất hiện trên nền tảng của mình, tạo một môi trường an toàn hơn cho trẻ em khi sử dụng internet. Với những nội dung không phù hợp với lứa tuổi trẻ em, trách nhiệm đưa ra đầy đủ, rõ ràng miêu tả, cảnh báo chi tiết của cơ quan, tổ chức quản lý

nền tảng trực tuyến phải được đặt ra. Trong nhiều trường hợp, cha mẹ, người chăm sóc, bảo vệ trẻ em và chính trẻ em gặp khó khăn trong việc lựa chọn những nội dung phù hợp với lứa tuổi của trẻ do các nội dung phù hợp không có thông tin mô tả, không có cảnh báo kèm theo, chỉ khi đã tiếp cận với nội dung thì mới xác định được là không phù hợp. Để việc lựa chọn thông tin, nội dung cho trẻ em được hiệu quả, chính xác nhất, pháp luật cần có thêm các quy định yêu cầu các nội dung không phù hợp với trẻ em nếu muốn được đăng tải trên nền tảng trực tuyến phải có kèm theo mô tả, cảnh báo rõ ràng để người xem có thể dễ dàng nhận biết.

Ngoài ra, pháp luật Việt Nam cần tập trung hơn vào vấn đề xác minh độ tuổi trên các nền tảng mạng xã hội, nền tảng trực tuyến; cần phải có các quy định cụ thể hơn về các công cụ, cơ chế yêu cầu xác minh độ tuổi người dùng. Hiện nay, các trang web, các nền tảng mạng xã hội hầu hết đều có yêu cầu người dùng xác minh độ tuổi; tuy nhiên các yêu cầu này chỉ mang tính hình thức, trẻ em có thể dễ dàng thực hiện mặc dù chưa đủ tuổi yêu cầu. Các quy định pháp luật hiện nay chỉ cấm hành vi cung cấp thông tin, nội dung không phù hợp với trẻ em, chứ không có quy định cụ thể cần phải xác minh độ tuổi của trẻ em thế nào, dẫn đến các nền tảng trên không gian mạng chỉ yêu cầu khai báo tuổi mà lại không có cơ chế kiểm tra. Vì vậy, pháp luật nên siết chặt trách nhiệm quản lý độ tuổi người dùng của các nhà cung cấp dịch vụ mạng; giúp bảo vệ trẻ em khỏi các nội dung độc hại hiệu quả hơn, đồng thời giúp các nền tảng trực tuyến có cơ sở pháp lý rõ ràng hơn để tuân thủ. Tuy nhiên, các quy định pháp luật cũng cần lưu ý cân bằng giữa yêu cầu xác minh độ tuổi người dùng

với xâm phạm quyền riêng tư của trẻ em bởi việc đặt ra các quy định yêu cầu xác minh độ tuổi chặt chẽ hơn có thể buộc trẻ em, cha mẹ, người chăm sóc, người giám hộ trẻ em phải cung cấp các thông tin cá nhân, từ đó dẫn đến mất an toàn bảo mật thông tin bí mật đời tư của trẻ.

Với quy định pháp luật yêu cầu chế tài xử lý hành vi vi phạm bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em trên không gian mạng đối với các nhà cung cấp dịch vụ mạng, pháp luật Việt Nam có thể quy định mức xử phạt dựa trên doanh thu của các chủ thể này. Hiện nay, pháp luật Việt Nam quy định tại khoản 2 Điều 288 Bộ luật Hình sự năm 2015 mức phạt cao nhất là 1.000.000.000 đồng đối với tội đưa hoặc sử dụng trái phép thông tin mạng máy tính, mạng viễn thông. Với các hành vi vi phạm quy định về cấm công bố, tiết lộ thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá

nhân của trẻ em, quy định tại Nghị định số 130/2021/NĐ-CP đặt ra mức xử phạt cao nhất là 30.000.000 đồng; hành vi vi phạm quy định về cung cấp các sản phẩm, dịch vụ văn hóa, thông tin, truyền thông có nội dung ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh của trẻ em có mức xử phạt cao nhất là 50.000.000 đồng.

Có thể thấy, mức xử phạt cố định này là khá thấp so với lợi nhuận khổng lồ mà các nền tảng công nghệ lớn có thể thu được; dẫn đến việc các cơ quan, tổ chức quản lý nền tảng trực tuyến có thể chấp nhận nộp phạt để thu được lợi nhuận, bởi phần nộp phạt là không đáng kể. Vì vậy, Việt Nam có thể tham khảo chính sách của GDPR và PIPL, việc đặt ra quy định mức xử phạt dựa trên phần trăm doanh thu có thể tạo sức răn đe, tạo động lực cho các nhà cung cấp dịch vụ mạng tuân thủ nghiêm ngặt hơn các quy định bảo vệ trẻ

em trên không gian mạng, bảo đảm mức phạt tương xứng với quy mô của doanh nghiệp vi phạm, đồng thời cũng tạo thêm nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

## Kết luận

Bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em là một vấn đề mang tính cấp thiết, đòi hỏi sự quan tâm đặc biệt trong bối cảnh công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ như hiện nay. Trong khuôn khổ bài viết, nhóm tác giả đã tập trung phân tích và làm rõ trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ mạng trong việc bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em. Thông qua nghiên cứu so sánh quy định pháp luật của các quốc gia về vấn đề này, bài viết chỉ ra những bài học kinh nghiệm có thể áp dụng cho Việt Nam ■

**Đ.L.K.C-P.K.V-T.T.S.H**

## Tài liệu tham khảo

1. European Union, *General Data Protection Regulations*.
2. European Union (2016), *Regulation (EU) 2016/679 of the European Parliament and of the Council of 27 April 2016 on the protection of natural persons with regard to the processing of personal data and on the free movement of such data, and repealing Directive 95/46/EC (General Data Protection Regulation)*.
3. People's Republic of China, *Cybersecurity Law*.
4. People's Republic of China, *Data Security Law*.
5. People's Republic of China, *Personal Information Protection Law*.
6. People's Republic of China, *Provisions on the Protection of Children's Personal Information Online*.
7. People's Republic of China, *Regulations on the Protection of Minors Online*.
8. The United States of America, *Children's Internet Protection Act*.
9. The United States of America, *Code of Federal Regulations, Part 312: Children's Online Privacy Protection Rule*.
10. The United States of America, *Kids Online Safety Act*.
11. The United States of America, *Prosecutorial Remedies and Other Tools to End the Exploitation of Children Today Act of 2003 (PROTECT Act)*.
12. European Union (2021), *Library of Congress, Children's Online Privacy and Data Protection in Selected European Countries*.
13. Information Commissioner's Office (2018), *Children and the GDPR*, <https://ico.org.uk/media/for-organisations/guide-to-the-general-data-protection-regulation-gdpr/children-and-the-gdpr-1-0.pdf>, ngày 22/3/2018.
14. Information Commissioner Office (2020), *Age appropriate design: a code of practice for online services*, <https://ico.org.uk/media/for-organisations/guide-to-data-protection/key-data-protection-themes/age-appropriate-design-a-code-of-practice-for-online-services-2-1.pdf>, ngày 02/9/2020.
15. Rogier Creemers (2022), *China's emerging data protection framework*, *Journal of Cybersecurity*, Volume 8.
16. National People's Congress. *Zhonghua renmin gongheguo wangluo anquan fa [Cybersecurity Law of the People's Republic of China]*. 2016. [http://www.cac.gov.cn/2016-11/07/c\\_1119867116.htm](http://www.cac.gov.cn/2016-11/07/c_1119867116.htm), ngày 11/7/2022.

# HÌNH PHẠT CẢI TẠO KHÔNG GIAM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT HOÀN THIỆN

TS VŨ THỊ PHƯỢNG\*  
HÀ QUANG BÁCH, NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG\*\*

**Tóm tắt:** Xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội hướng đến tư pháp phục hồi luôn là một trong những chính sách hình sự được các quốc gia trong đó có Việt Nam quan tâm. Hình phạt cải tạo không giam giữ là một trong ba hình phạt không mang tính giam giữ và thể hiện rõ tư pháp phục hồi, hướng thiện được áp dụng đối với nhóm đối tượng đặc biệt này. Bài viết phân tích, bình luận quy định về hình phạt này đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và đề xuất hoàn thiện quy định của pháp luật về hình phạt này nhằm góp phần nâng cao hiệu quả áp dụng trong thực tiễn.

**Từ khóa:** Hình phạt, cải tạo không giam giữ, người chưa thành niên, tư pháp phục hồi.

**Abstract:** Handling people under the age of 18 committing crimes towards justice recovery is always one of the criminal policies that are concerned by countries including Vietnam. Community sentence is one of the three non-detained sentence and clearly shows the justice recovery and inclined to the good applied to this special object group. The article analyzes and comments stipulates this sentence for people under the age of 18 committing crimes in the Criminal Code 2015, amended and supplemented in 2017 and proposed to complete the provisions of the law on this sentence to contribute to improving practical efficiency.

**Keywords:** Sentence, community sentence, juvenile, judicial recovery.

## Đặt vấn đề

Chính sách xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội hướng đến tư pháp phục hồi luôn là một trong những chính sách hình sự được các quốc gia trong đó có Việt Nam quan tâm, theo đuổi. Theo đó, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015) đã xác định: “Nguyên tắc việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất của người dưới 18 tuổi và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội”<sup>1</sup>. Phù hợp với quy định này, các biện pháp xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội mang đậm nét của tư pháp phục hồi cũng được thể hiện trong Luật Tư pháp người chưa thành niên năm 2024. Một trong số các biện pháp đó là hình phạt cải tạo không giam giữ. Hình phạt này được áp dụng đối với những

người phạm tội nhưng chưa đến mức phải chịu phạt tù. Việc áp dụng hình phạt này cần xem xét các điều kiện luật định và các yếu tố bao gồm cả tính hiệu quả của việc tái hòa nhập cộng đồng, bảo vệ quyền lợi của trẻ em và sự an toàn của xã hội.

Mặc dù hình phạt cải tạo không giam giữ là một trong những hình phạt thể hiện tính nhân văn nhưng để đạt được hiệu quả khi áp dụng cần có một hệ thống pháp lý, giám sát chặt chẽ và sự tham gia của các cơ quan, tổ chức xã hội nhằm bảo đảm rằng người phạm tội dưới 18 tuổi có thể thay đổi và tái hòa nhập mà không gây nguy hại cho cộng đồng. Bài viết tập trung phân tích, bình luận những quy định liên quan đến hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người chưa thành niên phạm tội trong Bộ luật Hình sự năm 2015, qua đó đề xuất hoàn thiện quy định của pháp luật hình

sự về hình phạt này đối với người chưa thành niên phạm tội.

## Hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi và một số hạn chế, bất cập

Người dưới 18 tuổi là những đối tượng chưa có sự hoàn thiện về tâm, sinh, lý; chưa có nhận thức đúng đắn và đầy đủ về những hành vi mà mình thực hiện do đó, dù có phạm tội vẫn là những đối tượng cần được bảo vệ và hướng thiện. Thay vì chỉ đơn thuần trừng phạt, hệ thống tư pháp đối với người vị thành niên còn hướng tới việc giáo dục, giúp trẻ nhận thức được hành vi sai trái của mình và tìm cách sửa chữa, điều này thể hiện tính nhân văn sâu sắc và tính giáo dục. Trong hệ thống pháp luật Việt Nam dành quyền ưu tiên tư pháp cho nhóm người dưới 18 tuổi phạm tội với các đặc thù

\* Khoa Luật, Trường Đại học Công đoàn.

\*\* Trường Đại học Luật Hà Nội.

<sup>1</sup> Khoản 1 Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015.

riêng về nguyên tắc áp dụng, loại biện pháp áp dụng, loại hình phạt và mức hình phạt áp dụng thấp hơn người đã thành niên phạm tội. Trong đó, hình phạt cải tạo không giam giữ là một trong các hình phạt thể hiện được rõ giá trị nhân văn và tính giáo dục đối với nhóm đối tượng này với đặc thù về điều kiện áp dụng.

**Điều kiện áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội**

Tại Việt Nam, cải tạo không giam giữ được quy định là một trong các hình phạt chính và là hình phạt thuộc nhóm hình phạt không tước tự do. Tuy nhiên, để được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ thì người dưới 18 tuổi phạm tội phải đáp ứng đủ hai điều kiện:

*Thứ nhất*, về loại tội phạm mà người phạm tội đã thực hiện. Nếu như Bộ luật Hình sự giới hạn chỉ áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người đã thành niên phạm tội là tội phạm ít nghiêm trọng hoặc nghiêm trọng thì đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được mở rộng hơn. Theo đó: i) Đối với người phạm tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi, hình phạt này được áp dụng tương tự như người đã thành niên là hai loại tội phạm ít nghiêm trọng, nghiêm trọng. Ngoài ra, Bộ luật mở rộng thêm trường hợp tội phạm rất nghiêm trọng nhưng chỉ do vô ý (nếu phạm tội rất nghiêm trọng lỗi cố ý sẽ không được áp dụng hình phạt này); ii) Đối với người phạm tội từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi, phù hợp với phạm vi chịu trách nhiệm hình sự của nhóm đối tượng này, hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng nếu họ phạm tội rất nghiêm trọng (trường hợp phạm tội đặc biệt

nghiêm trọng không được áp dụng hình phạt này). Tuy nhiên, dù thỏa mãn về điều kiện loại tội phạm thực hiện thì người dưới 18 tuổi phạm tội chỉ được xem xét áp dụng hình phạt này nếu hội đồng xét xử xét thấy “không cần thiết phải cách ly người phạm tội khỏi xã hội”. Điều này được hiểu là hình phạt cải tạo không giam giữ là một trong bốn hình phạt chính áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và là một trong ba loại hình phạt được áp dụng đối với nhóm đối tượng này mà không phải cách ly người phạm tội ra khỏi đời sống xã hội như hình phạt tù có thời hạn<sup>2</sup>.

*Thứ hai*, về nơi cư trú của người phạm tội dưới 18 tuổi. Cũng tương tự như đối với người đã thành niên phạm tội, người phạm tội dưới 18 tuổi để được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ phải đang có nơi làm việc ổn định hoặc có nơi cư trú rõ ràng. Quy định này nhằm bảo đảm việc giao cho địa phương quản lý, giáo dục người bị áp dụng được thuận lợi, hiệu quả.

**Về thời hạn áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội**

Hình phạt cải tạo không giam giữ được áp dụng từ 06 tháng đến 03 năm. Tuy nhiên, để bảo đảm quyền ưu tiên tư pháp đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định nhóm đối tượng này khi bị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ thì thời hạn cải tạo không giam giữ đối với họ không được vượt quá ½ thời hạn mà điều luật quy định<sup>3</sup>. Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ được xác định là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát,



Hình minh họa.

giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án<sup>4</sup>.

**Về các điều kiện bảo đảm thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ**

Để đạt được hiệu quả và hiện thực hóa được mục đích áp dụng hình phạt này, khi tuyên án người dưới 18 tuổi phạm tội có áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, tòa án giao người bị phạt cải tạo không giam giữ cho cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập hoặc ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú để giám sát giáo dục. Đồng thời, nhằm phát huy vai trò của gia đình trong việc giáo dục con em chưa thành niên, tòa án cũng xác định trách nhiệm của gia đình người bị kết án trong việc phối hợp với các tổ chức nêu trên trong việc giám sát, giáo dục người đó<sup>5</sup>.

Ngoài ra, khác với người đã thành niên khi áp dụng hình phạt này sẽ bị khấu trừ một phần thu nhập từ 5% đến 20% để sung quỹ

<sup>2</sup> Các hình phạt chính có thể được áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội bao gồm: cảnh cáo, cải tạo không giam giữ, phạt tiền, tù có thời hạn.

<sup>3</sup> Điều 100 Bộ luật Hình sự năm 2015.

<sup>4</sup> Khoản 3 Điều 2 Nghị quyết số 02/2010/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 22/10/2010 bổ sung một số hướng dẫn của Nghị quyết số 01/2007/ NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 và Nghị quyết số 02/2007/ NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

<sup>5</sup> Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Nhà nước, việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng thì người dưới 18 tuổi phạm tội khi áp dụng hình phạt này sẽ không bị khấu trừ thu nhập<sup>6</sup>. Đây là quy định mang tính nhân văn và có tính thực tế phù hợp với sự phát triển của văn hóa, truyền thống cũng như thói quen lao động của người Việt Nam.

**Một số vướng mắc khi áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội**

Một là, về thời điểm tính thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Trên tinh thần Nghị quyết số 02/2010/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, thời điểm bắt đầu tính thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án (đó là cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập hoặc ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú để giám sát giáo dục). Tuy nhiên, thực tế có những trường hợp người bị kết án khi được các cơ quan, tổ chức này triệu tập lần đầu vì lý do khách quan nên họ không thể có mặt tại trụ sở ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ cư trú để làm cam kết việc chấp hành án. Do vậy, việc thi hành quyết định thi hành án phạt cải tạo không giam giữ đối với người bị kết án chưa được thực hiện, nên việc tính thời điểm chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ kể từ ngày cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc, học tập hoặc ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú để giám sát giáo dục nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án là chưa phù hợp.

Hai là, về trường hợp áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Về cách tính thời hạn cải tạo

không giam giữ cho người phạm tội trong trường hợp người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng hoặc người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý nếu điều luật, các khoản của điều luật áp dụng không quy định hình phạt cải tạo không giam giữ chưa có hướng dẫn áp dụng. Do đó, các cơ quan tiến hành tố tụng có thể áp dụng nhiều tiêu chí khác nhau để xác định thời hạn cải tạo không giam giữ, dẫn đến tình trạng thiếu tính nhất quán trong việc áp dụng pháp luật. Ngoài ra, việc không có những hướng dẫn hay quy định cụ thể rõ ràng khiến cho người bị kết án và gia đình của họ không nắm bắt được quyền và nghĩa vụ của mình, tạo ra tâm lý hoang mang, lo lắng và gây nhiều khó khăn cho công tác thực hiện, giám sát và quản lý người phạm tội.

Ba là, về đánh giá điều kiện “xét thấy không cần thiết phải cách ly họ khỏi đời sống xã hội” trong áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Đối với điều kiện này, hiện nay chưa có văn bản hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, dẫn đến sự tùy nghi trong nhận thức và áp dụng của tòa án khi xét xử cũng như có khả năng dẫn tới kéo dài thời gian đưa ra phán quyết cho người phạm tội. Điều này đòi hỏi tòa án khi đưa ra phán quyết phải có sự phân tích, đánh giá một cách toàn diện và khách quan những tình tiết diễn biến trong vụ án có ảnh hưởng đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội. Đặc điểm nhân thân của người phạm tội cũng là một trong những yếu tố quan trọng quyết định khả năng tự cải tạo, tiếp nhận giáo dục thay đổi tư duy nhận thức của họ. Đồng thời, tòa án cũng phải xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác theo quy định tại Bộ luật Hình sự.

**Một số đề xuất hoàn thiện pháp luật hình sự về hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi**

Thứ nhất, cần ban hành văn bản hướng dẫn về thời điểm chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ để thay thế Nghị quyết số 02/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010, theo đó quy định thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ là ngày người bị kết án chấp hành án là rất cần thiết. Điều này nhằm bảo đảm tính thống nhất trong áp dụng pháp luật hình sự, tránh tình trạng mỗi cơ quan, tổ chức có thể hiểu và áp dụng quy định khác nhau. Một văn bản hướng dẫn chi tiết sẽ cung cấp cơ sở pháp lý rõ ràng, vững chắc cho các cơ quan, tổ chức tiến hành tố tụng và thực hiện việc giám sát, giáo dục người bị phạt cải tạo không giam giữ. Bên cạnh đó, nó giúp rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục liên quan, bảo đảm người bị phạt được đưa vào chương trình cải tạo kịp thời. Qua đó nâng cao hiệu quả của công tác thi hành án, đồng thời bảo vệ quyền lợi của người bị kết án, giúp giảm thiểu rủi ro, tình trạng oan sai xảy ra trong quá trình tính toán thời hạn chấp hành án. Khi có các quy định rõ ràng sẽ giúp tăng tính minh bạch trong quá trình thi hành án, tạo điều kiện cho người bị phạt và gia đình theo dõi quá trình chấp hành án. Với sự phát triển nhanh chóng, liên tục của xã hội, các điều kiện áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng có nhiều thay đổi, một văn bản hướng dẫn chi tiết sẽ giúp cập nhật những thay đổi mới đáp ứng yêu cầu của thực tiễn xã hội.

Thứ hai, cần ban hành văn bản hướng dẫn cách áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người phạm tội từ đủ 14 tuổi đến

<sup>6</sup> Xem thêm Điều 36, khoản 2 Điều 100 Bộ luật Hình sự năm 2015.

dưới 16 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng hoặc người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do vô ý trong trường hợp điều luật, các khoản của điều luật áp dụng không quy định hình phạt cải tạo không giam giữ nhằm bảo đảm thống nhất trong quá trình áp dụng pháp luật cũng như tạo cơ hội, điều kiện cho đối tượng này được sửa chữa sai lầm. Bởi đây là một đối tượng đặc biệt khi bản thân đối tượng chưa có những nhận thức đúng đắn và đầy đủ về hành vi của mình nhưng lại đóng vai trò quan trọng cho sự phát triển của quốc gia trong tương lai, là nhóm đối tượng cần có sự quan tâm sát sao trong quá trình trưởng thành và phát triển.

*Thứ ba*, cụ thể hóa điều kiện “có nhân thân tốt” thay thế cho điều kiện “xét thấy không cần thiết cách ly người phạm tội khỏi xã hội” để bảo đảm việc hiểu và áp dụng pháp luật thống nhất, bảo đảm quyền lợi tốt nhất cho đối tượng là người dưới 18 tuổi.

*Thứ tư*, bổ sung thêm hình thức cải tạo không giam giữ khác như khóa học cải thiện hành vi, tương tự như ở Hà Lan. Tại Hà Lan, trường hợp khi án phạt tù là quá nặng, nhưng án treo là quá nhẹ đối với người chưa thành niên phạm tội thì tòa án có thể áp dụng Lệnh cải thiện hành vi (*gedragsbeïnvloedende maatregel*, gọi tắt là GBM). GBM bao gồm một hoặc nhiều khóa huấn luyện hoặc điều trị, ví dụ như đào tạo kiểm soát cơn giận hoặc khóa học cai nghiện ma túy và rượu. Cơ quan quản chế vị thành niên sẽ theo dõi tiến trình thực hiện GBM của người phạm tội<sup>7</sup>. Để phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội đặc thù của Việt Nam, có thể giao việc tổ chức và thi hành khóa học cải thiện hành vi này cho các trung tâm giáo dục

thường xuyên trên địa bàn các quận, huyện trên cả nước. Cơ quan công an tại địa phương sẽ đóng vai trò giám sát việc tuân thủ khóa học này của người phạm tội vị thành niên, đồng thời có chế tài bắt buộc nếu không tuân thủ.

*Thứ năm*, bổ sung thêm quy định về giám sát tại nhà đối với quá trình thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ như mô hình “Chương trình giám sát tại nhà”. Theo đó, những tội phạm vị thành niên tham gia chương trình được giám sát bằng thiết bị GPS (hệ thống định vị toàn cầu) được cài đặt trong nhà và một thiết bị phát tín hiệu điện tử gắn vào người họ. Thông qua thiết bị này, cơ quan có thẩm quyền có thể giám sát được việc di chuyển của người phạm tội, đồng thời có những chế tài phù hợp nếu người phạm tội tới những nơi bị hạn chế như quán bar, vũ trường, tiệm internet công

cộng. Thiết bị GPS giúp cơ quan có thẩm quyền giám sát được thời gian thực của người phạm tội, từ đó giảm tỷ lệ tái phạm mà vẫn cho phép người phạm tội tiếp tục học tập và làm việc. Tuy nhiên, phương pháp này tồn tại một số nhược điểm như kinh phí trang bị và vận hành sẽ cao.

Tóm lại, để hoàn thiện pháp luật về cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng, đồng thời tăng cường đầu tư vào các chương trình giáo dục, đào tạo và hỗ trợ tâm lý cho người phạm tội. Việc đánh giá thường xuyên hiệu quả của các chính sách và điều chỉnh kịp thời là vô cùng quan trọng để bảo đảm rằng hệ thống pháp luật luôn phù hợp với thực tiễn và đáp ứng được yêu cầu của xã hội ■

V.T.P-H.V.B-N.T.K.T

### Tài liệu tham khảo

1. Lê Văn Cẩm, *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (phần chung)*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005.
2. Đinh Văn Quế, *Bình luận Bộ luật Hình sự năm 2015 - Phần thứ nhất: Những quy định chung*, Nxb Thông tin và truyền thông, Hà Nội, 2017.
3. Nguyễn Trí Tuệ, Đỗ Đức Hồng Hà, *Chỉ dẫn tra cứu, áp dụng Bộ luật Hình sự năm 2015*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội, 2018.
4. Trương Quang Vinh, *Chính sách hình sự áp dụng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội được quy định trong Bộ luật Hình sự năm 2015*, Tạp chí Luật học, số 4.2016.
5. Nguyễn Gia Viễn, *Áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với người dưới 18 tuổi phạm tội và đề xuất, kiến nghị*, Tạp chí Kiểm sát, số 18/2018, tr. 53-57.
6. Nguyễn Thị Yến, *Bàn về hình phạt cải tạo không giam giữ theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015*, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 4/2023, tr. 26-34.
7. Kinderbescherming, *Maatregelen en straffen voor jongeren (Tạm dịch Hội đồng bảo vệ trẻ em (2024), Các biện pháp và hình phạt đối với thanh thiếu niên)*, tại <https://www.kinderbescherming.nl/voor-kind-en-ouder/jongere-aangehouden/straffen-voor-jongeren#:~:text=Wat%20is%20een%20gedragsbe%C3%AFnvloedende%20maatregel,dragen%20aan%20zijn%20verdere%20ontwikkeling>

<sup>7</sup> Kinderbescherming (2024), *Maatregelen en straffen voor jongeren (Tạm dịch Hội đồng bảo vệ trẻ em (2024), Các biện pháp và hình phạt đối với thanh thiếu niên)*, <https://www.kinderbescherming.nl/voor-kind-en-ouder/jongere-aangehouden/straffen-voor-jongeren#:~:text=Wat%20is%20een%20gedragsbe%C3%AFnvloedende%20maatregel,dragen%20aan%20zijn%20verdere%20ontwikkeling>, ngày 22/01/2025.

# THỜI HIỆU TRUY CỨU TRÁCH NHIỆM HÌNH SỰ ĐỐI VỚI NGƯỜI DƯỚI 18 TUỔI PHẠM TỘI THEO PHÁP LUẬT HÌNH SỰ MỘT SỐ NƯỚC VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

ĐINH THỊ NHUNG, NGUYỄN HẢI YẾN, HOÀNG THANH HUYỀN\*

**Tóm tắt:** Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là chế định quan trọng, mang ý nghĩa nhân đạo sâu sắc trong pháp luật hình sự Việt Nam. Tuy nhiên, trong quá trình xét xử những vụ án hình sự liên quan đến người dưới 18 tuổi phạm tội vẫn còn tồn tại một số bất cập, hạn chế do pháp luật hiện hành chưa có quy định riêng về chế định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với đối tượng này. Trong phạm vi bài viết, nhóm tác giả tập trung so sánh các quy định về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong pháp luật hình sự Liên bang Nga và Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, từ đó đề xuất, kiến nghị hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam.

**Từ khóa:** Truy cứu trách nhiệm hình sự, người dưới 18 tuổi, pháp luật hình sự.

**Abstract:** The time limit for criminal prosecution is an important institution, with deep humanitarian significance in Vietnam's criminal law. However, during the trial of criminal cases related to people under the age of 18 committing crimes, there are still some shortcomings and limitations due to current laws that have no separate regulations on the institution of the time limit for criminal prosecution for this object. In the article, the authors focus on comparing regulations on the time limit for criminal prosecution for people under the age of 18 committing crimes in the criminal law of the Russian Federation and the People's Republic of China, from that proposes and recommendations to complete the criminal law of Vietnam.

**Keywords:** Criminal prosecution, people under the age of 18 committing crimes, criminal law.

## Một số khái niệm

### Người dưới 18 tuổi phạm tội

Theo pháp luật quốc tế, người dưới 18 tuổi là người chưa thành niên hoặc trẻ em - những người chưa phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần, chưa có khả năng nhận thức đầy đủ, kiểm soát chính xác suy nghĩ, hành vi của mình<sup>1</sup>. Bộ luật Hình sự năm 2015 của Việt Nam đã có sự thay đổi so với Bộ luật Hình sự năm 1999 khi đã sử dụng thuật ngữ “người dưới 18 tuổi” thay cho “người chưa thành niên”. Tuy nhiên hiện nay vẫn chưa có khái niệm pháp lý về người dưới 18 tuổi phạm tội, vì vậy, nhóm tác

giả đưa ra định nghĩa như sau: *Người dưới 18 tuổi phạm tội là người tại thời điểm phạm tội có độ tuổi từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi có năng lực trách nhiệm hình sự mà thực hiện hành vi gây nguy hiểm cho xã hội được quy định tại Điều 12 Bộ luật Hình sự.*

### Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự

Trong luật hình sự nước ta, chế định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự lần đầu tiên được thể chế hóa trong Bộ luật Hình sự năm 1985 và tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện tại khoản 1 Điều 23 Bộ luật Hình sự năm 1999 và khoản 1 Điều 27 Bộ luật Hình sự

năm 2015: “Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là thời hạn do Bộ luật này quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự”<sup>2</sup>. Nhìn chung, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là thời hạn do pháp luật quy định mà khi kết thúc thời hạn đó người phạm tội sẽ không bị truy cứu trách nhiệm hình sự nữa. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự còn được hiểu là khoảng thời gian theo pháp luật quy định xác định hiệu lực pháp lý của các quyết định pháp luật được ban hành đúng thời hiệu.

\* Bài viết dựa trên kết quả nghiên cứu của nhóm tác giả trường Đại học Luật Hà Nội do TS Ngô Ngọc Diễm hướng dẫn.

<sup>1</sup> Liên hợp quốc, Công ước về quyền trẻ em năm 1989 (Điều 1); Liên hợp quốc, Các Quy tắc về bảo vệ người chưa thành niên bị tước quyền tự do năm 1990 (Quy tắc 11(a)).

<sup>2</sup> Xem tại khoản 1 Điều 27 Bộ luật Hình sự năm 2015.

### Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo Bộ luật Hình sự năm 2015

Bộ luật Hình sự năm 2015 đã dành Chương XII (Điều 90-108) quy định về hình phạt đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Mặc dù vậy vẫn chưa có chế định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội. Do đó, có thể hiểu việc áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội cũng giống như đối với người thành niên tại Điều 27 Bộ luật này. Cụ thể sẽ được hiểu như sau:

(i) Về khái niệm: Theo khoản 1 Điều 27 Bộ luật Hình sự năm 2015, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là thời hạn do Bộ luật này quy định mà khi hết thời hạn đó thì người phạm tội không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Như vậy, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là quy định nhằm giới hạn thời gian mà Nhà nước có thể truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội, bảo đảm tính nhân đạo và công bằng pháp luật. Quy định này xuất phát từ quan niệm cho rằng, vì những nguyên nhân, mục đích, động cơ nào đó mà một người đã thực hiện hành vi phạm tội trong khoảng thời gian nhất định và sau khi đã phạm tội, không phạm tội mới, đã ăn năn, hối cải, thậm chí trở thành người tốt, có ích trong xã hội.

(ii) Về tiêu chuẩn xác định thời hạn của thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, khoản 2 Điều 27 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định 04 mức thời hạn truy cứu trách nhiệm hình sự tương ứng với



Hình minh họa.

04 loại tội phạm tại khoản 1 Điều 9<sup>3</sup> gồm tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Các mức thời hạn truy cứu trách nhiệm hình sự dài ngắn khác nhau được quy định căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của từng loại tội phạm.

(iii) Về cách tính thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự: “Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được tính từ ngày tội phạm được thực hiện”<sup>4</sup>. Cách tính thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được bắt đầu từ ngày tội phạm được thực hiện, với điều kiện người phạm tội không thực hiện hành vi phạm tội mới (với khung hình phạt trên 01 năm tù); không cố ý

trốn tránh và không có quyết định truy nã. Trong trường hợp cố ý trốn tránh, thời hiệu sẽ được tính lại từ khi bị bắt giữ hoặc ra đầu thú. Quy định này nhấn mạnh tính công bằng và tiến bộ, bảo đảm phù hợp với mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội. Tuy nhiên, cách tính thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đang còn rất chung và khái quát, để hiểu rõ và áp dụng đúng thuật ngữ này cần phải đặt trong từng loại tội và trường hợp cụ thể: giai đoạn chuẩn bị phạm tội, tội phạm chưa đạt<sup>5</sup>, tội phạm hoàn thành<sup>6</sup>, tội kéo dài, tội liên tục, phạm nhiều tội<sup>7</sup> và phạm tội nhiều lần<sup>8</sup>.

Chế định thời hiệu truy cứu Bộ luật Hình sự năm 2015 không đương nhiên áp dụng đối với tất

<sup>3</sup> Xem chi tiết tại khoản 1 Điều 9 Bộ luật Hình sự năm 2015.

<sup>4</sup> Xem chi tiết tại khoản 3 Điều 27 Bộ luật Hình sự năm 2015.

<sup>5</sup> Xem chi tiết tại Điều 15 Bộ luật Hình sự năm 2015.

<sup>6</sup> Tội phạm hoàn thành là khi hành vi phạm tội đã thỏa mãn hết các dấu hiệu pháp lý của cấu thành tội phạm.

<sup>7</sup> Phạm tội nhiều lần là trường hợp phạm một tội nhưng từ hai lần phạm tội đó trở lên mà mỗi lần phạm tội có đầy đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

<sup>8</sup> Phạm nhiều tội là trường hợp phạm từ hai tội khác nhau trở lên trong cùng một thời gian hoặc khác thời gian, mỗi lần phạm tội có đầy đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

cả các tội phạm. Những trường hợp không áp dụng đã được Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định dưới dạng liệt kê tại Điều 28. Đó là: các tội xâm phạm an ninh quốc gia tại Chương XIII; các tội chống phá hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh tại Chương XXVI; tham ô tài sản tại khoản 3, 4 Điều 353 và tội nhận hối lộ tại khoản 3, 4 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015. Việc quy định không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm đặc biệt nguy hiểm nêu trên thể hiện chính sách hình sự kiên quyết, không khoan nhượng của Nhà nước ta trong việc bảo vệ Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; bảo vệ hòa bình, chống chiến tranh xâm lược và phòng chống tội phạm tham nhũng<sup>9</sup>.

Tóm lại, chế định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong Bộ luật Hình sự năm 2015 được áp dụng tương tự như đối với người thành niên. Do đó, nhằm bảo đảm sự công bằng, nhân đạo và phù hợp với đặc điểm người dưới 18 tuổi phạm tội, cần có chế định riêng cụ thể dành cho nhóm đối tượng này.

### **Nghiên cứu so sánh với một số quốc gia trên thế giới**

#### *Bộ luật Hình sự Liên bang Nga*

Về cơ bản, Bộ luật Hình sự Liên bang Nga năm 1996 (sửa đổi bổ sung năm 2022)<sup>10</sup> có những

điểm tương đồng với Bộ luật Hình sự năm 2015 của Việt Nam khi đã dành một chương riêng biệt để xử lý người chưa thành niên (từ đủ 14 tuổi đến dưới 18 tuổi) phạm tội tại Chương XIV ngoài những quy định chung. Tuy nhiên, pháp luật hình sự Nga có điểm tiến bộ so với Việt Nam cũng như nhiều nước trên thế giới khi quy định chế định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự riêng đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tại Điều 94: “Thời hiệu đã được quy định tại các Điều 78 và Điều 83<sup>11</sup> Bộ luật này, khi miễn trách nhiệm hình sự hoặc miễn chấp hành hình phạt cho người chưa thành niên phạm tội sẽ được giảm đi một nửa”. Như vậy, khi người chưa thành niên phạm tội sẽ được áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự như sau: 01 năm đối với tội phạm ít nghiêm trọng; 03 năm đối với tội phạm nghiêm trọng; 05 năm đối với tội phạm rất nghiêm trọng và 07 năm 06 tháng đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Có thể thấy, thời hạn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội trong Bộ luật Hình sự Liên bang Nga và Bộ luật Hình sự của Việt Nam có khoảng cách rất lớn. Pháp luật hình sự của Nga đã rất tiến bộ, nhân đạo khi rút ngắn thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội nhằm cụ thể hóa theo chuẩn mực về đường lối xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội có sự phân biệt đối với người đã thành

niên, góp phần bảo đảm người chưa thành niên có điều kiện giáo dục, cải tạo, mau chóng tái hòa nhập cộng đồng.

#### *Bộ luật Hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa*

Cũng giống như Việt Nam, Bộ luật Hình sự Cộng hòa nhân dân Trung Hoa 1979<sup>12</sup>, sửa đổi bổ sung năm 2021 (Bộ luật Hình sự Trung Quốc) chưa có quy định riêng về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi. Vì vậy, chế định này không có sự phân biệt giữa người dưới 18 tuổi và người trên 18 tuổi mà vẫn áp dụng chung cho 2 nhóm đối tượng trên. Bên cạnh những điểm tương đồng với Bộ luật Hình sự Việt Nam như: cách hiểu về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, tiêu chuẩn xác định dựa vào tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội và một số cách tính thời hiệu thì Bộ luật Hình sự Trung Quốc có một số điểm khác biệt như:

(i) Về thời điểm tính thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự, các nhà luật học Trung Quốc có lý luận cụ thể hơn về tiêu chuẩn thiết lập tội phạm, từ đó có cách xác định khác về thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự trong các trường hợp cụ thể, nếu ngày thiết lập tội phạm là ngày phát sinh hậu quả của tội phạm, thì thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả tính từ ngày hậu quả của tội phạm phát sinh<sup>13</sup>. Quy định như vậy là bởi trên thực tế, ngoài những trường hợp phạm tội

<sup>9</sup> TS Nguyễn Đức Mai (Chủ biên), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, tr. 70.

<sup>10</sup> Xem chi tiết tại: “УГОЛОВНЫЙ КОДЕКС РОССИЙСКОЙ ФЕДЕРАЦИИ”, [https://www.consultant.ru/document/cons\\_doc\\_LAW\\_10699/](https://www.consultant.ru/document/cons_doc_LAW_10699/), ngày 02/01/2025.

<sup>11</sup> УК РФ Статья 83. Освобождение от отбывания наказания в связи с истечением сроков давности обвинительного приговора суда “ 1.Лицо, осужденное за совершение преступления, освобождается от отбывания наказания, если обвинительный приговор суда не был приведен в исполнение в следующие сроки со дня вступления его в законную силу: а) два года при осуждении за преступление небольшой тяжести;б) шесть лет при осуждении за преступление средней тяжести;в) десять лет при осуждении за тяжкое преступление;г) пятнадцать лет при осуждении за особо тяжкое преступление.

<sup>12</sup> Chinese Law Translate (2021), Community - supported, Crowd sourced Translation and commentary, <https://www.chinalawtranslate.com/en/criminal-law-2021/>, ngày 10/01/2025.

<sup>13</sup> Giáo sư Tạ Vọng Nguyễn (Chủ biên) (2012), *Giáo trình Hình pháp học (tái bản lần thứ 3)*, Nxb.Đại học Bắc Kinh, tr.269

thông thường, còn một số loại tội phạm mà ngay thực hiện hành vi phạm tội nhưng chưa xác định được khi nào thì hậu quả của hành vi xảy ra với mức độ cụ thể.

(ii) Quy định về một trong các trường hợp không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Khi người bị hại có đơn yêu cầu khởi tố vụ án, tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan công an cần phải lập hồ sơ án để điều tra lại, nếu không lập hồ sơ thì không hạn chế thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Điều này mang tính mở rộng và linh hoạt hơn so với quy định tại Điều 28 Bộ luật Hình sự năm 2015, đồng thời nhằm mục đích đấu tranh phòng chống tội phạm một cách triệt để đối với những người phạm tội trốn tránh, điều tra xét xử cũng như bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị hại, đặc biệt là trong các trường hợp mà họ bị tổn thương về mặt tinh thần hoặc thể chất và không để cơ quan chức năng vô tình hoặc cố ý bỏ qua việc điều tra tội phạm chỉ vì sự chậm trễ hoặc thiếu sót trong công tác điều tra, xét xử tội phạm.

(iii) Bộ luật Hình sự Trung Quốc quy định: Đối với người phạm tội theo quy định của pháp luật có hình phạt cao nhất đối với tội đó là tù chung thân hoặc tử hình, nếu sau 20 năm mà thấy vẫn cần phải truy cứu trách nhiệm hình sự thì phải được Viện kiểm sát nhân dân tối cao phê chuẩn. Đây là trường hợp ngoại lệ mặc dù đã hết thời hiệu nhưng không loại bỏ khả năng truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội nếu xét thấy cần thiết nhằm bảo đảm tính cần trọng, khách quan, minh bạch. Từ đó mở rộng thẩm quyền của Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong việc linh hoạt phê chuẩn đối với các trường hợp xét thấy còn có khả năng gây nguy hiểm cho xã hội.



*Hình minh họa.*

## Một số vấn đề cần đặt ra

Thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội, cũng như theo tinh thần của Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em (1989) và Quy tắc Bắc Kinh (1985), thông qua việc nghiên cứu Bộ luật Hình sự Liên bang Nga và Trung Quốc, nhóm tác giả đề xuất một số kiến nghị để hoàn thiện chế định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội tại Bộ luật Hình sự năm 2015:

*Thứ nhất*, nên bổ sung chế định thời hiệu truy cứu đối với người dưới 18 tuổi phạm tội thành một điều luật riêng tại Chương XII. Bởi người dưới 18 tuổi phạm tội là nhóm đối tượng đặc biệt, cần phải

xét đến các yếu tố tâm sinh lý, nhân thân, tính chất nguy hiểm cho xã hội tại thời điểm đưa ra xét xử... Mặt khác, chế định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự cũng góp phần tạo điều kiện cho họ có cơ hội sửa sai, tu dưỡng, làm lại cuộc đời và trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Có thể thấy, việc quy định thời hạn của thời hiệu truy cứu TNHS đối với người dưới 18 tuổi phạm tội có ý nghĩa pháp lý - thực tiễn rất quan trọng. Bộ luật Hình sự Việt Nam nên tiếp thu điểm tiến bộ của Bộ luật Hình sự Liên bang Nga bằng việc bổ sung vào chế định thời hiệu trách nhiệm hình sự như sau: “Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội bằng ½ mức thời hiệu

quy định tại khoản 2 Điều 27". Cụ thể: 02 năm 06 tháng đối với tội phạm ít nghiêm trọng; 05 năm đối với tội phạm nghiêm trọng; 07 năm 06 tháng đối với tội phạm rất nghiêm trọng và 10 năm đối với tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

*Thứ hai*, hiện nay Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự được tính từ thời điểm thực tế xảy ra hành vi phạm tội, tuy nhiên đối với các tội phạm có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, hậu quả của hành vi có thể kéo dài hoặc phát hiện muộn thì việc quy định thời hiệu tính từ ngày hậu quả xảy ra bảo đảm tính công bằng trong việc xét xử các vụ án. Mặc dù chính sách đối với người dưới 18 tuổi phạm tội luôn hướng đến tính nhân đạo nhưng vẫn phải đủ rắn đe, nghiêm khắc để giáo dục, cảnh cáo những người dưới 18 tuổi và bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người bị hại. Do đó, nhóm tác giả kiến nghị pháp luật quy định cụ thể về cách tính thời hiệu trong một số trường hợp mà hậu quả của hành vi phạm tội xảy ra sau thời điểm hành vi được thực hiện thì thời hiệu được tính từ lúc hậu quả của hành vi xảy ra. Vì vậy, Nhà nước cần ban hành văn bản

pháp luật hướng dẫn cụ thể về cách tính thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự để tạo nên sự thống nhất, đồng bộ giúp quá trình áp dụng pháp luật thuận lợi hơn, tránh sự lúng túng và khó khăn trong khi điều tra và xét xử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

*Thứ ba*, quy định không áp dụng thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền không tiến hành điều tra lại dù người bị hại đã có yêu cầu khởi tố, cho phép các cơ quan tiến hành tố tụng như tòa án, viện kiểm sát và cơ quan điều tra quyết định trong việc xử lý yêu cầu của người bị hại. Xét theo pháp luật hình sự Việt Nam, việc thiếu một quy định tương tự có thể dẫn đến tình trạng cơ quan chức năng chậm trễ hoặc bỏ sót nhiệm vụ, gây thiệt hại nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại, đặc biệt trong các vụ án liên quan đến tổn hại tinh thần hoặc thể chất. Vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung quy định này trong Bộ luật Hình sự không chỉ bảo đảm tính công bằng mà còn nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật.

*Thứ tư*, trong trường hợp người dưới 18 tuổi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng với mức hình phạt cao nhất là tù chung thân hoặc tử hình và sau khi hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự mà các cơ quan có thẩm quyền xét thấy vẫn cần truy cứu trách nhiệm hình sự thì đề nghị Viện kiểm sát nhân dân tối cao phê chuẩn. Quy định này thể hiện sự nghiêm minh và thận trọng trong xử lý tội phạm, đồng thời bảo đảm sự kiểm soát chặt chẽ từ cơ quan tư pháp tối cao để tránh lạm dụng quyền lực và bảo đảm tính công bằng. Chúng ta có thể học hỏi kinh nghiệm này để hoàn thiện pháp luật hình sự, đặc biệt trong bối cảnh các tội phạm nghiêm trọng như xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự xã hội ngày càng phức tạp. Việc áp dụng cơ chế phê chuẩn từ Viện kiểm sát nhân dân tối cao sẽ giúp tăng cường tính minh bạch và nghiêm minh, giúp xử lý các trường hợp này một cách khách quan, nhân đạo, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người chưa thành niên và phù hợp với tinh thần Công ước quốc tế về Quyền trẻ em mà Việt Nam là thành viên ■

**D.T.N-N.H.Y-H.T.H**

### Tài liệu tham khảo

1. Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1985, sửa đổi bổ sung năm 1989, 1991, 1992, 1997.
2. Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2008.
3. Bộ luật Hình sự Việt Nam năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.
4. Bộ luật Hình sự Liên bang Nga năm 1996, sửa đổi bổ sung năm 2022.
5. Bộ luật Hình sự Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa năm 1979, sửa đổi bổ sung năm 2021.
6. Giáo sư Tạ Vọng Nguyên (Chủ biên), *Giáo trình Hình pháp học* (tái bản lần thứ 3), Nxb Đại học Bắc Kinh, 2012.
7. Liên hợp quốc: Công ước về quyền trẻ em năm 1989; Các Quy tắc về bảo vệ người chưa thành niên bị tước quyền tự do năm 1990.
8. Quy tắc Bắc Kinh năm 1985.
9. TS Nguyễn Đức Mai (Chủ biên), *Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017*, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018.

# QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ MÔI GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

PHẠM LINH TRANG\*

**Tóm tắt:** Hiện nay, mặc dù có sự thiếu hụt về nguồn cung nhà ở tại các thành phố lớn, thị trường bất động sản vẫn diễn ra vô cùng sôi động, các giao dịch mua bán nhà ở thông qua môi giới bất động sản ngày càng trở nên phổ biến. Tuy nhiên, hình thức mua bán nhà ở này vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, cần được xem xét một cách kỹ lưỡng nhằm góp phần kiểm soát về giá và tránh thất thu thuế. Bài viết phân tích những quy định pháp luật hiện hành về kinh doanh, môi giới bất động sản; những tồn tại, bất cập trong hoạt động môi giới bất động sản, qua đó đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về môi giới bất động sản.

**Từ khóa:** Bất động sản, môi giới, môi giới bất động sản.

**Abstract:** Now, although there is a shortage of housing supply in big cities, the real estate market is still extremely vibrant, with housing transactions through real estate brokers becoming more and more popular. However, this form of housing buying and selling still has many shortcomings and needs to be carefully considered to help control prices and avoid tax losses. The article analyzes current law regulations on real estate business and brokerage; shortcomings and inadequacies in real estate brokerage activities, thereby proposing some solutions to improve the law on real estate brokerage.

**Keywords:** Real estate, brokerage, real estate brokerage.

## Đặt vấn đề

Quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa nhanh chóng đã dẫn đến sự dịch chuyển các lao động trẻ từ nông thôn ra thành thị để tìm kiếm việc làm. Điều này đặt ra một bài toán khó trong việc giải quyết vấn đề nhà ở sao cho không những đáp ứng được với nhu cầu thực tiễn của người dân, mà còn bảo đảm về quyền về nhà ở của công dân đã được Hiến pháp và Luật Nhà ở quy định.

Hiện nay, nhu cầu về nhà ở đang ở mức rất cao so với nguồn cung sẵn có. Cụ thể, theo thống kê của Savills Việt Nam, từ năm 2023-2025, Hà Nội có thêm 157.000 hộ gia đình, trong khi đó nguồn cung nhà ở cùng kỳ chỉ có khoảng 59.000 căn hộ, 9.000 nhà ở thấp tầng và khoảng 18.700 căn nhà ở xã hội dự kiến mở bán, do đó thị trường bất động sản hiện nay đang thiếu hụt khoảng 70.300 căn hộ.

Có thể nói rằng, việc mua bán nhà ở tại các thành phố lớn như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh đang diễn ra rất sôi động. Mặc dù sự thiếu hụt nhà ở là một trong

những nguyên nhân dẫn đến giá nhà bị đẩy lên cao, gây khó khăn cho người có nhu cầu mua nhà ở, tuy nhiên, một phần nữa cũng là do sự tham gia của các môi giới bất động sản trong việc thực hiện các giao dịch mua bán.

Việc mua bán bất động sản nói chung, nhà ở nói riêng thông qua hình thức môi giới bất động sản đang ngày càng trở nên phổ biến do sự phân công chuyên môn hóa lao động trong xã hội, số lượng người làm nghề môi giới bất động sản nhiều hơn, dịch vụ mà họ mang lại cũng chuyên nghiệp và thuận tiện cho cả bên mua và bán...

## Quy định pháp luật về kinh doanh dịch vụ bất động sản, môi giới bất động sản

Hiện nay, việc mua bán nhà ở thông qua hình thức môi giới bất động sản đã được pháp luật quy định khá cụ thể trong một số các văn bản pháp luật như Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023, Luật Nhà ở năm 2023, đã tạo cơ sở pháp lý khá vững chắc cho loại hình này. Các quy định của Luật

Kinh doanh bất động sản về hoạt động kinh doanh bất động sản và môi giới bất động gồm một số điểm đáng lưu ý như sau:

- Về đối tượng điều chỉnh: là tổ chức, cơ quan và cá nhân kinh doanh bất động sản hoặc liên quan đến kinh doanh bất động sản tại Việt Nam.

- Luật Kinh doanh bất động sản quy định về kinh doanh dịch vụ bất động sản là một trong những hình thức kinh doanh bất động sản; môi giới bất động sản thì được coi là một loại hình của kinh doanh dịch vụ bất động sản bên cạnh việc tư vấn hay quản lý bất động sản.

- Khái niệm về môi giới bất động sản cũng được nêu rất rõ trong Luật, đó là việc làm trung gian trong mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, thuê lại, cho thuê mua bất động sản. Hiểu theo cách định nghĩa này thì việc mua bán bất động sản qua hình thức môi giới bất động sản của cá nhân hay doanh nghiệp đều phải tuân thủ đúng các quy định của Luật đối với hoạt động kinh doanh bất động sản.

\* Tòa án Quân sự Quân khu 1.

- Ngoài ra, để bảo đảm tính thống nhất, Luật Kinh doanh bất động sản cũng có quy định thêm về một số nguyên tắc đối với hoạt động kinh doanh bất động sản như: phải công khai, minh bạch, tự do thỏa thuận trên cơ sở tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên thông qua hợp đồng, không vi phạm điều cấm của Luật...

- Luật Kinh doanh bất động sản cũng đặc biệt nhấn mạnh về vấn đề giá của bất động sản trong giao dịch kinh doanh bất động sản, cụ thể là giá cả do các bên thỏa thuận và phải ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp có quy định về giá của Nhà nước thì phải thực hiện theo quy định đó; tổ chức, cá nhân kinh doanh bất động sản ghi đúng giá trị giao dịch thực tế trong hợp đồng, chịu trách nhiệm trong việc ghi giá giao dịch trong hợp đồng không đúng với giá giao dịch thực tế.

- Bên cạnh đó, Luật cũng có quy định đối với hoạt động mua bán bất động sản quy mô nhỏ tại khoản 3, 4 Điều 9, đó là: với cá nhân kinh doanh bất động sản quy mô nhỏ thì không phải thành lập doanh nghiệp kinh doanh bất động sản nhưng phải kê khai nộp thuế theo quy định của pháp luật.

- Luật còn quy định về việc tổ chức, cá nhân bán nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng không nhằm mục đích kinh doanh hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng dưới mức quy mô nhỏ thì không phải tuân thủ các quy định của Luật này nhưng phải kê khai nộp thuế theo quy định của pháp luật; trường hợp cá nhân bán, cho thuê mua nhà ở, công trình xây dựng, phần diện tích sàn xây dựng trong công trình xây dựng còn phải thực hiện công chứng, chứng thực theo quy định tại khoản 5 Điều 44 của Luật này.

### **Những tồn tại, bất cập trong hoạt động môi giới bất động sản**

Từ việc nghiên cứu các quy định pháp luật về kinh doanh bất động sản qua hình thức môi giới bất động sản đã được trình bày ở trên và quan sát đời sống thực tiễn của hoạt động kinh doanh dịch vụ bất động sản, cho thấy hiện vẫn còn một số bất cập cả về mặt pháp lý và thực tiễn sau đây.

#### ***Bất cập trong các quy định pháp luật về môi giới bất động sản***

*Một là*, các quy định của Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 mới chỉ chủ yếu tập trung vào hoạt động môi giới bất động sản là doanh nghiệp nên vẫn còn bỏ ngỏ một số vấn đề pháp lý đối với hoạt động môi giới bất động sản của cá nhân, đặc biệt là các cá nhân môi giới bất động sản mang tính tự do, tự phát.

Từ các quy định của Luật cho thấy môi giới bất động sản tự do được coi là một dạng của môi giới bất động sản nói chung, nhưng trong các quy định liên quan về kinh doanh bất động sản, môi giới bất động sản chủ yếu mới chỉ hướng đến quy định về kinh doanh, môi giới bất động sản dưới dạng dự án, còn môi giới đối với loại bất động sản là nhà ở nhỏ lẻ thuộc quyền sở hữu cá nhân, bao gồm nhà ở trên đất hoặc nhà chung cư còn thiếu quy định cụ thể làm cơ sở điều chỉnh trong các giao dịch mua bán.

Bên cạnh đó, mặc dù Luật đã có quy định về cá nhân môi giới bất động sản không phải đăng ký, nhưng phải kê khai thuế, tuy nhiên, cơ chế bảo đảm cho quy định này được thực thi một cách triệt để lại chưa được quy định cụ thể. Vì vậy, sẽ không thể phát hiện kịp thời và xử lý ngay với hành vi môi giới bất động sản không thực hiện đúng quy định pháp luật về kê khai thu nhập và nộp thuế.

*Hai là*, thực tiễn không chỉ dừng lại ở việc khó xác định và thu thuế đối với cá nhân hành nghề môi giới bất động sản mà

còn với cả việc xác định thuế thu nhập cá nhân và thuế trước bạ mà người bán bất động sản phải nộp, bởi quy định về giá mà Luật Kinh doanh bất động sản quy định hiện nay thực sự tính khả thi chưa cao, do trong thực tế đã và sẽ xảy ra những trường hợp người bán và mua bất động sản có thể thông qua môi giới hoặc trực tiếp nhưng lại ngầm thỏa thuận với nhau giá trị thực của bất động sản và giá trị đó có thể cao hơn mức giá theo quy định của Nhà nước. Trong khi đó, tại văn phòng công chứng thì căn cứ pháp lý mà công chứng viên căn cứ để soạn thảo hợp đồng mua bán bất động sản chính là khung giá quy định của Nhà nước nhằm xác định giá trị của bất động sản. Nội dung về giá của bất động sản trong hợp đồng công chứng mua bán bất động sản là cơ sở để bên bán bất động sản phải nộp thuế, còn công chứng viên rất khó để xác định được giá trị giao dịch thực tế của bất động sản là bao nhiêu, dẫn đến người bán bất động sản chỉ phải nộp mức thuế ít hơn thực tế và như vậy cũng có nghĩa tuy đã có quy định pháp luật điều chỉnh nhưng không thể thực thi được.

*Ba là*, Điều 9 Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 tuy có đề cập đến bất động sản quy mô nhỏ nhưng chưa giải thích rõ ràng, cụ thể nên còn có những cách hiểu chưa thống nhất. Trên thực tế, chúng ta vẫn đang hiểu và thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 02/2022/NĐ-CP về hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014. Tuy nhiên, với cách giải thích về bất động sản quy mô nhỏ ở Nghị định này còn chung chung, chưa cụ thể nên gặp khó khăn khi áp dụng. Thực tế tuy cùng một đơn vị diện tích như nhau, nhưng lại có sự chênh lệch khá lớn về giá trị của các bất động sản như là: bất động sản ở quận trung tâm và quận xa trung tâm trong cùng một thành phố hay là chênh lệch giá giữa bất động sản ở khu vực thành thị và nông thôn, do vậy, việc xác định thế nào là bất động sản quy mô nhỏ cho phù

hợp với từng khu vực cũng cần phải phải tính toán cụ thể hơn.

Đồng thời, trong Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 còn có thêm quy định: đối với việc kinh doanh bất động sản quy mô nhỏ thì không phải tuân thủ theo quy định về kinh doanh bất động sản của Luật này. Vì vậy, đã dẫn đến nhiều băn khoăn, điển hình là: phải chăng chúng ta nên hiểu rằng với các chủ thể thực hiện hoạt động kinh doanh bất động sản có quy mô nhỏ thì không cần phải thành lập doanh nghiệp và cũng không cần tuân thủ nguyên tắc công khai, minh bạch đã được quy định tại Điều 4 của Luật; với những trường hợp nhà ở trên đất, nhà chung cư đã thuộc quyền sở hữu cá nhân khi được bán qua hình thức môi giới thì cũng không cần minh bạch, công khai về thông tin của các loại bất động sản này?

Như vậy, cũng có thể hiểu rằng, hoạt động môi giới bất động sản hoặc người kinh doanh bất động sản có quy mô nhỏ không cần thiết phải công khai về giá của bất động sản khi thực hiện giao dịch, trong khi việc thiếu công khai về giá cả sẽ gây ra các khó khăn nhất định trong việc kiểm soát về giá của bất động sản, làm cho những người có nhu cầu thật ít có cơ hội tiếp cận, đặc biệt hơn nữa nếu họ là người lao động có mức thu nhập thấp hoặc trung bình nhưng lại chưa đủ điều kiện để được mua nhà ở xã hội.

### ***Bất cập trong thực tiễn mua bán bất động sản qua hoạt động môi giới***

Trên thực tế, giá bất động sản tăng nhanh và quá cao hiện nay cũng có thêm phần do các môi giới bất động sản thổi giá bằng nhiều hình thức và chiêu trò khác nhau như: khi giới thiệu với khách hàng họ có thể nói quá lên về thông tin bất động sản cần giao dịch để tạo niềm tin cho khách hàng; họ cũng có thể lướt sóng bất động sản bằng cách đặt cọc với chủ nhà rồi rao bán lại với giá cao, khi có khách mua thì sang tay để ăn chênh lệch, cho nên giá mà chủ nhà bán thấp hơn nhiều so với giá

mà người mua phải mua qua môi giới; hoặc cũng có thể các môi giới liên kết nhau tạo ra các giao dịch ảo làm cho người mua bị nhiễu loạn thông tin.

Hiện cũng chưa có quy định cụ thể về việc được hưởng phần trăm hoa hồng của môi giới bất động sản là bao nhiêu cho một giao dịch thành công. Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023 quy định việc này do các bên tự thỏa thuận.

### **Đề xuất một số giải pháp**

Để hoàn thiện các quy định pháp luật về môi giới bất động sản và góp phần kiểm soát về giá bất động sản, hạn chế việc thất thu thuế cho ngân sách nhà nước, tác giả đề xuất một số giải pháp dưới đây:

(1) Cần siết chặt hơn nữa việc quản lý hoạt động môi giới bất động sản, không chỉ dừng lại ở việc quy định các môi giới là cá nhân phải có chứng chỉ hành nghề và thực hiện việc kê khai thuế đầy đủ mới được hoạt động mà còn phải có cơ chế kiểm tra, giám sát chặt chẽ và chế tài phù hợp đối với hoạt động của các môi giới bất động sản là cá nhân tự do, nhằm bảo đảm phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm những trường hợp môi giới không thực hiện đúng quy định pháp luật.

(2) Nên bổ sung quy định đối với các giao dịch mua bán bất động sản, bao gồm cả những bất động sản quy mô nhỏ vẫn phải bắt buộc phải công khai thông tin trên các trang thông tin điện tử, sàn giao dịch bất động sản... Khi thực hiện việc ký hợp đồng mua bán tại văn phòng công chứng, bên bán phải xuất trình cho công chứng viên kiểm tra minh chứng

về các thông tin liên quan đến bất động sản đã được công khai ở đâu, giá trị giao dịch được thỏa thuận là bao nhiêu, như vậy mới có căn cứ để công chứng viên xác định được giá trị thực của bất động sản, từ đó có thể tính được mức thuế theo đúng giá trị của giao dịch thực tế và cũng bảo đảm tính khả thi của quy định pháp luật. Thông qua quy định này cũng sẽ giúp việc đăng thông tin về bất động sản về gần nhất với giá trị thực, tránh tình trạng bị môi giới làm nhiều loạn về giá trên thị trường như hiện nay và bên mua bất động sản cũng không bị tung hỏa mù, mất phương hướng.

(3) Để tăng hiệu quả hơn nữa trong việc kiểm soát về giá và tránh tình trạng thất thu thuế, cần phải bổ sung thêm quy định với trường hợp giao dịch thực hiện giữa cá nhân với cá nhân hoặc có sự tham gia của môi giới tự do, tự phát không có chứng chỉ hành nghề môi giới thì khi thực hiện ký hợp đồng mua bán công chứng phải có minh chứng về việc thông tin bán bất động sản bằng hình thức nào, qua trang điện tử, mạng xã hội và đặc biệt là thông tin về giá của bất động sản đó.

(4) Bên cạnh đó, cần quy định cụ thể hơn về bất động sản quy mô nhỏ để thống nhất về cách hiểu, thuận tiện hơn khi áp dụng trong thực tiễn, chẳng hạn nên căn cứ vào các tiêu chí về diện tích và giá trị của bất động sản, nhưng phải gắn với từng khu vực và có điều chỉnh theo sự thay đổi về giá của thị trường, có như vậy mới đạt được sự công bằng và đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn ■

P.L.T

### **Tài liệu tham khảo**

1. Luật Kinh doanh bất động sản năm 2014.
2. Luật Kinh doanh bất động sản năm 2023.
3. Luật Nhà ở năm 2023.
4. Nghị định số 02/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.

# NHẬN THỨC VÀ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT NHÌN TỪ THỰC TIỄN XÉT XỬ CÁC VỤ ÁN KINH TẾ, THAM NHỮNG THỜI GIAN QUA MỘT SỐ Ý KIẾN VÀ GIẢI PHÁP\*

TS.LS PHAN TRUNG HOÀI\*

## Nguyên nhân và điều kiện nảy sinh các vụ án hình sự về kinh tế, tham nhũng

Từ sau chủ trương đổi mới của Đảng từ Đại hội IV (1986), chúng ta thấy được những bước chuyển quan trọng trong hệ thống pháp luật khi điều chỉnh các quan hệ của nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN. Đến nay, hệ thống pháp luật (trong đó có pháp luật trong lĩnh vực quản lý kinh tế) cơ bản được hoàn thiện, trở thành lực đẩy thúc đẩy sự phát triển các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, hội nhập quốc tế, góp phần thực hiện chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam XHCN, tiến trình cải cách tư pháp của đất nước bước vào kỷ nguyên mới.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành quả to lớn, cùng với mặt trái của nền kinh tế thị trường, có nhiều yếu tố khách quan và chủ quan tác động đến quá trình xây dựng và thực thi pháp luật. Tình hình tội phạm vẫn còn diễn biến phức tạp, nhiều địa phương, nhiều ngành để xảy ra các vụ án trong lĩnh vực quản lý kinh tế, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, ảnh hưởng đến vận khí đất nước. Là một trong những chủ thể tham gia tố tụng, thực hiện chức năng xã hội cao quý của nghề luật sư, thời gian qua, đội ngũ luật sư Việt Nam đã có nhiều cố gắng trong việc góp phần cùng các cơ quan và người tiến hành tố



TS.LS Phan Trung Hoài, Phó Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam tại Hội thảo “Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới”.

tụng làm rõ sự thật khách quan, nguyên nhân, bối cảnh xảy ra vụ án, góp phần bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và công dân, thể hiện được bản chất dân chủ trong hoạt động tố tụng hình sự.

Từ thực tiễn tham gia tố tụng hình sự từ đầu những năm 90 của thế kỷ 20 đến nay, chúng tôi nhận thấy, mỗi vụ án hình sự nảy sinh bao giờ cũng có những nguyên do của nó. Các nhà tội phạm học khi đề cập đến tình hình phạm tội như một

hiện tượng xã hội, xác định các tiêu chí đánh giá và nguyên nhân, điều kiện thực hiện tội phạm, dự báo kế hoạch phòng chống tội phạm đều quan tâm đến sự tác động, điều chỉnh của các chính sách, pháp luật trong nhiều trường hợp, đã nảy sinh những bất cập, mâu thuẫn với sự phát triển của đời sống kinh tế - xã hội. Các vụ án hình sự liên quan lĩnh vực quản lý kinh tế, đôi khi là sự biểu hiện ra bên ngoài của quá trình tích tụ mâu thuẫn, va đập giữa chính sách, pháp luật và đời sống.

\* Tham luận tại Hội thảo khoa học cấp quốc gia “Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới” tổ chức tại Hà Nội ngày 06/3/2025.

\*\* Phó Chủ tịch Liên đoàn Luật sư Việt Nam, Trọng tài viên Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC), Thành viên Hội đồng Tư vấn án lệ Tòa án nhân dân tối cao.

Sự biểu hiện ra bên ngoài những mâu thuẫn nội tại của bản thân nền kinh tế, sự va đập của chính sách, pháp luật trong đời sống đã chỉ ra những bất cập của nó. Mục đích tồn tại của xã hội không phải chỉ vì luật pháp và ngược lại, chính luật pháp, nói hẹp hơn là nền tư pháp, trong một chừng mực nhất định cần thấu hiểu hơn ai hết “cơ thể xã hội” mà nó đang tồn tại, để điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển. C. Mác đã từng nói: *“Dưới chế độ dân chủ, không phải con người tồn tại vì luật pháp, mà luật pháp tồn tại vì con người. Dấu hiệu đặc trưng cơ bản của chế độ dân chủ là như vậy”*<sup>1</sup>.

Đánh giá cho đúng những mặt biểu hiện của nó không phải là điều đơn giản, nhưng qua thực tiễn xét xử các vụ án hình sự trong lĩnh vực quản lý kinh tế có thể cho phép nhận ra mối quan hệ và sự tác động qua lại giữa chủ trương, chính sách và pháp luật với thực tiễn sinh động của đời sống kinh tế - xã hội. Cơ quan cảnh sát điều tra, viện kiểm sát nhân dân, tòa án nhân dân các cấp, các luật sư tham gia bào chữa cho các bị cáo, bảo vệ quyền lợi cho các đương sự có nhiều nỗ lực trong việc phát hiện sự bất cập, mâu thuẫn, thiếu sót trong các quy định của pháp luật. Từ đó, trong nhiều trường hợp, đã chỉ ra một phần nguyên nhân nảy sinh tội phạm xuất phát từ pháp luật không theo kịp với đời sống, nhận thức và áp dụng pháp luật không đúng trở thành nguyên nhân phát sinh tội phạm. Theo thiên nghĩ của chúng tôi, các bản án có hiệu lực pháp luật trở thành tiêu chí đánh giá mức độ phát triển và thực thi pháp luật, là cơ sở quan trọng trong định hướng xây dựng và hoàn thiện pháp luật trong kỷ nguyên mới của đất nước.

### **Một số bất cập, vướng mắc trong hệ thống pháp luật về quản lý kinh tế nhìn từ thực tiễn xét xử một số vụ án kinh tế, tham nhũng**

Nhìn lại thực tiễn xét xử các vụ án kinh tế, tham nhũng lớn thời gian qua, chúng tôi nhận thấy khi đánh giá nguyên nhân và điều kiện phát sinh vụ án và dẫn đến hành vi bị coi là tội phạm được xem xét trên 02 phương diện: (1) Sự bất cập, vướng mắc, thiếu sót nội tại của hệ thống pháp luật; và (2) Nhận thức và áp dụng pháp luật của các chủ thể xã hội. Có một thực tế là trong nhiều vụ án hình sự, ngay cả một số người từng được đảm nhận trách nhiệm cao trong bộ máy Nhà nước cho đến chủ doanh nghiệp nhà nước, được đào tạo và trang bị kiến thức pháp luật cơ bản, nhưng khi điều hành, quyết định xử lý vụ việc lại có nhận thức và áp dụng pháp luật khác nhau, là nguyên nhân dẫn đến hành vi bị coi là sai phạm. Đại diện một số bộ, ngành chức năng khi trả lời yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng, một số kết luận giám định của các hội đồng giám định tư pháp đưa ra kết luận giám định tư pháp về tài chính, kế toán, cũng thể hiện cách hiểu và vận dụng pháp luật rất khác nhau...

Về sự bất cập, vướng mắc trong nội tại của các quy định pháp luật về quản lý kinh tế, nhận thức và áp dụng, là yếu tố tác động đến việc xác định sự thật khách quan và là một trong những nguyên nhân phát sinh các vụ án hình sự. Qua thực tiễn xét xử một số vụ án kinh tế, tham nhũng điển hình, tôi xin nêu ra một số bất cập chính mà cơ quan cảnh sát điều tra, viện kiểm sát nhân dân các cấp đã chỉ ra, các luật sư kiến nghị, được ghi nhận trong các bản án của tòa án các cấp:

(1) Trong vụ án Tamexco cách đây hơn 30 năm, có liên quan đến chủ trương làm thủ việc sử dụng quỹ đất để tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng (hay còn gọi chủ trương “đổi đất lấy cơ sở hạ tầng”) áp dụng thí điểm cho tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, sau đó nhiều địa phương khác cũng áp dụng, trước thời điểm ban hành Nghị định 18/CP. Đây là chủ trương đúng đắn, nhưng là vấn đề mới, việc tổ chức thực hiện của địa phương không đúng với sự chỉ đạo của Chính phủ, việc đấu thầu công trình gắn liền với việc xét giao quyền sử dụng đất làm không chặt chẽ, dẫn đến sai phạm, các Đoàn kiểm tra của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Đoàn công tác của Chính phủ phải tiến hành kiểm tra trong năm 1994, từ đó phát sinh vụ án.

(2) Trong vụ án Minh Phụng - Epcó xảy ra cách đây gần 30 năm, liên quan đến nhận thức và cách hiểu khác nhau đối với khái niệm về quyền sở hữu đất đai và quyền sử dụng đất, cùng với nó là sự khác biệt khái niệm giữa giá trị đất và giá trị quyền sử dụng đất, giữa cơ chế giao đất và cho thuê đất. Khi Nghị định 18/CP ngày 13/02/1995 được ban hành, quy định từ 01/01/1995 phải chuyển sang chế độ cho thuê đất, trả tiền thuê đất hàng năm (có hiệu lực hồi tố) đã ảnh hưởng đến nhiều doanh nghiệp đã được giao đất trước đây, nhất là các chi phí đã bỏ ra cho việc đền bù, nộp các khoản tiền sử dụng đất có khả năng rất lớn nhưng không thu hồi được, bắt đầu đứng bên bờ vực của sự đổ vỡ. Nguyên nhân vụ án Minh Phụng - Epcó có một phần khởi nguồn từ những thay đổi trong quy định của pháp luật về đất đai, khởi đầu cho thời kỳ đóng băng của thị trường nhà đất...

<sup>1</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập, T.1*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tr. 350.

(3) Trong vụ án Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (Vinashin), có liên quan việc thí điểm hình thành các tập đoàn kinh tế nhà nước (lúc đó ở nước ta có 12 tập đoàn kinh tế nhà nước thí điểm, 8 tập đoàn thành lập năm 2005-2006; 4 tập đoàn thành lập năm 2009-2010). Có thể khẳng định, chủ trương của Đảng về thí điểm thành lập các tập đoàn kinh tế nhà nước là đúng đắn, đạt được nhiều kết quả, phù hợp với xu hướng quốc tế và có bước đi thận trọng phù hợp với điều kiện thực tiễn Việt Nam. Tuy nhiên, do chưa có một hệ thống cơ chế, chính sách hoạt động ổn định, còn mang nặng tính thăm dò, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, việc thực hiện quyền chủ sở hữu của Nhà nước, việc quản lý nhà nước đối với các tập đoàn có rất nhiều bất cập.

Mô hình tập đoàn kinh tế nhà nước vào thời điểm nói trên là một mô hình rất phức tạp về địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, về cơ cấu tổ chức và nhất là việc thực hiện quyền đối với phần vốn Nhà nước. Tuy nhiên, vào thời điểm 2006-2010, các tập đoàn ở nước ta đều được thành lập chính thức, là một chủ thể quan trọng của nền kinh tế, trong khi chưa được thể chế hóa thành văn bản quy phạm pháp luật về thí điểm ở tầm một nghị quyết của Quốc hội trong đó quy định rõ phạm vi lĩnh vực, thời gian thí điểm, mô hình tổ chức, địa vị pháp lý xử lý những vấn đề mâu thuẫn với các luật, phân công trách nhiệm kiểm tra, giám sát và xác định thời hạn tổng kết... Do là thí điểm nên không thể tránh khỏi những lúng túng, thậm chí, có những rủi ro trong quá trình thực hiện, dẫn đến là một phần nguyên nhân phát sinh vụ án.

(4) Trong vụ án Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) góp vốn vào Ngân hàng Oceanbank xảy ra vào cuối năm 2017, bên cạnh khuôn khổ pháp lý và tính hợp pháp

trong việc PVN được phép đầu tư vốn ngoài ngành. Tuy nhiên, việc góp vốn và thoái vốn của PVN tại Oceanbank gặp nhiều lúng túng liên quan nhận thức và áp dụng pháp luật, trong bối cảnh PVN không thể thoái vốn được vì vi phạm Luật Chứng khoán (cổ đông có người tham gia là thành viên của hội đồng quản trị của một doanh nghiệp thì không được thoái vốn, muốn thoái vốn thì thành viên tham gia hội đồng quản trị phải thôi giữ chức trước 06 tháng). Trong giai đoạn chuyển giao giữa Luật Các tổ chức tín dụng cũ và mới, tình trạng chung của các cổ đông có tỷ lệ sở hữu cổ phần ngân hàng thương mại cổ phần vượt hạn mức quy định đều lúng túng trong việc thực hiện quy định này.

(5) Trong vụ án tại Tổng công ty Viễn thông MobileFone (MBF) xảy ra vào năm 2018, một trong những nguyên nhân dẫn đến hành vi sai phạm của các bị cáo là nhận thức không đầy đủ và lúng túng trong áp dụng pháp luật, bao gồm Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014 (Luật số 69) và Luật Đầu tư ngày 26/11/2014 (Luật số 67) liên quan đến việc xác định thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án và điều chỉnh đối với giao dịch chuyển nhượng cổ phần thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ hay bộ chủ quản? Nhận thức của nhiều bộ, ngành và các bị cáo về việc áp dụng luật điều chỉnh về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư và quyết định phê duyệt dự án rất khác nhau. Bản án có hiệu lực của tòa án kết luận việc bộ chủ quản ban hành quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư bị coi là trái thẩm quyền, xuất phát từ nhận thức và áp dụng pháp luật không đúng, là một trong những nguyên nhân dẫn đến hành vi sai phạm của các bị cáo.

(6) Trong vụ án Tổng công ty Nông nghiệp Sài Gòn (Sagri) xảy ra vào năm 2020 cho thấy bất cập, vướng mắc trong việc áp dụng pháp luật điều chỉnh liên quan đến chuyển nhượng dự án giữa Luật Quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp (Luật số 69) với các Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở. Đặc biệt là việc thẩm định giá chuyển nhượng được thực hiện trước hay sau khi chủ sở hữu vốn Nhà nước tại doanh nghiệp chấp thuận chủ trương chuyển nhượng dự án. Thực tế xét xử vụ án cho thấy pháp luật chưa quy định rõ ràng, cụ thể về trình tự, thủ tục chuyển nhượng dự án kinh doanh bất động sản đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ làm chủ đầu tư, đòi hỏi vừa bảo đảm thực hiện Luật Kinh doanh bất động sản, vừa bảo đảm thực hiện Luật số 69. Pháp luật chưa quy định trình tự thực hiện quy định pháp luật về quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, trước hay sau, thực hiện quy định về chuyển nhượng dự án kinh doanh bất động sản. Những bất cập trong nhận thức và áp dụng pháp luật liên quan vấn đề này còn thể hiện trong rất nhiều vụ án kinh tế, tham nhũng khác được xét xử thời gian qua.

(7) Trong vụ án xảy ra tại UBND tỉnh Khánh Hòa vào năm 2021 liên quan Dự án “Sinh thái tâm linh Cửu Long Sơn Tự” và khu đất số 01 Trần Hưng Đạo, TP. Nha Trang (trụ sở cũ của Trường Chính trị, tỉnh Khánh Hòa), hình thức đầu tư BT (xây dựng - chuyển giao) theo Luật Đầu tư công năm 2014 nhằm sử dụng tài sản công (đất, trụ sở làm việc, tài sản kết cấu hạ tầng, tài sản công khác) để thanh toán cho nhà đầu tư. Theo quy định, sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu

tư thực hiện dự án BT phải theo pháp luật về đầu tư; thanh toán theo nguyên tắc ngang giá, giá trị tài sản công được xác định theo giá thị trường tại thời điểm thanh toán; việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án BT thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu... Tuy nhiên, bất cập chính yếu trong thực tiễn đầu tư theo hình thức BT là *xác định giá trị quyền sử dụng đất thanh toán cho dự án BT theo giá thị trường tại thời điểm thanh toán*. Tại thời điểm đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư dự án BT và ký hợp đồng BT đã xác định được giá trúng thầu công trình BT. Giá trúng thầu là giá thị trường, theo nguyên tắc ngang giá thì giá trị quỹ đất hoặc trụ sở làm việc dùng để thanh toán dự án BT cũng phải được xác định tại thời điểm này. Một số bất cập nêu trên dẫn đến những vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai các dự án đầu tư theo hình thức BT.

(8) Trong vụ án Tập đoàn FLC, liên quan quy định về niêm yết chứng khoán theo Luật Chứng khoán năm 2006, cho đến thời điểm xảy ra vụ án, *vẫn chưa có quy định về cơ chế*, trách nhiệm kiểm tra công bố thông tin trước khi người nội bộ hay người có liên quan thực hiện giao dịch. Đoàn kiểm tra của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã tham vấn ý kiến của Ngân hàng Nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và đối chiếu với các quy định của pháp luật, phát hiện nhiều bất cập, sơ hở trong các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, hoạt động đăng ký kinh doanh, hoạt động đầu tư tài chính, cho vay, ủy thác đầu tư.

(9) Trong vụ án xảy ra tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn (SCB) vừa xét xử sơ thẩm giai đoạn 2 thời gian qua, theo đánh giá của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, liên quan *công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực*

*chứng khoán, tài chính, ngân hàng (quản lý ngoại hối, công tác phòng, chống rửa tiền, tín dụng) còn có sơ hở, thiếu sót trong một số văn bản quy phạm pháp luật*. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tối cao (giai đoạn 2) đã nhận định: “Quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án đã cho thấy còn có sơ hở, thiếu sót trong một số văn bản quy phạm pháp luật, trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng (quản lý ngoại hối, công tác phòng, chống rửa tiền, tín dụng) là nguyên nhân, điều kiện dẫn đến hành vi phạm tội của các bị can”. Từ kết quả điều tra vụ án và thực tiễn xét xử, cùng với kiến nghị của Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bản án sơ thẩm (giai đoạn 2) của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh cũng đưa ra một số kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật liên quan đến phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ, các quy định của pháp luật trong lĩnh vực chuyển tiền quốc tế, các quy định của pháp luật về thành lập, đăng ký doanh nghiệp.

### Đề xuất một số kiến nghị

Nhìn từ thực tiễn xét xử một số vụ án kinh tế, tham nhũng ở Việt Nam thời gian qua, các vấn đề liên quan đến thể chế, môi trường pháp lý và thực tiễn xét xử các vụ án, vấn đề nhận thức và áp dụng pháp luật là vấn đề lớn, phức tạp, nhiều kiến nghị tại các bản án có hiệu lực pháp luật chưa được rà soát, kiểm tra việc thực hiện, từ đó đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật.

Điều 6 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (BLTTHS) quy định: “Trong quá trình tiến hành tố tụng hình sự, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm

phát hiện nguyên nhân và điều kiện phạm tội, yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp khắc phục và phòng ngừa”. Trong phạm vi Hội thảo, chúng tôi xin đề xuất một số kiến nghị cụ thể như sau:

(1) Kiến nghị Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, Lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an xem xét, có ý kiến chỉ đạo tổng kết thực tiễn xét xử các vụ án kinh tế, tham nhũng lớn thời gian qua, đánh giá quá trình chuyển đổi chính sách về kinh tế với phạm vi điều chỉnh pháp luật; *xem xét thực tế một phần nguyên nhân phát sinh các vụ án do pháp luật chưa quy định hoặc quy định chưa đầy đủ, không theo kịp với sự chuyển biến từ chủ trương đổi mới của Đảng và Nhà nước*. Chúng tôi nghĩ đây là một trong những “kênh dẫn” hướng đến việc đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

(2) Trên cơ sở tổng kết, đánh giá từ thực tiễn xét xử các vụ án kinh tế, tham nhũng thời gian qua như đã nêu trên, trong chương trình xây dựng pháp luật của Quốc hội, Chính phủ, chúng tôi xin kiến nghị bổ sung một nhiệm vụ của các bộ, ngành liên quan là *rà soát, kiểm tra và thực thi các kiến nghị của Bộ Công an, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao thông qua thực tiễn xét xử, được nêu cụ thể trong các bản án có hiệu lực pháp luật*. Trên cơ sở đó có định hướng sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật, khắc phục và loại trừ việc nhận thức và áp dụng pháp luật không đúng, bị coi là một trong các nguyên nhân phát sinh tội phạm ■

P.T.H

# HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TRÊN MÔI TRƯỜNG THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

NGUYỄN THỊ VÂN ANH\*

**D**ân tộc thiểu số là dân tộc có số dân ít, chiếm tỷ trọng thấp trong dân cư của một quốc gia. Người tiêu dùng, người dân tộc thiểu số họ có quyền được bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản... Người tiêu dùng đóng vai trò rất quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế mỗi quốc gia, thế nhưng trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thì người tiêu dùng luôn ở vị thế yếu hơn. Đó là tình trạng bất cân xứng về thông tin, hiểu biết, khả năng kiểm tra chất lượng hàng hóa, các khuyết tật và các rủi ro liên quan đến sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, khả năng đàm phán, ký kết hợp đồng, trong sự phát triển của nền kinh tế, đặc biệt là kinh tế thị trường. Trong tương quan với nhà sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ chuyên nghiệp, họ luôn nằm ở vị thế yếu hơn so với nhà sản xuất, kinh doanh. Chính vì vậy, người tiêu dùng, nhất là người tiêu dùng là dân tộc thiểu số luôn và có nguy cơ gánh chịu rủi ro, thiệt hại trong quan hệ tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ. Hiện nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, nhất là sự bùng nổ của thương mại điện tử, quyền lợi của người tiêu dùng là dân tộc thiểu số ngày càng bị xâm hại nghiêm trọng. Vì nhu cầu lợi nhuận, đạo đức kinh doanh suy đồi, không ít nhà cung cấp đã lạm

dụng ưu thế của mình để khai thác, lừa dối người tiêu dùng bằng rất nhiều hình thức: sản phẩm không đúng chất lượng, không đủ số lượng, quảng cáo gian dối... và hơn thế nữa, tính mạng, sức khỏe của người tiêu dùng đứng trước sự đe dọa bởi thực phẩm độc hại, sản phẩm không an toàn.

## Thực trạng quy định của pháp luật

Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 dành hẳn một điều (Điều 8) quy định về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng dễ bị tổn thương, trong đó có người dân tộc thiểu số; người sinh sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

Theo đó, người tiêu dùng dễ bị tổn thương là người tiêu dùng có khả năng chịu nhiều tác động bất lợi về tiếp cận thông tin, sức khỏe, tài sản, giải quyết tranh chấp tại thời điểm mua hoặc sử dụng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Khoản 3 Điều 8 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 quy định, khi giao dịch với người tiêu dùng dễ bị tổn thương, tổ chức, cá nhân kinh doanh có trách nhiệm sau đây:

- Bảo đảm việc thực hiện quyền của người tiêu dùng dễ bị tổn thương trong quá trình mua bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch

vụ theo quy định của pháp luật;

- Áp dụng cơ chế giải quyết khiếu nại, tranh chấp theo quy định của pháp luật phù hợp với từng đối tượng người tiêu dùng dễ bị tổn thương;

- Không được từ chối giải quyết yêu cầu được bảo vệ của người tiêu dùng dễ bị tổn thương quy định tại điểm c khoản 2 Điều này do khác biệt về tiếng nói, chữ viết, phong tục, tập quán;

- Chống kỳ thị, phân biệt đối xử, lợi dụng yếu tố dễ bị tổn thương để xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng trong quá trình thực hiện giao dịch;

- Xây dựng, ban hành trình tự, thủ tục, phương thức hoặc biện pháp phù hợp với từng đối tượng người tiêu dùng dễ bị tổn thương để bảo đảm quyền khiếu nại, yêu cầu giải quyết tranh chấp và các quyền khác của người tiêu dùng dễ bị tổn thương;

- Xây dựng, cập nhật, công khai cho người tiêu dùng dễ bị tổn thương các nội dung quy định tại khoản này theo hình thức niêm yết tại trụ sở, địa điểm kinh doanh hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử, phần mềm ứng dụng (nếu có) và đào tạo, tập huấn cho người lao động của mình về các nội dung đó.

Trách nhiệm quy định nói trên không bắt buộc áp dụng đối với cá nhân hoạt động thương mại độc lập, thường xuyên, không phải đăng ký kinh doanh; doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ theo quy định của

\* Trường Đại học Luật, Đại học Huế.

pháp luật, trừ trường hợp doanh nghiệp đó thực hiện giao dịch quy định tại Chương III Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Để thực hiện có hiệu quả những quy định pháp luật nói trên trong việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là người dân tộc thiểu số, thiết nghĩ nên triển khai một số giải pháp sau:

*Bảo đảm tiếp cận thông tin và dịch vụ bằng ngôn ngữ dễ hiểu*

Hỗ trợ ngôn ngữ: cần thiết kể các nền tảng thương mại điện tử sao cho dễ dàng tiếp cận với các ngôn ngữ và phương thức giao tiếp của người dân tộc thiểu số. Điều này có thể bao gồm việc cung cấp các phiên bản website và ứng dụng bằng tiếng dân tộc, hoặc có sự hỗ trợ của các dịch vụ tư vấn bằng ngôn ngữ của các cộng đồng dân tộc thiểu số.

Giải thích minh bạch, rõ ràng: các quy định về quyền lợi và nghĩa vụ của người tiêu dùng phải được thể hiện một cách đơn giản, dễ hiểu, để người dân tộc thiểu số không gặp khó khăn khi tìm hiểu về các sản phẩm và dịch vụ họ mua.

*Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao nhận thức cho người dân tộc thiểu số về thương mại điện tử*

Cần tăng cường các chương trình đào tạo về thương mại điện tử cho người dân tộc thiểu số, giúp họ nhận thức rõ hơn về quyền lợi và trách nhiệm của mình khi tham gia vào các giao dịch trực tuyến. Việc này không chỉ giúp người tiêu dùng dân tộc thiểu số tránh các rủi ro mà còn nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ trong giao dịch thương mại điện tử.

Các tổ chức xã hội và cộng đồng có thể đóng vai trò quan trọng trong việc truyền tải thông tin và hướng dẫn các nhóm dân tộc thiểu số về cách thức bảo vệ quyền lợi của mình trong môi trường thương mại điện tử.

*Kiểm soát và giám sát hoạt động của các sàn thương mại điện tử*

Các sàn thương mại điện tử cần được quản lý chặt chẽ về chất lượng dịch vụ và hàng hóa, đặc biệt là với những sản phẩm phục vụ người dân tộc thiểu số. Nhà nước cần thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát để bảo đảm rằng người dân tộc thiểu số không bị lợi dụng trong các giao dịch trực tuyến.

Cần có các chế tài nghiêm khắc đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm quyền lợi người tiêu dùng, đặc biệt là các hành vi lừa đảo, gian lận thương mại, hoặc phân biệt đối xử đối với người dân tộc thiểu số.

*Khuyến khích phát triển các sản phẩm, dịch vụ phù hợp với nhu cầu của người dân tộc thiểu số*

Hỗ trợ các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm cho người dân tộc thiểu số. Nhà nước có thể tạo điều kiện cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ phù hợp với nhu cầu và đặc thù của người dân tộc thiểu số tham gia vào thị trường thương mại điện tử. Điều này bao gồm việc hỗ trợ tài chính, đào tạo và kết nối các doanh nghiệp với các cộng đồng dân tộc thiểu số.

Các sản phẩm và dịch vụ được cung cấp trên nền tảng thương mại điện tử cần phải bảo đảm chất lượng, đồng thời tôn trọng văn hóa và phong tục của các cộng đồng dân tộc thiểu số, tránh tình trạng sản phẩm không phù hợp hoặc có thể gây hiểu lầm hoặc tổn thương đến các giá trị văn hóa này.

*Xây dựng cơ chế giải quyết tranh chấp hiệu quả*

Cần có một cơ chế giải quyết tranh chấp trong thương mại điện tử dễ dàng tiếp cận cho người dân tộc thiểu số, đặc biệt là khi họ gặp khó khăn trong việc giao dịch hoặc gặp phải các vấn đề liên quan đến chất lượng sản phẩm/dịch vụ. Cơ chế này cần bảo đảm tính công

bằng, minh bạch và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Các tổ chức bảo vệ người tiêu dùng có thể đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ người dân tộc thiểu số khi xảy ra tranh chấp, cần tăng cường vai trò của các tổ chức này trong việc giúp người tiêu dùng là dân tộc thiểu số giải quyết các vấn đề liên quan đến giao dịch trên các nền tảng thương mại điện tử.

Có thể thấy rằng, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2023 đã có các quy định tương đối cụ thể về bảo vệ quyền của người tiêu dùng đối với người dân tộc thiểu số. Quan trọng hơn là hoàn thiện khung pháp lý bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng đối với người dân tộc thiểu số trong môi trường thương mại điện tử, cần xây dựng một hệ thống pháp lý toàn diện, vừa bảo vệ quyền lợi của họ, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển thương mại điện tử bền vững.

Việc bảo đảm quyền của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam đã được thực hiện qua nhiều quan điểm, đường lối, chính sách kinh tế - xã hội quan trọng. Pháp luật Việt Nam đã tạo cơ sở pháp lý cho việc bảo đảm và thúc đẩy quyền của người dân tộc thiểu số. Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn coi việc thực hiện quyền của người dân tộc thiểu số là vấn đề được ưu tiên trong các chính sách về phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, bởi Nhà nước Việt Nam luôn xác định việc tôn trọng, bảo đảm và thúc đẩy các quyền con người nói chung, quyền của người thiểu số là thước đo của sự tiến bộ và phát triển xã hội. Trong thời gian tới, việc tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật là điều cần thiết để củng cố hơn cơ sở pháp lý nhằm tăng cường bảo đảm, thúc đẩy thực thi quyền của người dân tộc thiểu số ở nước ta ■

N.T.V.A

## TỘI SẢN XUẤT, BUÔN BÁN HÀNG GIẢ LÀ LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM, PHỤ GIA THỰC PHẨM

THS.LS ĐINH VĂN QUẾ\*

Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm là tội phạm đã được quy định tại Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tuy nhiên, Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 1999 không chỉ quy định hàng giả là lương thực, thực phẩm, mà còn quy định cả thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh nhưng chưa quy định hàng giả là phụ gia thực phẩm. Nay Điều 193 Bộ luật Hình sự năm 2015 tách hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh quy định thành tội danh riêng tại Điều 194, đồng thời bổ sung hàng giả là phụ gia thực phẩm.

Xét về bản chất thì tội phạm này cũng tương tự như tội sản xuất, buôn bán hàng giả, chỉ khác nhau ở chỗ, tội phạm này chỉ quy định 03 loại hàng giả, đó là: lương thực, thực phẩm và phụ gia thực phẩm. Việc nhà làm luật bổ sung hàng giả là phụ gia thực phẩm là đáp ứng yêu cầu thực tế của xã hội có những loại không thể gọi là thực phẩm được, mà nó chỉ là các chất được bổ sung thêm vào thực phẩm để bảo quản hay cải thiện hương vị và bề ngoài của chúng như đường, muối, màu thực phẩm..., các chất này gọi chung là "phụ gia thực phẩm". Vì vậy, khi định tội danh đối với hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm và phụ gia thực phẩm cần chú ý:

- Nếu người phạm tội thực hiện cả 02 hành vi với cùng một đối tượng hàng giả, thì định tội là



Ảnh minh họa.

"sản xuất và buôn bán" và chỉ áp dụng một hình phạt. Ví dụ: Phạm Quang V sản xuất, buôn bán lương thực giả thì tội danh đối với Phạm Quang V là "sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực".

- Nếu người phạm tội chỉ thực hiện 01 hành vi thì định tội theo hành vi mà họ thực hiện. Ví dụ: Nguyễn Văn A sản xuất 100 kg bột ngọt (mì chính) giả, thì tội danh của Nguyễn Văn A là "sản xuất hàng giả là phụ gia thực phẩm".

- Nếu một người thực hiện cả 02 hành vi nhưng với đối tượng hàng giả khác nhau thì phải định tội riêng đối với từng hàng vi, rồi

quyết định hình phạt cho từng tội, sau đó tổng hợp hình phạt theo Điều 55 Bộ luật Hình sự. Ví dụ: Vũ Thị D sản xuất 10.000 chai nước mắm giả và buôn bán 5.000 chai rượu giả, thì phải định tội đối với Vũ Thị D là tội "sản xuất hàng giả là phụ gia thực phẩm" và tội "buôn bán hàng giả là thực phẩm". Tòa án quyết định hình phạt đối với từng tội rồi căn cứ vào Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với Vũ Thị D.

So với Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 1999 thì Điều 193 Bộ luật Hình sự năm 2015 có nhiều thay đổi như:

\* Đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nguyên Chánh Tòa hình sự Tòa án nhân dân tối cao.

- Tách đối tượng hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh để quy định thanh tội danh riêng tại Điều 194 Bộ luật Hình sự.

- Bổ sung đối tượng hàng giả là phụ gia thực phẩm vào điều luật.

- Bỏ các tình tiết “gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng”, mà thay bằng các thiệt hại cụ thể về tính mạng, sức khỏe, tài sản.

- Bổ sung tình tiết thu lợi bất chính là dấu hiệu định khung hình phạt tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 của điều luật.

- Quy định các khoản có khung hình phạt đều nhẹ hơn Điều 157 Bộ luật Hình sự năm 1999; bỏ hình phạt tử hình đối với tội phạm này.

- Đặc biệt, Điều 193 Bộ luật Hình sự năm 2015 bổ sung pháp nhân thương mại cũng là chủ thể của tội phạm này và được quy định tại khoản 6 của điều luật. Đây là quy định mới nên chỉ áp dụng kể từ 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018.

Cũng như Điều 192 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 193 cũng quy định 02 hành vi phạm tội khác nhau, đó là sản xuất và buôn bán nên chỉ có thể đưa ra từng định nghĩa cho từng hành vi phạm tội quy định tại Điều 193 Bộ luật Hình sự.

*Sản xuất hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm là hành vi thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động chế tạo, chế bản, in, gia công, đặt hàng, sơ chế, chế biến, chiết xuất, tái chế, lắp ráp, pha trộn, san chia, sang chiết, nạp đóng gói và hoạt động khác làm ra hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm.*

*Buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm là hành vi thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động chào hàng, bày bán, lưu trữ, bảo quản, vận chuyển,*

*bán buôn, bán lẻ, xuất khẩu, nhập khẩu và hoạt động khác đưa hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm vào lưu thông<sup>1</sup>.*

Có thể nói, sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm là hành vi sản xuất và buôn bán lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm không phải là hàng thật.

## Các dấu hiệu về chủ thể của tội phạm

### Đối với người phạm tội

Các dấu hiệu về chủ thể của người phạm tội cũng tương tự như đối với tội sản xuất, buôn bán hàng giả, chỉ cần người có năng lực trách nhiệm hình sự và đến độ tuổi nhất định theo quy định của pháp luật là có thể trở thành chủ thể của tội phạm này.

Chỉ người đủ 16 tuổi trở lên mới là chủ thể của tội phạm này, còn người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi không phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm này ở bất kỳ khoản nào của điều luật, vì theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật Hình sự thì người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng quy định tại một trong các Điều 123, 134, 141, 142, 143, 144, 150, 151, 168, 169, 170, 171, 173, 178, 248, 249, 250, 251, 252, 265, 266, 286, 287, 289, 290, 299, 303 và 304 của Bộ luật Hình sự (không có Điều 193).

### Đối với pháp nhân thương mại

Cũng như đối với pháp nhân thương mại khác, pháp nhân thương mại phạm tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm phụ gia thực phẩm cũng phải là pháp nhân có mục tiêu chính là tìm kiếm lợi nhuận và lợi nhuận được chia cho các thành viên. Pháp nhân thương mại bao

gồm doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác. Việc thành lập, hoạt động và chấm dứt pháp nhân thương mại được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan. Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện: được thành lập theo quy định của Bộ luật Dân sự và các luật khác có liên quan; có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83 của Bộ luật Dân sự 2015; có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình; nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

## Các dấu hiệu về khách thể của tội phạm

Khách thể của tội phạm này là trật tự quản lý kinh tế mà cụ thể là trật tự quản lý việc sản xuất, buôn bán hàng hóa là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chống hàng giả.

Đối tượng tác động của tội phạm này là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm giả.

Việc xác định thế nào là hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm giả nói chung không có gì khó, nhiều trường hợp không cần các cơ quan chức năng giám định cũng biết đó là hàng giả. Tuy nhiên, hiện nay trên thị trường tồn tại nhiều loại hàng hóa khác nhau như hàng kém phẩm chất, hàng nhái... Chính vì vậy mà Chính phủ đã phải ban hành nhiều văn bản để phân biệt hàng giả với hàng kém phẩm chất, hàng giả với hàng nhái hoặc hàng vi phạm nhãn hiệu thương phẩm.

Theo Cục Quản lý thị trường - Bộ Công thương, hàng giả hiện được định nghĩa như sau:

Có bốn loại hàng giả: giả về chất lượng và công dụng; giả mạo

<sup>1</sup> Xem khoản 1, khoản 2 Điều 3 Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ người tiêu dùng; được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 17/2022/NĐ-CP.

nhân hiệu hàng hóa, bao bì hàng hóa; giả mạo về sở hữu trí tuệ; các loại tem, nhãn, bao bì hàng hóa giả.

*Hàng giả chất lượng và công dụng* là hàng hóa không có giá trị sử dụng hoặc giá trị sử dụng không đúng với nguồn gốc, bản chất tự nhiên, tên gọi và công dụng của hàng hóa.

*Hàng giả mạo nhãn hàng hóa, bao bì hàng hóa* là hàng hóa giả mạo tên, địa chỉ của thương nhân khác trên nhãn hoặc bao bì cùng loại hàng hóa hoặc giả mạo chỉ dẫn về nguồn gốc hàng hóa, nơi sản xuất, đóng gói, lắp ráp hàng hóa trên nhãn hoặc bao bì hàng hóa.

*Giả mạo về sở hữu trí tuệ* là hàng hóa, bao bì hàng hóa có gắn nhãn hiệu, dấu hiệu trùng hoặc khó phân biệt với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ dùng cho chính mặt hàng đó mà không được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu, của tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý hoặc sao chép lậu là bản sao được sản xuất mà không được phép của chủ thể quyền tác giả hoặc quyền liên quan.

*Tem, nhãn, bao bì hàng hóa giả* gồm các loại đề can, nhãn hàng hóa, bao bì hàng hóa, tem chất lượng, tem chống giả, phiếu bảo hành, niêm màng co hàng hóa có nội dung giả mạo tên, địa chỉ thương nhân, nguồn gốc hàng hóa, nơi sản xuất, đóng gói, lắp ráp hàng hóa.

Nếu xét dưới góc độ của pháp luật thì hàng giả là hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ.

Theo quy định tại Điều 213 Luật Sở hữu trí tuệ thì hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ được xác định như sau:

Hàng hóa giả mạo về sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ bao gồm hàng hoá giả mạo nhãn hiệu và giả mạo chỉ dẫn địa lý (sau đây gọi là hàng hóa giả mạo nhãn hiệu) quy định tại khoản 2 Điều 213 và hàng hóa sao chép lậu quy định tại khoản 3 Điều 213 Luật Sở hữu trí tuệ.

Hàng hóa giả mạo nhãn hiệu là hàng hóa, bao bì của hàng hóa có gắn nhãn hiệu, dấu hiệu trùng hoặc khó phân biệt với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ dùng cho chính mặt hàng đó mà không được phép của chủ sở hữu nhãn hiệu hoặc của tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý.

Hàng hóa sao chép lậu là bản sao được sản xuất mà không được phép của chủ thể quyền tác giả hoặc quyền liên quan.

Theo Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 172/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022), hàng giả gồm:

a) Hàng hóa có giá trị sử dụng, công dụng không đúng với nguồn gốc bản chất tự nhiên, tên gọi của hàng hóa; hàng hóa không có giá trị sử dụng, công dụng hoặc có giá trị sử dụng, công dụng không đúng so với giá trị sử dụng, công dụng đã công bố hoặc đăng ký;

b) Hàng hóa có ít nhất một trong các chỉ tiêu chất lượng hoặc đặc tính kỹ thuật cơ bản hoặc định lượng chất chính tạo nên giá trị sử dụng, công dụng của hàng hóa chỉ đạt mức từ 70% trở xuống so với mức tối thiểu quy định tại quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký, công bố áp dụng hoặc ghi trên nhãn, bao bì hàng hóa;

c) Thuốc giả theo quy định tại khoản 33 Điều 2 của Luật Dược năm 2016 và dược liệu giả theo quy định tại khoản 34 Điều 2 của Luật Dược năm 2016;

d) Thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật không có hoạt chất; không có đủ loại hoạt chất đã đăng ký; có hoạt chất khác với hoạt chất ghi trên nhãn, bao bì hàng hóa; có ít nhất một trong các

hàm lượng hoạt chất chỉ đạt từ 70% trở xuống so với mức tối thiểu quy định tại quy chuẩn kỹ thuật hoặc tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký, công bố áp dụng;

đ) Hàng hóa có nhãn hàng hóa hoặc bao bì hàng hóa ghi chỉ dẫn giả mạo tên, địa chỉ tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu, phân phối hàng hóa; giả mạo mã số đăng ký lưu hành, mã số công bố, mã số mã vạch của hàng hóa hoặc giả mạo bao bì hàng hóa của tổ chức, cá nhân khác; giả mạo về nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa hoặc nơi sản xuất, đóng gói, lắp ráp hàng hóa;

e) Tem, nhãn, bao bì hàng hóa giả.

Tem, nhãn, bao bì hàng hóa giả gồm đề can, nhãn hàng hóa, bao bì hàng hóa, các loại tem chất lượng, dấu chất lượng, tem truy xuất nguồn gốc, phiếu bảo hành, niêm màng co hàng hóa hoặc vật phẩm khác của tổ chức, cá nhân kinh doanh có chỉ dẫn giả mạo tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân khác; giả mạo tên thương mại, tên thương phẩm, mã số mã vạch, mã số đăng ký lưu hành, mã số công bố của hàng hóa hoặc bao bì hàng hóa của tổ chức, cá nhân khác.

Như vậy, để xác định thế nào là hàng giả thì các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chỉ cần căn cứ vào Luật Sở hữu trí tuệ và nghị định của Chính phủ quy định về hàng giả ở từng thời điểm khác nhau. Nếu cần thì yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền của Bộ Công thương giám định.

Vào thời điểm hiện nay, ngoài Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam năm 2005 (được sửa đổi năm 2009 và năm 2022), Chính phủ có Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 (được sửa đổi, bổ sung bằng Nghị định số 172/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022). Các văn bản pháp luật này quy định đầy đủ hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả nói chung và hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm nói riêng.

*Lương thực* là sản phẩm của cây trồng cung cấp chính về năng lượng và chất bột cacbohydrat trong khẩu phần thức ăn... Ở Việt Nam có 04 loại cây lương thực chính là lúa, ngô, sắn và khoai lang (*Ipomoea batatas* L.). Trên thế giới có 05 loại cây lương thực chính là ngô (*Zea Mays* L.), lúa nước (*Oryza sativa* L.), lúa mì (*Triticum sp*, còn có tên khác là *tiểu mạch*), sắn (*Manihot esculenta* Crantz, còn có tên khác là *khoai mì*) và khoai tây (*Solanum tuberosum* L.).

Việc quy định loại cây nào là cây lương thực còn tùy thuộc vào mỗi nước. Ví dụ: Ở châu Phi, chuối bột cũng được dùng làm lương thực tương tự như việc sử dụng quả sakê (*Artocarpus indisa*) ở nước Nhật. Tại Ấn Độ, một số nước châu Phi và một số đảo ở Thái Bình Dương, những loại đậu đỗ ăn hạt như đậu trắng, đậu đen, đậu xanh, đậu đỏ, đậu trứng cuốc, đậu nho nhe hay thân giàu tinh bột từ một số cây như cây báng... cũng được sử dụng làm lương thực tương tự như thực phẩm ở Việt Nam. Ở một số nước phương Tây, cây lương thực, cây “ngũ cốc” được gọi là cereal, cereali, cerealo, zerial, có nguồn gốc từ Ceres, tên gọi của vị nữ thần nông nghiệp và mùa màng của thời kỳ tiền La Mã. Nó dùng để chỉ các loài thực vật thuộc họ Hòa thảo (Poaceae) được con người gieo trồng để lấy hạt có thể ăn được (về mặt thực vật học, chúng là kiểu quả gọi là quả thóc). Ở Việt Nam ngày nay, cây lương thực được dùng để chỉ toàn bộ nhóm cây lương thực có hạt (Cereals for grain) và nhóm cây củ có bột (Cereals for tuber), chủ yếu là bốn cây lương thực chính lúa, ngô, sắn, khoai lang<sup>2</sup>.

*Thức phẩm* hay còn được gọi là thức ăn gồm bất kỳ vật phẩm nào, bao gồm chủ yếu các chất: chất bột

(cacbohydrat), chất béo (lipit), chất đạm (protein) hoặc nước, mà con người hay động vật có thể ăn hay uống được, với mục đích cơ bản là thu nạp các chất dinh dưỡng nhằm nuôi dưỡng cơ thể hay vì sở thích. Các thực phẩm có nguồn gốc từ thực vật, thực phẩm có nguồn gốc động vật, vi sinh vật hay các sản phẩm chế biến từ phương pháp lên men như rượu, bia.

Trong lịch sử, con người có được thực phẩm thông qua hai phương pháp: săn bắn hái lượm và nông nghiệp, điều này mang lại cho con người hiện đại một chế độ ăn chủ yếu là ăn tạp. Trên toàn thế giới, nhân loại đã tạo ra nhiều món ăn và nghệ thuật ẩm thực, bao gồm một loạt các thành phần, thảo mộc, gia vị, kỹ thuật và món ăn.

Ngày nay, phần lớn số lượng thực phẩm cần thiết cho dân số ngày càng tăng trên thế giới được cung cấp bởi ngành công nghiệp thực phẩm. An toàn thực phẩm và an ninh lương thực được giám sát bởi các cơ quan như Hiệp hội bảo vệ thực phẩm quốc tế, Viện tài nguyên thế giới, Chương trình lương thực thế giới, Tổ chức lương thực và nông nghiệp và Hội đồng thông tin thực phẩm quốc tế. Họ giải quyết các vấn đề như tính bền vững, đa dạng sinh học, biến đổi khí hậu, kinh tế dinh dưỡng, tăng trưởng dân số, cung cấp nước và tiếp cận với thực phẩm.

Phần lớn các nền văn hóa đều có nghệ thuật ẩm thực. Văn hóa ẩm thực là một tập hợp cụ thể của các truyền thống, thói quen, sở thích, cách thức chọn lựa thực phẩm và tập quán trong nấu ăn. Việc nghiên cứu các khía cạnh của ẩm thực gọi là khoa học về nghệ thuật ẩm thực. Nhiều nền văn hóa đã đa dạng hóa các chủng loại thực phẩm của mình bằng các phương pháp chế biến, nấu nướng

và sản xuất. Bên cạnh đó, việc buôn bán các loại thực phẩm cũng tạo điều kiện để các nền văn hóa đa dạng hóa hơn nữa các chủng loại thực phẩm của mình. Trong khi con người, về bản chất là động vật ăn tạp, thì tôn giáo và các định kiến xã hội, chẳng hạn như các tiêu chuẩn luân lý, thường có ảnh hưởng tới các chủng loại thực phẩm mà xã hội đó tiêu thụ. An toàn thực phẩm cũng là một vấn đề cần được quan tâm với các bệnh do ăn uống<sup>3</sup>.

Hiện nay, thực phẩm theo khái niệm hiện đại được chia thành 03 loại:

*Thực phẩm ăn liền* là dạng thực phẩm không cần phải nấu nướng mà có thể sử dụng ngay, thực phẩm ăn liền khác với fast food, thực phẩm ăn liền đã được làm sẵn như mì gói chỉ cần chế nước sôi vào là ăn được ngay, đồ hộp chỉ cần hâm nóng là ăn được ngay. Còn fast food thì không cần hâm nóng, không cần chế nước sôi có thể ăn ngay được.

*Thực phẩm đóng hộp* là một phương thức để bảo quản thực phẩm bằng cách chế biến và xử lý trong môi trường thiếu khí. Phương pháp này lần đầu tiên được sử dụng cho quân đội Pháp phát minh bởi Nicolas Appert. Đóng gói giúp ngăn chặn vi sinh vật xâm nhập và nảy nở bên trong.

Để tránh làm thức ăn bị hỏng trong quá trình trước và trong suốt quá trình bảo quản, một số phương pháp đã được sử dụng: diệt khuẩn, nấu chín (và các ứng dụng dựa trên nhiệt độ cao), bảo quản lạnh, đóng băng, sấy khô, hút chân không, chống các tác nhân vi trùng hay bảo quản để giữ nguyên các tính chất ban đầu như ion hóa bức xạ vừa đủ, ngâm trong nước muối, axit, bazơ.

*Siêu thực phẩm* là khái niệm tiếp thị chỉ về các thực phẩm có đặc tính về dinh dưỡng vượt hơn so với các thực phẩm thông dụng.

<sup>2</sup> Theo Bách khoa toàn thư mở Wikipedia.

<sup>3</sup> Theo Bách khoa toàn thư mở Wikipedia.

Các nhà khoa học cho rằng việc sử dụng cụm từ “siêu thực phẩm” chỉ là một công cụ tiếp thị mà không phải dựa trên nghiên cứu khoa học, các nhà sản xuất vẫn phụ thuộc rất nhiều vào chiêu trò tiếp thị và các nhà vận động hành lang để định hình nhận thức của công chúng về các sản phẩm của họ để bán chạy hàng. Do cụm từ “siêu thực phẩm” không bắt nguồn từ khoa học nên có thể gây hiểu nhầm cho người tiêu dùng, khiến họ tập trung vào một loại thực phẩm hơn các loại khác.

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), thực phẩm còn được phân loại thành:

*Thực phẩm pha trộn* là một thuật ngữ pháp lý có nghĩa là một sản phẩm thực phẩm không đáp ứng các tiêu chuẩn pháp lý. Một hình thức pha trộn là bổ sung một chất khác vào mặt hàng thực phẩm để tăng số lượng mặt hàng thực phẩm ở dạng thô hoặc dạng chế biến, có thể dẫn đến mất chất lượng thực tế của mặt hàng thực phẩm. Những chất này có thể là mặt hàng thực phẩm có sẵn hoặc mặt hàng phi thực phẩm. Trong số các sản phẩm thịt và thịt, một số mặt hàng được sử dụng để pha trộn là nước hoặc nước đá, thân thịt hoặc thịt động vật không phải là động vật nguyên gốc được tiêu thụ.

*Thực phẩm cắm trại* bao gồm các thành phần được sử dụng để chuẩn bị thực phẩm phù hợp cho cắm trại và du lịch bụi. Các loại thực phẩm khác nhau đáng kể từ các thành phần được tìm thấy trong một nhà bếp điển hình. Sự khác biệt chính liên quan đến nhu cầu đặc biệt của người cắm trại và khách du lịch ba lô đối với thực phẩm có thời gian nấu thích hợp, dễ hỏng, trọng lượng và hàm lượng dinh dưỡng.

Để giải quyết những nhu cầu này, thực phẩm cắm trại thường được tạo thành từ các thành phần đông khô, sơ chế hoặc khử nước.

Nhiều người cắm trại sử dụng kết hợp các loại thực phẩm này.

Làm đông khô đòi hỏi phải sử dụng máy móc hạng nặng và không phải là điều mà hầu hết các trại viên có thể tự làm. Thành phần đông khô thường được coi là vượt trội so với các thành phần mất nước, tuy nhiên vì chúng bù nước ở trại nhanh hơn và giữ được hương vị nhiều hơn so với các đối tác mất nước. Các thành phần đông khô mất rất ít thời gian để bù nước mà chúng thường có thể được ăn mà không cần nấu chúng trước và có kết cấu tương tự như một dạng snack giòn.

Mất nước có thể làm giảm trọng lượng của thực phẩm từ sáu mươi đến chín mươi phần trăm bằng cách loại bỏ nước thông qua bay hơi. Một số thực phẩm khử nước tốt, chẳng hạn như hành tây, ớt và cà chua. Mất nước thường tạo ra thực phẩm nhỏ gọn hơn, mặc dù hơi nặng khi so với đông khô. Đồ bổ sung bữa ăn quân sự, bữa ăn, đồ ăn sẵn (MRE) đôi khi được sử dụng bởi các trại viên. Những bữa ăn này chứa thực phẩm nấu chín trong túi retort. Một túi retort là một túi laminate nhựa và kim loại được sử dụng như là một thay thế cho phương pháp đóng hộp công nghiệp truyền thống.

*Thực phẩm ăn kiêng* (hay thức ăn kiêng) đề cập đến bất kỳ loại thực phẩm hoặc đồ uống nào có công thức được thay đổi để giảm chất béo, carbohydrate, abhor/adhore sugar để biến nó thành một phần của chương trình giảm cân hoặc chế độ ăn kiêng. Những thực phẩm như vậy thường nhằm mục đích hỗ trợ giảm cân hoặc thay đổi loại cơ thể, mặc dù các chất bổ sung thể hình được thiết kế để hỗ trợ tăng cân hoặc cơ bắp.

Quá trình tạo ra một phiên bản chế độ ăn uống của thực phẩm thường đòi hỏi phải tìm một chất

thay thế năng lượng thực phẩm thấp chấp nhận được cho một số thành phần năng lượng thực phẩm cao. Điều này có thể đơn giản như thay thế một số hoặc tất cả đường của thực phẩm bằng chất thay thế đường như phổ biến với nước ngọt ăn kiêng như Coca-Cola (ví dụ Diet Coke). Trong một số đồ ăn nhẹ, thức ăn có thể được nướng thay vì chiên do đó làm giảm năng lượng thực phẩm. Trong các trường hợp khác, các thành phần ít chất béo có thể được sử dụng để thay thế. Trong thực phẩm ngũ cốc nguyên hạt, hàm lượng chất xơ cao hơn có hiệu quả thay thế một số thành phần tinh bột của bột. Vì một số sợi nhất định không có năng lượng thực phẩm, điều này dẫn đến việc giảm năng lượng khiếm tốn. Một kỹ thuật khác dựa trên việc bổ sung có chủ ý các thành phần năng lượng thực phẩm giảm khác, chẳng hạn như tinh bột kháng hoặc chất xơ, để thay thế một phần bột và đạt được mức giảm năng lượng đáng kể hơn.

*Thực phẩm đông lạnh*, bảo quản thực phẩm từ khi nó được chuẩn bị cho đến khi nó được ăn. Ngay từ thời kỳ đầu, nông dân, ngư dân và người đánh bắt đã bảo quản ngũ cốc và sản xuất trong các tòa nhà không sử dụng trong mùa đông. Thực phẩm đông lạnh làm chậm quá trình phân hủy bằng cách biến độ ẩm còn lại thành nước đá, ức chế sự phát triển của hầu hết các loài vi khuẩn. Trong ngành công nghiệp thực phẩm, có hai quá trình: cơ học và đông lạnh (hoặc đông lạnh flash). Động lực của sự đóng băng là rất quan trọng để bảo vệ chất lượng thực phẩm và kết cấu. Đóng băng nhanh hơn tạo ra các tinh thể băng nhỏ hơn và duy trì cấu trúc tế bào. Đóng băng đông lạnh là công nghệ cấp đông nhanh nhất hiện có sử dụng nhiệt độ cực thấp của nitơ lỏng -196°C (-320°F).

*Thực phẩm chức năng* là thực phẩm được cung cấp một chức năng bổ sung (thường là một thực phẩm liên quan đến tăng cường sức khỏe hoặc phòng chống bệnh tật) bằng cách thêm các thành phần mới hoặc nhiều thành phần hiện có. Thuật ngữ này cũng có thể áp dụng cho các đặc điểm được lai tạo có chú ý trong các cây ăn được hiện có, chẳng hạn như khoai tây tím hoặc vàng có hàm lượng anthocyanin hoặc carotene được làm giàu tương ứng. Thực phẩm chức năng có thể “được thiết kế để có lợi ích sinh lý và/hoặc giảm nguy cơ mắc bệnh mãn tính ngoài chức năng dinh dưỡng cơ bản, và có thể trông giống với thực phẩm thông thường và được tiêu thụ như một phần của chế độ ăn uống thông thường”.

Thuật ngữ này lần đầu tiên được sử dụng ở Nhật Bản vào những năm 1980, nơi có quy trình phê duyệt của chính phủ đối với thực phẩm chức năng có tên là Thực phẩm cho việc sử dụng sức khỏe được chỉ định (FOSHU).

*Thực phẩm sức khỏe* là thực phẩm được bán trên thị trường để cung cấp các hiệu ứng sức khỏe của con người ngoài chế độ ăn uống lành mạnh bình thường cần thiết cho dinh dưỡng của con người. Thực phẩm được bán trên thị trường như thực phẩm tốt cho sức khỏe có thể là một phần của một hoặc nhiều loại, như thực phẩm tự nhiên, thực phẩm hữu cơ, thực phẩm toàn phần, thực phẩm chay hoặc thực phẩm bổ sung.

*Phụ gia thực phẩm* là các chất được bổ sung thêm vào thực phẩm để bảo quản (hóa chất bảo quản) hay cải thiện hương vị và bề ngoài của chúng. Một số phụ gia thực phẩm đã được sử dụng trong nhiều thế kỷ như chất bảo quản bằng làm dưa chua (với giấm), ướp muối. Ví dụ: Thịt ướp muối xông khói, hay sử dụng điôxít lưu huỳnh trong một số loại rượu

vang. Với sự ra đời và phát triển của công nghiệp chế biến thực phẩm trong nửa sau thế kỷ 20 thì có thêm nhiều phụ gia thực phẩm đã được giới thiệu, cả tự nhiên lẫn nhân tạo. Một số phụ gia là những hóa chất có thể gây hại cho sức khỏe con người nếu dùng liều cao hoặc trong thời gian dài, ví dụ acid Benzoic,...

Để quản lý các phụ gia này và thông tin về chúng cho người tiêu dùng thì mỗi loại phụ gia đều được gắn với một số duy nhất. Ban đầu các số này là các “số E” được sử dụng ở châu Âu cho tất cả các phụ gia đã được chấp nhận. Hệ thống đánh số này hiện đã được Ủy ban mã thực phẩm (Codex Alimentarius Committee) chấp nhận và mở rộng để xác định trên bình diện quốc tế tất cả các phụ gia thực phẩm mà không liên quan đến việc chúng có được chấp nhận sử dụng hay không.

Tất cả các số E đều có tiền tố “E” đi kèm, nhưng các quốc gia ngoài châu Âu chỉ sử dụng các số mà không cần biết là các phụ gia đó có được chấp nhận sử dụng ở châu Âu hay không. Ví dụ, axit axêtic là phụ gia 260, vì thế nó được viết là E260 trên các sản phẩm được bày bán ở châu Âu. Phụ gia 103, alkanet, không được chấp nhận sử dụng ở châu Âu nên nó không có số E, mặc dù nó được chấp nhận sử dụng tại Úc và New Zealand.

Các phụ gia thực phẩm có thể phân chia thành nhóm, mặc dù có một số phần chồng lấn giữa các thể loại này với nhau:

- Các axit thực phẩm được bổ sung vào để làm cho hương vị của thực phẩm “sắc hơn” và chúng cũng có tác dụng như là các chất bảo quản và chống ôxi hóa. Các axit thực phẩm phổ biến là giấm, axit citric, axit tartaric, axit malic, axit fumaric, axit lactic.

- Các chất điều chỉnh độ chua được sử dụng để thay đổi hay kiểm soát độ chua và độ kiềm của thực phẩm.

- Các chất chống vón giữ cho các chất bột, chẳng hạn như sữa bột không bị vón cục.

- Các chất chống tạo bọt làm giảm hoặc ngăn chặn sự tạo bọt trong thực phẩm.

- Các chất chống ôxi hóa như vitamin C có tác dụng như là chất bảo quản bằng cách kiểm chế các tác động của ôxy đối với thực phẩm và nói chung là có lợi cho sức khỏe.

- Các chất tạo khối lượng chẳng hạn như tinh bột được bổ sung để tăng số/khối lượng của thực phẩm mà không làm ảnh hưởng tới trị giá dinh dưỡng của nó.

- Chất tạo màu thực phẩm được thêm vào thực phẩm để thay thế các màu sắc bị mất trong quá trình sản xuất hay làm cho thực phẩm trông bắt mắt hơn.

- Ngược lại với các chất tạo màu, các chất giữ màu được sử dụng để bảo quản màu hiện hữu của thực phẩm.

- Các chất chuyển thể sữa cho phép nước và dầu ăn duy trì được thể hỗn hợp cùng nhau trong thể sữa, chẳng hạn trong maiônét, kem và sữa.

- Các chất tạo vị là các phụ gia làm cho thực phẩm có hương vị hay mùi cụ thể nào đó và có thể được tạo ra từ các chất tự nhiên hay nhân tạo.

- Các chất điều vị làm tăng hương vị sẵn có của thực phẩm.

- Các chất xử lý bột ngũ cốc được thêm vào bột ngũ cốc (bột mì, bột mạch...) để cải thiện màu sắc của nó hay sử dụng khi nướng bánh.

- Các chất giữ ẩm ngăn không cho thực phẩm bị khô đi.

- Các chất bảo quản ngăn hoặc kiểm chế sự thối hỏng của thực phẩm bị gây ra bởi các hoạt động của nấm mốc, vi khuẩn hay các vi sinh vật khác.

- Các chất đẩy là các loại khí nén được sử dụng để đẩy thực phẩm ra khỏi đồ chứa đựng nó.

- Các chất ổn định, tạo đặc và tạo gel, chẳng hạn agar hay pectin (sử dụng trong một số loại mứt hoa quả) làm cho thực phẩm có kết cấu đặc và chắc. Trong khi chúng không phải là các chất chuyển thể sữa thực thụ, nhưng chúng giúp cho các chất thể sữa ổn định hơn.

- Các chất làm ngọt được bổ sung vào thực phẩm để tạo vị ngọt. Các chất làm ngọt không phải đường được thêm vào để giữ cho thực phẩm chứa ít năng lượng (calo) nhưng vẫn có vị ngọt của đường hay vì chúng có các tác động có lợi cho các bệnh nhân bị bệnh đái đường hay sâu răng.

- Các chất làm đặc là các chất mà khi thêm vào thực phẩm sẽ làm tăng độ dẻo mà không làm thay đổi đáng kể các thuộc tính khác của thực phẩm<sup>4</sup>.

Tóm lại, đối với tội phạm này thì việc xác định đối tượng tác động là một vấn đề rất quan trọng, nếu không nói là yếu tố quyết định cho việc xác định hành vi phạm tội này, vì lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm có rất nhiều loại, liên quan đến nhiều lĩnh vực khoa học; các quy định của quốc tế cũng như pháp luật Việt Nam về lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm có nhiều điểm không đồng nhất. Vì vậy, khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng xác định hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm, tốt nhất là trưng cầu giám định. Để việc định tội danh chính xác, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khi trưng cầu giám định cần nêu rõ yêu cầu “vật chứng” được giám định là lương thực hay thực phẩm, nếu là thực phẩm thì đó là thực phẩm hay phụ gia thực phẩm.

### Các dấu hiệu thuộc mặt khách quan của tội phạm

#### Hành vi khách quan

Cũng như đối với tội sản xuất, buôn bán hàng giả, điều luật quy định 02 hành vi khách quan khác nhau, đó là: sản xuất và buôn bán. Vì vậy, khi định tội tùy vào từng trường hợp cụ thể người phạm tội thực hiện hành vi nào thì định tội theo hành vi đó, mà không định tội theo cả 02 hành vi quy định trong điều luật. Ví dụ: Một người chỉ thực hiện hành vi sản xuất hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm thì định tội là “sản xuất hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm”, mà không định tội là “sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm”.

Nếu người phạm tội thực hiện cả 02 hành vi cùng một đối tượng, thì định tội là “sản xuất và buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm”.

Các trường hợp trên, tòa án chỉ áp dụng một mức hình phạt.

Nếu người phạm tội thực hiện 02 hành vi khác nhau đối với 02 đối tượng khác nhau thì việc định tội cần chú ý: Ví dụ: Nguyễn Văn A sản xuất 1.000 chai rượu Chivas Regal giả và buôn bán 50.000 gói mì tôm giả, thì A phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về hai tội, đó là: tội “sản xuất hàng giả là thực phẩm” và tội “buôn bán hàng giả là lương thực”. Tòa án quyết định hình phạt riêng đối với từng tội và áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt trong trường hợp phạm nhiều tội.

Sản xuất hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm là làm ra lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm mang nhãn hiệu hàng hóa giống hệt hoặc tương tự có khả năng làm cho người tiêu dùng nhầm lẫn với

nhãn hiệu hàng hóa của cơ sở sản xuất, buôn bán khác đã đăng ký với cơ quan bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, hoặc đã được bảo hộ theo ước quốc tế mà Việt Nam tham gia với nhiều hình thức khác nhau như: chế tạo, chế biến, nhân giống, sao chép, sáng tác, dịch thuật... Nói chung, hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm được sản xuất ra chủ yếu bằng phương pháp công nghiệp theo một quy trình từ nguyên liệu đến sản phẩm.

Bộ luật Hình sự không dùng thuật ngữ “làm hàng giả” mà dùng thuật ngữ “sản xuất hàng giả”. Điều này cũng cho thấy, những loại sản phẩm được làm ra không theo một quy trình từ nguyên liệu đến thành phẩm thì không được coi là sản xuất hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm mà tùy trường hợp, người phạm tội làm ra loại sản phẩm đó bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Ví dụ: Một người dùng mật trâu pha với một ít mật bò tót rồi nói dối người mua đó là mật bò tót thật để chiếm đoạt tiền của người mua, thì hành vi này là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm là mua, xin, tàng trữ, vận chuyển hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm nhằm bán lại cho người khác; dùng hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm để trao đổi, thanh toán; dùng tài sản (không phải là tiền) đem trao đổi, thanh toán... lấy hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm để bán lại cho người khác.

<sup>4</sup>Theo Bách khoa toàn thư mở Wikipedia.

**Hậu quả của tội phạm**

Hậu quả của hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm gây ra là những thiệt hại vật chất và phi vật chất cho xã hội như: tính mạng, sức khỏe của con người, những thiệt hại về tài sản cho người tiêu dùng và những thiệt hại khác về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Hậu quả trực tiếp của hành vi sản xuất và buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm là gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản của người tiêu dùng và xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu công nghiệp của các doanh nghiệp, gây thiệt hại đến lợi ích vật chất, uy tín của doanh nghiệp có sản phẩm, hàng hóa thật bị người phạm tội sản xuất hoặc buôn bán xâm phạm.

Đối với tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm, hậu quả không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm. Nếu hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm gây ra thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tài sản của người khác thì tùy trường hợp, người phạm tội sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo khoản 2, khoản 3 và khoản 4 của điều luật. Đây cũng là điểm khác với tội sản xuất, buôn bán hàng giả thông thường, phải gây ra hậu quả thì người có hành vi sản xuất, buôn bán mới cấu thành tội phạm.

**Các dấu hiệu khách quan khác**

Ngoài hành vi khách quan, đối với tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm, nhà làm luật không quy định một dấu hiệu khách quan nào khác là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm. Tuy nhiên, khi xác định hành vi

Điều 193 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định 04 khoản tương ứng với 04 khung hình phạt đối với người phạm tội. Khoản 1 có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 05 năm; khoản 2 có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm; khoản 3 có khung hình phạt tù từ 10 năm đến 15 năm; khoản 4 có khung hình phạt tù từ 15 năm đến 20 năm hoặc tù chung thân.

Ngoài hình phạt chính, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

Pháp nhân thương mại phạm tội này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 3.000.000.000 đồng; phạm tội thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, e, g, h, i và k khoản 2 Điều 193 Bộ luật Hình sự, thì bị phạt tiền từ 3.000.000.000 đồng đến 6.000.000.000 đồng; phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 6.000.000.000 đồng đến 9.000.000.000 đồng; phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, thì bị phạt tiền từ 9.000.000.000 đồng đến 18.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm; phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật Hình sự, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

Ngoài hình phạt chính, pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

đã cấu thành tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm hay chưa, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải căn cứ vào quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và đặc biệt là các nghị định của Chính phủ đối với hàng hóa là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm và các quy định khác của pháp luật để phân biệt lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm thật với lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm giả.

**Các dấu hiệu thuộc mặt chủ quan của tội phạm**

Người thực hiện hành vi sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm thực hiện hành vi của mình là do cố ý (cố ý trực tiếp hoặc cố ý gián tiếp), tức là nhận thức rõ hành vi của mình là hành vi sản xuất hàng giả là lương thực, thực

phẩm, phụ gia thực phẩm hoặc biết rõ là hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm nhưng vẫn sản xuất, buôn bán; thấy trước được hậu quả của hành vi và mong muốn cho hậu quả đó xảy ra hoặc bỏ mặc cho hậu quả xảy ra. Thông thường, người phạm tội sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm thực hiện hành vi của mình là bỏ mặc cho hậu quả xảy ra (cố ý gián tiếp).

Động cơ, mục đích của người phạm tội tuy không phải là dấu hiệu bắt buộc của cấu thành tội phạm, nhưng việc xác định mục đích của người phạm tội có ý nghĩa trong việc quyết định hình phạt. Nói chung, người phạm tội sản xuất hoặc buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm bao giờ cũng vì lợi nhuận (thu lợi bất chính) ■

D.V.Q

# CHÍNH QUYỀN 3 CẤP

## THỰC TIỄN TỔ CHỨC Ở CÁC NƯỚC TIÊU BIỂU TRÊN THẾ GIỚI

GS.TS NGUYỄN ĐĂNG DUNG\*  
THS NGUYỄN ĐĂNG DUY\*\*

**Tóm tắt:** Với cách thức tổ chức và hoạt động của các cấp chính quyền như ở Việt Nam hiện nay, phần nào cho thấy đang gây khó khăn cho sự phát triển, vì có quá nhiều cấp trung gian. Những đề xuất về tinh giản, cắt bớt các cấp trung gian là hợp lý, cần có quyết tâm, lộ trình phù hợp cho việc thực hiện. Để có cơ sở cho chủ trương đường lối này, bài báo phân tích những hình thức, những biểu hiện của chính quyền 3 cấp của một số nước tiêu biểu trên thế giới.

**Từ khóa:** Chính quyền trung ương, chính quyền địa phương, chính quyền 3 cấp.

**Abstract:** With the organization and operation method of all levels of government as in Vietnam today, partly shows that it is causing difficulties for development, because there are too many intermediaries. Proposals for streamlining, cutting intermediate levels are reasonable, need determination and route suitable for implementation. In order to have a basis for this policy, the article analyzes the forms and manifestations of the three level government of some typical countries in the world.

**Keywords:** Central government, local government, three level government.

### Đặt vấn đề

Chính quyền địa phương của các nhà nước phát triển hiện nay là chính quyền địa phương tự quản, nên việc phân chia thành chính quyền mấy cấp ở các quốc gia đó không đặt ra một cách cấp bách. Khái niệm các cấp chính quyền là khái niệm cổ xưa và sau này tồn tại ở các nước theo hệ thống xã hội chủ nghĩa của Đông Âu cũ. Đó là thời kỳ nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc tập quyền, các cấp chính quyền địa phương hình thành theo các lãnh thổ đơn vị hành chính, cấp dưới phải trực thuộc và phải chịu sự lãnh đạo của cấp trên. Biểu hiện quan trọng nhất của mối quan hệ trên dưới này là sự phụ thuộc của chính quyền cấp dưới đối với chính quyền cấp trên. Mọi quyết định của chính quyền cấp dưới phải có sự phê chuẩn của cấp trên, phải chịu trách nhiệm trước cấp trên, mà không chịu trách nhiệm trước pháp luật. Chính quyền cấp trên càng có

hiều cấp dưới trực thuộc thì càng tốt. Có lẽ vậy nên không ít quốc gia có tới 4, 5 cấp, nhưng đa phần là 3 cấp. Dưới đây xin được phân tích lý do và các hình thức tổ chức mô hình chính quyền 3 cấp.

### Các mô hình chính quyền 3 cấp

Có tới 75% các nước hiện nay trên thế giới có cơ cấu chính quyền 3 cấp. Cơ sở lý luận về các cấp chính quyền là lý luận của thời xưa của chế độ phong kiến, sau đó là chế độ thực dân thi hành nguyên tắc tập quyền. Theo đó, mọi quyền hành đều tập trung vào trung ương, các cấp dưới chỉ là thi hành. Trong khi đó, chính quyền địa phương của các nước phát triển đều coi là chính quyền tự quản, họ phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật theo tinh thần pháp quyền, nếu phát hiện có sai phạm pháp luật sẽ đem ra tòa án phân xử.

Thực tiễn cho thấy, ở các quốc gia, dù thực hiện theo chế độ tự quản với sự phân quyền hay chế độ trực thuộc trên dưới được gọi là chế độ tập quyền, thì đa phần thường tổ chức thành 3 cấp: cấp trung ương, cấp tỉnh và cấp chính quyền cơ sở. Trên cùng là cấp trung ương với quyền lập pháp, làm luật mang tính phổ biến (phổ quát) cho toàn quốc gia<sup>1</sup>, tất cả các cấp chính quyền cơ sở là cấp thực hiện; còn lại các cấp chính quyền khác giữa 2 cấp này đều là cấp trung gian có tác dụng chuyển tải, hướng dẫn cấp cơ sở, uốn nắn lại các quyết định chưa thực sự chuẩn xác của cấp cơ sở và gần như là cấp chung thẩm xem xét lại các quyết định sơ thẩm của cấp cơ sở khi có khiếu nại của người dân, nên cấp trung gian này tốt nhất là một cấp. Vì những lẽ đó nên chỉ cần 3 cấp chính quyền là đủ. Xin đưa ra 4 thí dụ các cấp chính quyền của một số nhà nước tiêu biểu để minh chứng:

\* Trường Đại học Tôn Đức Thắng.

\*\* Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội.

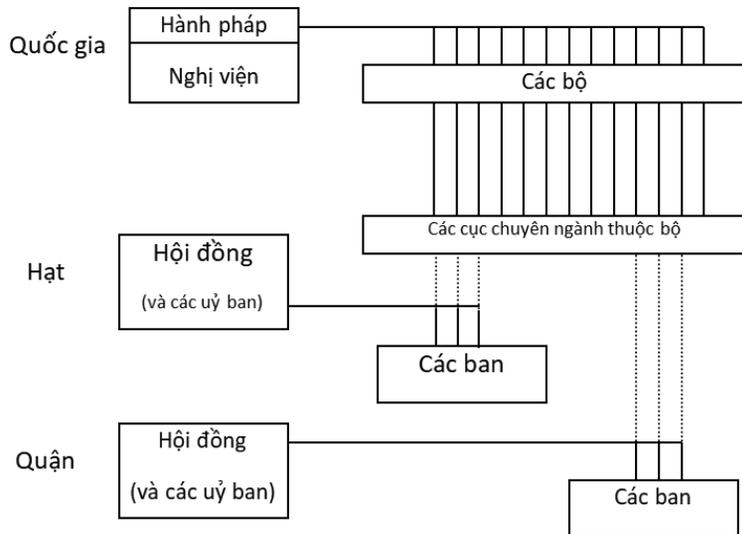
<sup>1</sup> G.W.F. Hegel, *Các nguyên lý của triết học pháp quyền*, Nxb Tri thức, 2010, tr. 785.

Thứ nhất, mô hình của các nhà nước trong hệ thống pháp luật *Anglê Sắc xông* (Anh, Mỹ, Canada...) mà ở đây áp dụng cơ chế phân quyền một cách đầy đủ hơn. Đặc điểm cơ bản là chính quyền địa phương không có sự trực thuộc và bảo trợ của cấp trên. Mọi cấp chính quyền đều được tổ chức và hoạt động dựa theo quy định của pháp luật. Khi có vấn đề tranh chấp sẽ được giải quyết bằng hoạt động xét xử của tòa án.

Mô hình của Anh quốc (British model) có đặc điểm trung ương không phải là cơ quan quản lý cấp trên đối với địa phương, không điều khiển địa phương. Các cấp chính quyền địa phương được độc lập lẫn nhau và không có sự trực thuộc lẫn nhau. Trong phạm vi quyền hạn của mình, các chính quyền đều có quyền tổ chức hoạt động chỉ phụ thuộc vào pháp luật mà không phụ thuộc vào bất cứ một sự chỉ đạo nào của cấp trên. Trong trường hợp có mâu thuẫn, tranh chấp hoặc có hiện tượng vi phạm pháp luật sẽ bị sự phân giải của tòa án. Đây là mô hình dân chủ hơn cả và chính trong quan niệm như vậy, chính quyền địa phương mới có khả năng và điều kiện phát huy được quyền chủ động của mình, gạt đi bất cứ một sự bảo trợ nào của chính quyền cấp trên, cũng như của cả chính quyền trung ương. Trong trường hợp hãn hữu gặp khó khăn về tài chính, chính quyền địa phương được sự trợ giúp của chính quyền trung ương. Một khi đã nhận sự trợ giúp về mặt kinh tế của trung ương, ít nhiều chính quyền địa phương phải chịu sự chỉ đạo của chính quyền trung ương. Trong trường hợp không chịu sự chỉ đạo của trung ương, lẽ đương nhiên các khoản viện trợ kinh phí sẽ bị giảm bớt, thậm chí là cắt hẳn.

Anh là quốc gia xuất phát ra chế độ địa phương tự trị, tự quản.

Mô hình của chính quyền Anh quốc:  
Điều chỉnh theo chức năng (Functional regulation)<sup>2</sup>



Chế độ này được hình thành qua nhiều lần cải cách mới có hình thái như ngày nay. Trước năm 1836, địa phương tự trị chỉ có nghĩa là công việc địa phương nào thì giao cho người của địa phương đó quản trị, nhưng sự thật chỉ có giai cấp đặc quyền mới có quyền quản trị. Từ cuối thế kỷ XIX, dân chủ ở họ ngày càng phát triển, chính quyền trung ương ngày càng được dân chủ, thì chính quyền địa phương cũng theo xu hướng ấy mà mở rộng quyền tham chính của người dân địa phương. Đến năm 1884, quyền tuyển cử ở các tỉnh được mở rộng và các cuộc vận động dân chủ ở địa phương được nhân dân địa phương hưởng ứng.

Hiện nay ở Anh, các chính quyền địa phương, bất cứ ở tỉnh, hay thành thị, hay trấn huyện, hay xã đều có cơ quan dân cử, có quyền lập pháp (làm luật) ở địa phương, các cơ quan dân cử đều bầu ra các cơ quan chấp hành có trách nhiệm đề ra các phương án hành chính ở địa phương. Ở thị có thị trưởng, nhưng thị trưởng không

có thực quyền (thị trưởng yếu) chỉ làm chủ tịch cho các hội nghị. Trưởng cơ quan chấp hành bổ nhiệm trưởng các ban, ngành phụ trách các ngành chuyên môn hành chính địa phương. Các ủy viên cơ quan chấp hành cùng các trưởng ban ngành đề ra phương án để hội nghị thông qua rồi giao cho các viên chức chuyên môn thi hành. Quyền hạn lập pháp của hội nghị dân cử địa phương do trung ương quy định, nhưng trung ương chỉ ở cương vị giám sát địa phương.

Vì là tự quản nên các chính quyền đều được dự do lựa chọn mô hình, cả các loại cấp chính quyền địa phương trực thuộc chính quyền của mình: theo kiểu đại nghị có hội đồng và thị trưởng yếu, thị trưởng không có quyền phủ quyết các quyết định của hội đồng; hội đồng và thị trưởng mạnh, do dân bầu ra có quyền phủ quyết quyết định của hội đồng như chế độ tổng thống cộng hòa; hội đồng và quản đốc (hội đồng ký hợp đồng thuê quản đốc như doanh nghiệp); hội đồng và

<sup>2</sup> Văn phòng Quốc hội CHXHCNVN, *Kỷ yếu Hội thảo Đổi mới tổ chức và hoạt động của thường trực, các ban của hội đồng nhân dân*, Hà Nội, 2003, tr. 42.

các ủy viên hành chính do hội đồng lựa chọn, không cần có cơ cấu ủy ban... Mỹ là quốc gia có nhiều mô hình chính quyền địa phương tự quản nhất. Mặc dù là tự quản các địa phương có quyền tự lựa chọn số lượng cấp chính quyền, nhưng thông thường ở Anh, Mỹ, chỉ có 3 cấp: một cấp quyết định luật cho toàn thể tiểu bang, một cấp thi hành ở cơ sở và một cấp chung thẩm giải quyết các khiếu kiện của cơ sở.

Theo mô hình vẽ mô phỏng các cấp chính quyền địa phương chỉ 3 cấp kể cả trung ương, vì là tự quản nên chúng chỉ liên hệ với nhau bằng những đường nét rời.

*Thứ hai, là sự kết hợp giữa hai cơ chế phân quyền và tập quyền cho các nước thuộc hệ thống Continental như Pháp, Đức...*

Đặc điểm là ngoài việc bảo trợ của cấp trên, chính quyền địa phương còn chịu sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ của đại diện trung ương được cử về địa phương, thường ban đầu là trực tiếp quản lý lãnh thổ địa phương theo các quyết định của cấp trên, sau dần dần lại trở thành người giám sát địa phương của cấp trên. Pháp quốc là một trong những nhà nước có tổ chức chính quyền địa phương theo kiểu này từ rất xa xưa trong những năm của thời kỳ phong kiến và cách mạng tư sản, nhưng nay ở họ đã có một số thay đổi bằng cuộc cải cách chính quyền địa phương tiến hành năm 1982 và kết thúc bằng đạo luật về chính quyền địa phương năm 1983. Theo đó, không một lãnh thổ nào chịu sự bảo trợ của chính quyền cấp trên, trừ một số lĩnh vực hạn hữu được quy định trong luật như: giáo dục, y tế, giao thông...

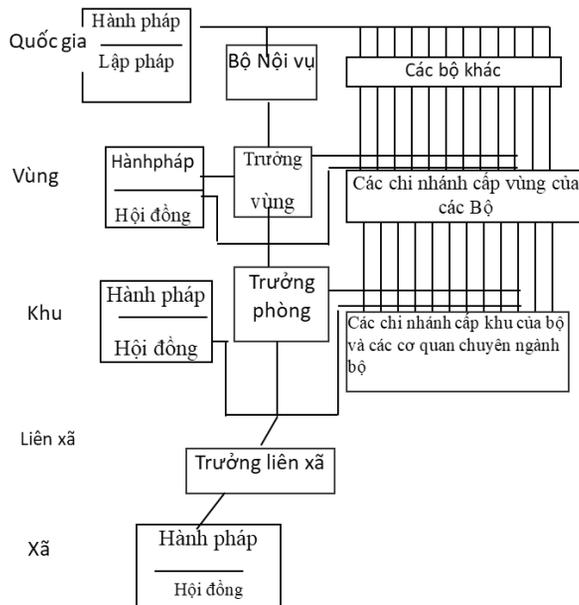
Từ thời vua Louis thứ 14, Pháp đã hình thành quốc gia trung ương tập quyền, quyền lực địa phương rất là yếu thế. Đến khi Napoleon lên cầm quyền, chính quyền trung

ương lại càng tập quyền hơn, các nhân viên chính trị của thị, tỉnh đều do trung ương bổ, miễn nhiệm. Cho đến nay, chính quyền địa phương có một số cải cách nhưng về cơ bản vẫn theo thời của Napoleon. Ngày nay chỉ khác xưa một chút, chế độ tập quyền thành chế độ tản quyền có hơi hướng phân quyền nhường chút cho chế độ tự trị. Đem một số phần quyền của trung ương ủy nhiệm cho các trưởng cơ quan địa phương để quản trị địa hạt của mình. Tự trị là giao cho nhân dân địa phương lập ra các cơ quan dân cử để tự quản trị lấy địa hạt của mình. Thời dân chủ chế độ Pháp cộng hòa đệ tam, quyền lực của các chính quyền địa phương được tăng cường, từ đó chế độ tự trị địa phương được phát triển. Tuy nhiên, nhìn chung chế toàn trị vẫn còn rơi lại. Với công cuộc cải cách chính quyền địa phương năm 1982, chính quyền Pháp kể cả trung ương vẫn là 5 cấp: trung ương, vùng, tỉnh, tổng/huyện, thị trấn/xã.

Trong đó tỉnh và xã là 2 cấp chính quyền địa phương quan trọng nhất, có tư cách pháp nhân tức là có quyền lợi và năng lực một cách hoàn chỉnh như một cá nhân trưởng thành. Cơ quan chính trị ở tỉnh gồm tỉnh trưởng và các nhân viên; cơ quan dân cử (nghị hội của tỉnh). Tỉnh trưởng do hội đồng tỉnh bầu ra, có trách nhiệm thực hiện các nghị quyết của hội đồng. Bên cạnh tỉnh trưởng có người đại diện của chính quyền cấp trên cử về có chức năng đại diện cho chính quyền cấp trên giám sát các hoạt động của chính quyền địa phương.

Thị trấn/xã có 2 cơ quan: thị trưởng/xã trưởng và nghị hội. Thị trưởng do nghị hội bầu ra trong số các nghị viên của xã, Chính phủ trung ương có quyền cách chức thị/xã trưởng. Chức quyền của thị trưởng một phần là chấp hành mệnh lệnh của trung ương dưới sự điều tiết của tỉnh trưởng, một phần thi hành nghị quyết của hội đồng xã. Dưới thị trưởng là các phó thị trưởng làm việc dưới

**Mô hình Pháp với đặc điểm:  
 Song trùng giám sát (Dual super vision)<sup>3</sup>**

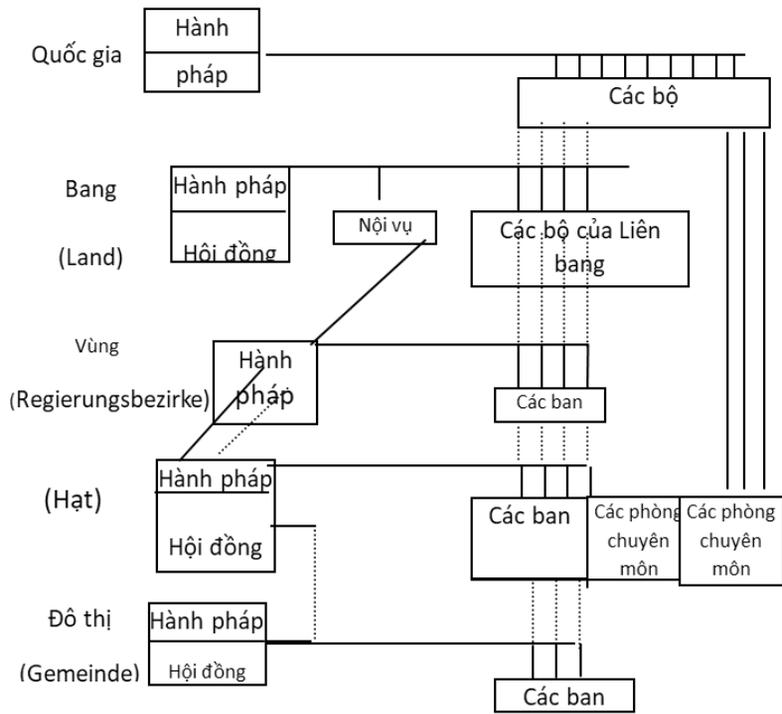


<sup>3</sup> Văn phòng Quốc hội CHXHCNVN, *tlđđ*, tr. 43.

quyền thị trường. Ít nhất có 1 phó thị trường, nhiều nhất là 17 như ở Leon, có trách nhiệm thi hành các nghị quyết của nghị hội. Nghị hội do dân bầu ra, khi nhóm họp thị trường làm chủ tịch.

Mô hình của Pháp (French model) có đặc điểm là chính quyền địa phương bị song trùng giám sát của 2 đại diện: thứ nhất chính quyền trung ương hoặc của chính quyền cấp trên; đại diện thứ hai là cơ quan nghị hội (cơ quan đại diện do người dân thực hiện quyền dân chủ của mình bầu ra thường gọi là các hội đồng địa phương). Mô hình này được phát triển từ những năm của chế độ quân chủ chuyên chế mà hình thành nên. Thuở ban đầu của chế độ phong kiến, chính quyền địa phương chỉ là các quan cai trị do nhà vua cử về địa phương chỉ nhằm mục đích thực hiện hay giám sát sự thực hiện các quyết định của nhà vua, mà không tính đến các điều kiện hoàn cảnh của địa phương, hoặc thậm chí cai trị theo cách riêng của quan chức được cử về. Sau dần với sự phát triển của dân chủ, các lãnh đạo địa phương có một thẩm quyền nhất định cho việc giải quyết các công việc của địa phương, trong đó có cả các việc có liên quan đến đời sống của nhân dân địa phương, và cuối cùng các quan chức được cử về chỉ làm mỗi một chức năng giám sát việc thực hiện các quyết định của cấp trên và các văn bản luật của trung ương, mà không còn có quyền hành như trước đây. Tại tất cả các tỉnh ở Pháp đều có những thị trường do hội đồng thành phố bầu cử và ở dưới quyền kiểm soát của các tỉnh trưởng. Thị trường vừa chăm nom đến những quyền lợi địa phương vừa quan tâm đến những quyền lợi của trung ương<sup>4</sup>.

Mô hình Đức:  
Phụ thuộc lãnh thổ (Areal subsidiarization)<sup>5</sup>



Mô hình của Cộng hòa Liên bang Đức (German model) có đặc điểm giống của Pháp nhưng không có cơ quan đại diện của chính quyền cấp trên xuống giám sát chính quyền cấp dưới. Đây là một mô hình mà chính quyền liên bang phụ thuộc vào chính quyền bang, chính quyền bang phụ thuộc vào chính quyền địa phương trong việc quản lý và cung cấp các dịch vụ cho dân.

Điểm đặc trưng nhất của mô hình của Đức là tính phân quyền. Đây là hệ thống quyền lực được phân theo nguyên tắc: cái gì địa phương làm tốt thì địa phương làm, trung ương chỉ làm những gì mà địa phương làm không tốt hơn. Vấn đề quan trọng trong hệ thống

của Đức là ở đây phân rất rõ trách nhiệm của từng cấp, cấp này làm thì cấp kia không làm. Và như vậy thì quyền của mỗi cấp mang tính chủ động và được phân cấp; đồng thời được phân nhiệm vụ thì cũng được phân ngân sách, tức là cấp đó sẽ có nguồn thu bảo đảm cho việc thực hiện nhiệm vụ của mình<sup>6</sup>.

Mô hình của Đức, cũng giống như của Pháp, có 5 cấp, trong đó một cấp không có cơ quan đại diện gọi là Regierungsbezirke. Ở Đức có liên bang, dưới liên bang có bang, dưới bang có Regierungsbezirke, dưới đó là Kreis và tiếp theo là Gemeinde. Kể từ cấp tiểu bang thì chính quyền của Đức có tới 3 cấp, vì cấp dưới bang không có cơ quan đại diện.

<sup>4</sup> Tôn Nhất Huy, *Tim hiểu chính trị*, Nxb Khai trí S, 1956, tr.100.

<sup>5</sup> Văn phòng Quốc hội CHXHCNVN, *tlđđ*, tr. 44.

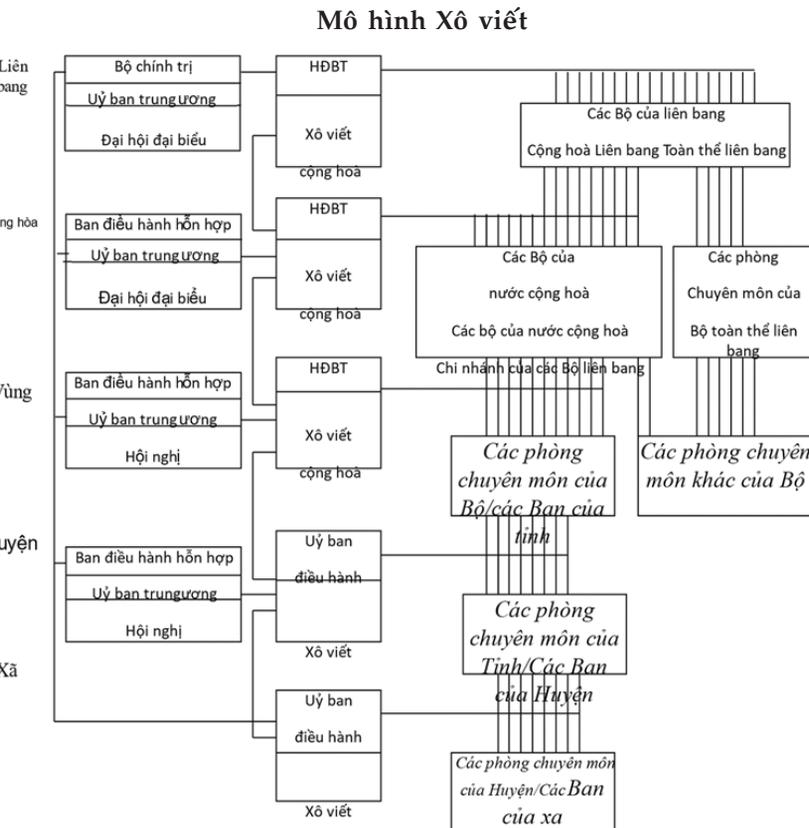
<sup>6</sup> Tôn Nhất Huy, *sđđ*, tr. 101-102.

Thứ ba, mô hình chính quyền địa phương của Nhà nước Xô viết cùng với của các nước xã hội chủ nghĩa trước đây (trước cải tổ)

Chính quyền địa phương không những được đặt dưới sự giám sát chặt chẽ của cấp trên, giữa chính quyền cấp trên đối với cấp dưới, giữa trung ương với địa phương, như các nước phương Tây phần châu Âu lục địa, mà còn chịu sự lãnh đạo trực tiếp toàn diện của cấp ủy đảng địa phương, và của cơ chế tập trung bao cấp<sup>7</sup>. Xem hình Mô hình chính quyền Xô viết và hình minh họa của các con búp bê Matryoska (tiếng Nga: матрёшка) hay búp bê Nga hay Búp bê babushka (búp bê lồng nhau, búp bê làm tổ, búp bê xếp chồng, búp bê trà Nga) là một loại búp bê đặc trưng của Nga<sup>8</sup>. Mỗi một mảnh đất, mỗi một con người phải tuân thủ mọi sự quản lý chặt chẽ các quy phạm của Nhà nước Xô viết và nguyên tắc lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương của Việt Nam được tổ chức và hoạt động theo đúng mô hình của Xô viết. Nếu tính từ cấp tiểu bang (nhà nước đơn nhất) thì ở Xô viết như ở Việt Nam là có tới 4 cấp. Con số cấp chính quyền hoàn chỉnh được hiểu là cấp có cơ quan đại diện và cơ quan chấp hành này nhiều hơn so với các nhà nước phát triển.

Với cách thức tổ chức và hoạt động của quá nhiều cấp chính quyền như trên rất khó có sự sáng tạo, phát triển của con người, nên những đề nghị tinh giảm và cắt bớt các cấp trung gian là rất hợp lý, cần phải có sự quyết tâm cho việc thực hiện.



### Kết luận

Chính quyền địa phương cùng chính quyền trung ương luôn luôn tồn tại và phát triển cùng nhau kể từ thuở xa xưa với 2 mô hình tự quản, tự trị và trực thuộc chính quyền cấp dưới đối với chính quyền cấp trên. Các thức tổ chức này hoàn toàn phụ thuộc nguyên tắc tập quyền hay phân quyền được áp dụng vào quốc gia. Nếu là phân quyền thì gọi là tự quản, tự trị; nếu là tập quyền thì là trực thuộc trên dưới giữa trung ương và địa phương, nơi thì 4 cấp, nơi thì 5 cấp, nơi thì 2 cấp, nhưng đa

phần là 3 cấp. Có cấp trung ương quyết định chung cho toàn quốc, có cấp thực thi, và có cấp trung gian để giải quyết những vấn đề nằm giữa 2 cấp, cùng để giải quyết theo thủ tục chung thẩm các khiếu nại của người dân đối với các quyết định cấp chính quyền cơ sở. Sau nhiều năm tổ chức chính quyền theo mô hình Xô viết 4 cấp, Đảng và Nhà nước Việt Nam đang có chủ trương đúng khi bỏ đi một cấp trung gian với mục tiêu tinh gọn và giảm bớt sự phiền hà, tăng cường sự gắn kết giữa người dân với chính quyền ■

N.Đ.D-N.Đ.D

### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đăng Dung, *Sự hạn chế quyền lực nhà nước*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005.
2. G.W.F. Hegel, *Các nguyên lý của triết học pháp quyền*, Nxb Tri thức, 2010.
3. Tôn Nhất Huy, *Tìm hiểu chính trị*, Nxb Khai trí S., 1956.
4. Matryoshka - *Soul of Russia. Russian Life*. Bản gốc lưu trữ ngày 17 tháng 8 năm 2011, truy cập ngày 23 tháng 10 năm 2011.
5. Văn phòng Quốc hội CHXHCNVN, *Kỷ yếu Hội thảo Đổi mới tổ chức và hoạt động của thường trực, các ban của hội đồng nhân dân*, Hà Nội, 2003.

<sup>7</sup> Nguyễn Đăng Dung, *Sự hạn chế quyền lực nhà nước*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005, tr. 308.

<sup>8</sup> *Matryoshka - Soul of Russia". Russian Life*. Bản gốc lưu trữ ngày 17/8/2011, truy cập ngày 23/10/2011.



# HỘI LIM - TIÊN DU

## VĂN HÓA ĐẶC SẮC VÙNG KINH BẮC

**H**ội Lim năm nay diễn ra trong hai ngày 09-10/2 (tức ngày 12 và 13 tháng Giêng năm Ất Ty) tại 3 xã thuộc tổng Nội Duệ xưa, nay là thị trấn Lim, xã Nội Duệ và xã Liên Bão, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Hội Lim là lễ hội lớn, tổ chức vào dịp đầu Xuân hàng năm, mang đậm bản sắc văn hóa vùng Bắc Ninh - Kinh Bắc và cũng là một trong những lễ hội Quan họ lớn nhất trên địa bàn tỉnh. Điểm mới trong lễ hội năm nay là Ban tổ chức mở rộng không gian thưởng thức, giao lưu Quan họ để du khách có thêm nhiều trải nghiệm phong phú. Đó là các hoạt động giao lưu, biểu diễn dân ca Quan họ trên sân khấu, hát cửa đình, cửa chùa, hát dưới thuyền, hát trong nhà chứa và tại gia đình các nghệ nhân, hát đối đáp Quan họ... Đồng thời, Ban tổ chức Lễ hội vùng Lim cũng chỉ đạo các cơ quan liên quan thực hiện công tác kiểm tra phòng dịch, vệ sinh môi trường, đảm bảo an toàn thực phẩm, trong đó yêu cầu các hộ kinh doanh tại lễ hội ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm, các cửa hàng, quán niêm yết giá cụ thể;

nghiêm cấm các dịch vụ điện tử, các trò chơi dùng loa có công suất lớn, hoạt động tại các điểm gần trung tâm lễ hội...

Huyện Tiên Du đang trình Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa Lễ hội vùng Lim vào Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia nhằm tiếp tục phát huy giá trị văn hóa, khơi dậy niềm tự hào truyền thống lâu đời của quê hương Kinh Bắc; quảng bá hình ảnh, con người, quê hương Tiên Du, Bắc Ninh tới bạn bè du khách trong nước và quốc tế. Theo bà Nguyễn Thị Hào, Phó Chủ tịch UBND huyện Tiên Du, việc tổ chức Lễ hội Lim Xuân Ất Ty 2025 nhằm tiếp tục phát huy các giá trị văn hóa truyền thống trên địa bàn huyện Tiên Du; thể hiện lòng thành kính, biết ơn những danh nhân lịch sử văn hóa và những anh hùng dân tộc trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước. Lễ hội sẽ tiến hành rước sắc từ đình làng Đình Cả sang đình làng Lộ Bao và tế lễ dâng hương theo nghi thức truyền thống tại các đình, đền, chùa ở các làng thuộc xã Nội Duệ, xã Liên Bão, thị trấn Lim.

P.V

TẠP CHÍ  
**LUẬT SƯ VIỆT NAM**

TẠP CHÍ KHOA HỌC

ĐƯỢC TÍNH ĐIỂM NĂM 2023 THEO QUYẾT ĐỊNH  
SỐ 22/QĐ-HĐGSNN NGÀY 05 THÁNG 7 NĂM 2023  
CỦA HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ NHÀ NƯỚC



TẠP CHÍ  
**LUẬT SƯ VIỆT NAM**  
VIETNAM LAWYER JOURNAL  
CƠ QUAN CỦA LIÊN ĐOÀN LUẬT SƯ VIỆT NAM

Giấy phép xuất bản số 366/GP-BTTTT do Bộ TT&TT cấp ngày 21/8/2020; sửa đổi, bổ sung số 388/GP-BTTTT ngày 16/10/2023

Tổng Biên tập: ThS Đặng Ngọc Luyến

Tòa soạn: Tầng 1, Tòa nhà CT13B KĐT Nam Thăng Long, đường Võ Chí Công, quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội. Điện thoại liên hệ: Biên tập - 0913540671; Phát hành - 0968750333

Email: tapchiluatsu.in@gmail.com. Tạp chí điện tử: www.lsvn.vn/tapchiluatsu.vn

VPĐD tại TP. Hồ Chí Minh: 280F1 Lương Định Của, phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 0938639099

VPĐD tại Cần Thơ: 284 đường Võ Văn Kiệt, khu vực 5, phường An Thới, quận Bình Thủy, TP. Cần Thơ. Điện thoại: 0913618808

VPĐD tại khu vực Bắc Trung bộ: 68B, đường Trương Văn Lĩnh, TP. Vinh tỉnh Nghệ An. Điện thoại: 0913028862